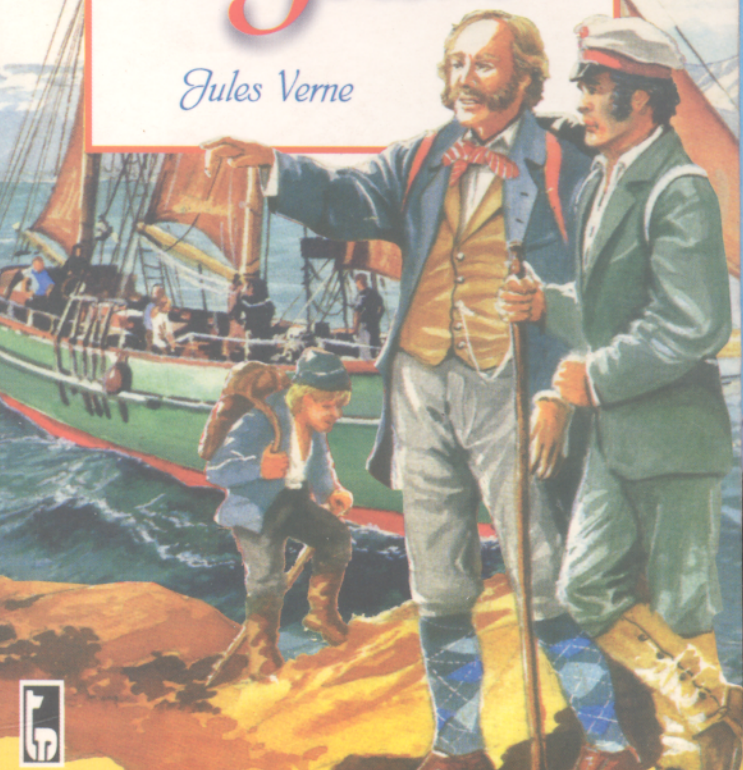


TÁC PHẨM VĂN HỌC CỔ ĐIỂN CHỌN LỌC

Những đứa con của **THUYỀN** **TRƯỜNG** Grant

Jules Verne



Tác phẩm văn học cổ điển
CHỌN LỌC

Jules Verne

HỮNG ĐỨA CON CỦA
THUYỀN TRƯỞNG
GRANT

TRỌNG THẢO phỏng dịch

Nhà Xuất Bản THANH NIÊN

1. BA LÁ THỦ CỦA THUYỀN TRƯỞNG GRANT

Ngày 26 tháng bảy năm 1864, một chiếc tàu buồm lộng lầy băng băng lướt trên sóng Bắc Cực theo hướng gió đông bắc đang thổi mạnh. Chiếc tàu buồm ấy có tên Duncan. Trên cột buồm phất phới lá cờ Anh quốc. Tàu Duncan được chạy thử chưa lâu và giờ đây tàu đang quay trở lại cảng Glasgow.

Trên boong tàu có huân tước Glenarvan với người vợ trẻ là huân tước phu nhân Helena và người anh họ của huân tước, thiếu tá Mac Nabbs.

Nơi chân trời đã hiện rõ đảo Arran. Khi ấy, người thủy thủ trực cho biết có một con cá lạ đang bơi sau tàu Duncan.

- Theo anh đó là con cá gì? - Huân tước hỏi thuyền trưởng.

- Thưa huân tước, tôi nghĩ đây là một con cá mập. - Thuyền trưởng John Mangles đáp.

- Vùng nước này mà có cá mập sao? - Huân tước kêu lên.

- Những con cá mập như thế này thì ở đâu cũng thấy có cả. Nếu như ngài vui lòng

chứng kiến một cảnh săn bắt thú vị, thì chúng ta sẽ có thể nhanh chóng biết đích xác đó là con cá gì?

- Vậy thì ta bắt đầu. - Huân tước nói.

Ông báo cho vợ biết, và huân tước phu nhân Helena rất thích cuộc săn cá hấp dẫn sắp diễn ra đã vội vàng lên ngay phòng hoa tiêu với chồng.

Từ mạn thuyền bên phải, các thủy thủ thả xuống biển một sợi dây câu chắc chắn. Lưỡi câu mắc một miếng thịt heo to làm mồi. Con cá mập háu ăn, mặc dù ở cách xa tàu Ducan, nhưng đã đánh hơi thấy mồi và nhanh chóng đuổi kịp.

Nó đã đến sát lưỡi câu và ngửa mình lên để dớp mồi. Loáng một cái, con cá mập giật mạnh sợi dây và bị mắc lưỡi câu, nó giãy giụa một cách tuyệt vọng nhưng người ta đã nhanh chóng quăng dây thòng lọng xiết cứng đuôi, làm tê liệt hoạt động của nó.

Chẳng mấy chốc con cá to tướng ấy đã bị người ta dùng riu phanh thây. Chiếc lưỡi câu đã lọt xuống tận dạ dày con cá. Hóa ra cái dạ dày của nó rộng tuếch. Những người thủy thủ thất vọng đã định quăng con cá mập xuống biển, bỗng viên thuyền phó để ý thấy một vật gì đó bám chặt vào nội tạng con cá.

- Ô, cái gì thế này? - Ông ta kêu lên.

- Chắc nó đã nuốt một mảnh đá để giữ thăng bằng khi bơi. - Một thủy thủ đáp.

- Làm gì có chuyện ấy! - Một thủy thủ khác lên tiếng. - Đó chỉ đơn giản là một miếng mồi chưa kịp tiêu hóa.

- Im đi, các cậu! - Thuyền phó Tom Austin xen vào câu chuyện. - Các cậu không thấy con cá này là một bọm rượu sao? Không để bỏ sót chút gì cả, nó không những đã nốc cạn rượu mà còn nuốt luôn cả cái chai nữa.

- Thì ra là vậy! - Huân tước Glenarvan kêu lên. - Một cái chai trong bụng cá mập?

- Khai nó ra đi Tom, nhưng hãy cẩn thận vì trong những cái chai tìm thấy trên biển thường có những bức thư quan trọng.

Và chẳng bao lâu cái chai đã được để lên bàn trong phòng họp. Mọi người đứng vây quanh bàn.

- Nếu trong chai có giấy tờ gì thì chắc chắn là đã bị hư hại. - Huân tước Glenarvan nhận xét.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. - Thiếu tá đồng tình.

- Ta sẽ xem sao. - Glenarvan nói và hết sức thận trọng kéo nút chai ra.

- Có thư! Trong chai có thư! - Huân tước phu nhân Helena reo lên.

- Nhưng, hình như chúng bị ướt và hư hết cả. - Glenarvan nhận xét. - Không thể lòi được những giấy tờ ấy ra, vì chúng đã bị dính chặt vào thành chai.

- Ta đập vỡ chai đi! - Mac Nabbs đề nghị.



Những tờ giấy lấy trong chai ra bị nước biển ăn mòn đến một nửa. Trong số những dòng chữ đã bị xóa chỉ có thể còn đọc rõ được một ít từ. Huân tước Glenarvan bắt đầu nghiên cứu những tờ giấy ấy.

- Trong này, - ông nói, - có ba lá thư khác nhau; có lẽ cùng một nội dung, nhưng được viết bằng ba thứ tiếng Anh, Pháp và Đức. Tôi đoán chắc như vậy sau khi đã đối chiếu các từ còn nguyên vẹn.

- Những từ ấy có thể bổ sung cho nhau được không? - Thiếu tá hỏi.

- Thật ra, - John Mangles góp ý, - nước biển không thể xóa hết các từ ở những vị trí giống nhau trong cả ba bức thư. Ráp những chữ còn nguyên vẹn trong các câu, cuối cùng ta cũng sẽ tìm được nội dung các bức thư ấy.

- Ta sẽ làm như vậy. - Glenarvan nói. - Nhưng mọi việc phải được tiến hành có phương pháp. Ta bắt đầu từ bức thư bằng tiếng Anh. Các dòng và từ trong bức thư này được sắp xếp như sau:

	62	Bri	gow
Sink			Stra
		aland	
Skipp		Gr	
		that monit	of long
and			asistance
	lost		

- Đúng là nghĩa trong thư này không bao nhiêu, - thiếu tá nói với vẻ thất vọng.

- Thư nói về một ông Gr... nào đó, có thể là thuyền trưởng của một tàu bị đắm. - Huân tước Glenarvan lên tiếng.

- Nếu ta thêm vào đó những chữ rời rạc của các từ monit và assistance thì nghĩa hoàn toàn rõ ràng.

- Thiếu những dòng chữ nguyên vẹn làm sao biết được nơi tàu bị đắm? - Thiếu tá hỏi.

- Điều đó chúng ta cũng sẽ biết thôi. - Glenarvan trả lời.

- Chắc chắn như vậy! - Thiếu tá đồng ý, ông ta bao giờ cũng hưởng ứng ý kiến chung. - Nhưng bằng cách nào?

- Bằng cách lấy các bức thư khác bổ sung cho thư này.

Mảnh giấy thứ hai mất nhiều chữ hơn mảnh giấy trước. Trên đó chỉ còn vài từ được sắp xếp như sau:

7 Juni

Glas
Zwei atrosen
graus
bringt ihnen

- Bản này viết bằng tiếng Đức. - John Mangles nói sau khi liếc qua tờ giấy.

- Anh có biết thứ tiếng ấy không, John? - Glenarvan hỏi.

- Tôi rất thạo tiếng Đức.

- Vậy thì anh dịch cho chúng tôi biết mấy từ này có nghĩa là gì?

Thuyền trưởng chăm chú xem xét tờ giấy.

- Trước hết, chúng ta có thể xác định được chính xác thời gian xảy ra nạn đắm tàu là ngày 7 tháng sáu. Khi đối chiếu con số này với số 62 trong bản tiếng Anh ta có thể biết được thời gian chính xác là ngày 7 tháng sáu năm 1862.

- Tuyệt diệu! - Helena mừng rỡ. - Rồi sao nữa John?

- Cũng ở dòng này, tôi thấy từ Glas, mà đối chiếu với từ gow của bản trước, ta có từ Glasgow. Chắc là có ý nói con tàu xuất phát từ hải cảng Glasgow.

- Tôi cũng nghĩ vậy! - Thiếu tá kêu lên.

- Trong bản này hoàn toàn không có dòng thứ hai, - John Mangles nói tiếp, - nhưng dòng thứ ba tôi thấy có hai từ rất quan trọng:

Zwei, tức là hai và atrosen, đúng hơn là Matrosen, nghĩa là thủy thủ.

- Hình như câu chuyện ở đây nói về một thuyền trưởng và hai thủy thủ. - Helena nói.

- Có lẽ như vậy! - Glenarvan đồng tình.

- Tôi không biết phải dịch từ graus tiếp theo như thế nào. May ra bản thứ ba sẽ giải thích cho chúng ta điều đó. Còn hai từ cuối cùng thì có thể hiểu nghĩa một cách dễ dàng, bringt ihnen nghĩa là hãy cứu giúp họ. Nếu ta liên hệ những từ ấy với bản tiếng Anh thì từ assistance cũng ở vị trí tương tự như vậy trên dòng thứ 7 của bản thứ nhất thì sẽ được một câu đồng nghĩa là "Hãy cứu giúp họ".

- Chúng ta hy vọng rằng bản tiếng Pháp sẽ nói rõ hơn. - Helena nhận xét.

- Nào, hãy đọc bản tiếng Pháp, - Glenarvan nói, - tất cả chúng ta đều biết thứ tiếng này, nên điều đó sẽ chẳng khó khăn gì.

Đây, bản sao chính xác bức thư thứ ba như sau:

	Trois	ats	ta inia	
		Gonie		austral
			Abor	
Contin	pr	cruel	indi	
Jeté				ongit
et 37 ⁰ 11'		lat		

- Bản này có những con số! - Helena reo lên. - Các bạn hãy nhìn xem! Hãy nhìn xem!

- Chúng ta sẽ làm mọi việc theo thứ tự, - Huân tước Glenarvan nói, - và sẽ bắt đầu từ đầu. Cho phép tôi khôi phục lại thứ tự ý của tất cả những từ không đầy đủ và rời rạc ấy. Ngay từ những từ đầu tiên tôi thấy ý thư nói về một chiếc tàu ba cột buồm mà tên của nó nhờ bản tiếng Anh và tiếng Pháp ta đã biết rõ là *Britania*. Trong hai từ tiếp theo: *gonie* và *austral* thì tất cả chúng ta chỉ mới hiểu được từ thứ hai.

- Thế là đã có một tình tiết quý giá, - John Mangles tuyên bố. - Vậy là tai nạn đắm tàu đã xảy ra ở Nam bán cầu.

- Điều đó chưa được xác định rõ, - thiếu tá nhận xét.

- Tôi tiếp tục, - Glenarvan nói, - từ *abor* là gốc của từ *aborder*. Những người bị tai nạn đã tới được bờ biển nào đó. Nhưng ở đâu? *Contin* có nghĩa là gì? Có phải là lục địa không? Rồi *cruel* nữa?

- *Cruel*! - John Mangles kêu lên. - Nghĩa của nó trong tiếng Đức grau là *grausam* tức tàn bạo!

- Chúng ta tiếp tục! Chúng ta tiếp tục! - Glenarvan nói. Ông ta chăm chú đọc bức thư với sự hứng thú ngày càng tăng lên mãnh liệt

theo mức độ khám phá ra ý nghĩa của những từ dở dang ấy. - Indi... phải chăng chỗ này ý nói về Ấn Độ, là nơi những người thủy thủ họ có thể bị dạt vào? Còn từ ongít có nghĩa là gì? À! Là longitude. Và đây, vĩ độ thì biết rồi: 37 độ 11 phút. Thế là cuối cùng ta đã có sự chỉ dẫn chính xác!

- Đúng, nhưng chưa có kinh độ, - Mac Nabbs thốt lên.

- Không thể biết ngay tất cả được, thiếu tá thân mến ạ! - Glenarvan nói. - Biết chính xác vĩ độ đâu là chuyện nhỏ? Tôi quả quyết rằng bản tiếng Pháp là bản đầy đủ nhất trong số ba bản. Rõ ràng mỗi bản ấy đều là bản dịch sát nghĩa của bản khác, bởi vì số lượng dòng của bản nào cũng đều giống nhau. Trong trường hợp này ta nên phối hợp ba bản lại, dịch chúng ra một thứ tiếng, rồi sau đó cố gắng tìm ra ý nghĩa đầy đủ nhất, hợp lý nhất và đúng sự thật nhất.

- Chú định dịch ra tiếng nào trong ba thứ tiếng ấy? - Thiếu tá hỏi.

- Tiếng Pháp, - Glenarvan đáp, - bởi vì trong bản tiếng Pháp còn giữ được nhiều từ.

Glenarvan cầm ngay bút và vài phút sau đưa cho các bạn bản dịch của mình. "

Vừa lúc ấy, một thủy thủ xuất hiện. Anh ta báo cáo cho thuyền trưởng biết con tàu

Duncan đang đi vào vịnh Fort of Clyde và xin chỉ thị của thuyền trưởng.

- Ý kiến của ngài thế nào, thưa huân tước? - John Mangles hỏi Glenarvan.

- Hãy cố gắng làm sao đến được Dumarton càng sớm càng tốt. Từ đó huân tước phu nhân Helena sẽ trở về Malcolm Castle, còn tôi sẽ đi London xuất trình bức thư này với bộ tư lệnh hải quân. Bây giờ các bạn của tôi ơi! Chúng ta tiếp tục công việc nghiên cứu của mình.

- Mọi người đều sẵn sàng cả, anh Edward thân yêu ạ! - Helena đáp.

- Trước hết, - Glenarvan nói tiếp, - chúng ta chia bức thư ra làm ba phần: thứ nhất là những gì chúng ta đã biết, thứ hai là những gì chúng ta phỏng đoán, và cuối cùng là những gì chưa thể biết. Chúng ta biết được gì rồi? Chúng ta biết được rằng ngày 7 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania xuất phát từ cảng Glasgow đã gặp tai nạn. Rồi chúng ta biết được rằng hai thủy thủ và thuyền trưởng đã viết thư này bỏ xuống biển ở vĩ độ 37⁰11' và họ yêu cầu được cứu giúp.

- Hoàn toàn đúng vậy, - thiếu tá đồng ý.

- Chúng ta có thể phỏng đoán điều gì? - Glenarvan tiếp tục. - Trước hết là tai nạn xảy ra trong vùng biển Nam bán cầu và ở đây tôi

xin lưu ý các bạn về những chữ bị gián đoạn của từ gonie. Phải chăng đó là lời chỉ dẫn về một tên nước?

- Patagonia! - Helena reo lên.

- Có lẽ là như vậy.

- Tốt lắm! Chúng ta tiếp tục những điều phỏng đoán. Hai thủy thủ và thuyền trưởng abor... đã đến được đâu? Đến contin... đất liền. Tôi lưu ý các bạn điều này. Họ đã vào được đất liền, chứ không phải lên đảo. Số phận của họ ra sao? May thay, hai chữ pr. nói với chúng ta về điều đó. Thật là những người tội nghiệp! Họ đã pris onniers, (bị bắt làm tù binh). Nhưng làm tù binh của ai? Của cruel indiens - những người da đỏ hung ác. Điều đó đã đủ sức thuyết phục các bạn chưa? Phải chăng nội dung bức thư còn chưa rõ?

Sau một phút yên lặng, huân tước phu nhân Glenarvan nói tiếp:

- Các bạn của tôi ơi, tất cả những điều phỏng đoán ấy tôi cảm thấy đúng như thật. Vậy theo tôi, tai nạn đã xảy ra gần bờ biển Patagonia. Tuy nhiên, nhất định về cảng Glasgow tôi sẽ thăm dò thêm xem tàu Britania đã đi về hướng nào. Khi đó, chúng ta chắc chắn sẽ biết nó có thể bị đắm ở vùng biển ấy không.

- Ô, chúng ta khỏi cần phải đi xa thế, -

John Mangles lên tiếng. - Tôi có nguyên bộ sưu tầm “Báo hàng hải” đây, qua đó chúng ta có thể tìm được những tin tức chính xác nhất.

John Mangles lấy ra tập báo năm 1862 và bắt đầu xem lướt qua. Lát sau, anh ta đọc to lên với vẻ mãn nguyện:

“Ngày 30 tháng năm năm 1862, Peru.Coliao. Nơi đến Glasgow, tàu Britania, thuyền trưởng Grant”.

- Grant! - Glenarvan kêu lên. - Phải chăng đó là người Scotland dũng cảm đã định thành lập một vùng di dân mới ở một nơi nào đó trên Thái Bình Dương!

- Đúng, - John Mangles đáp. - Chính là Grant đó đấy. Năm 1861, ông ta đã rời cảng Glasgow trên con tàu Britania và từ đó tới nay biệt vô âm tín.

- Bây giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa! - Glenarvan nói. - Đúng là ông ta rồi! Tàu Britania đã rời cảng Coliao ngày 30 tháng năm, nhưng ngày 7 tháng sáu, sau khi rời cảng được một tuần, nó đã bị nạn gần bờ biển Patagonia. Và đây, từ những chữ rời rạc tưởng như khó hiểu này chúng ta đã biết được toàn bộ lai lịch của nó. Các bạn của tôi ơi, các bạn có thấy không, chúng ta đã đoán ra được nhiều điều! Bây giờ chỉ còn một điều chưa thể biết đó là kinh độ - chỉ có bấy nhiêu thôi.

- Nhưng điều đó ta có cần đâu? - John Mangles tuyên bố, - vì đã biết được tên nước và vĩ độ, nơi xảy ra tai nạn rồi. Tôi bảo đảm sẽ tìm được nơi ấy.

- Thế nghĩa là chúng ta đã rõ hết mọi điều? - Helena hỏi.

- Đúng vậy, em thân yêu ạ, và anh có thể khôi phục lại những chữ đã bị nước biển xóa nhòa với mức độ chính xác hệt như chính thuyền trưởng Grant đọc cho anh viết vậy.

Huân tước Glenarvan lại cầm bút và vững tin viết những dòng sau:

“Ngày 7 tháng sáu năm 1862, con tàu Britania xuất phát từ cảng Glasgow đã bị đắm tại gần bờ biển Patagonia, Nam bán cầu. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant lên được bờ và sẽ bị những người da đỏ hung dữ bắt làm tù binh. Họ đã bỏ thư này ở kinh độ... và vĩ độ $37^{\circ}11'$. Hãy cứu giúp họ, nếu không họ sẽ chết”.

- Tuyệt! Tuyệt lắm, Edward ạ! - Helena thốt lên. - Và nếu như những người bất hạnh ấy được thấy lại quê hương mình, thì họ sẽ biết ơn anh với niềm hạnh phúc đó!

- Họ sẽ nhìn thấy quê hương! - Glenarvan đáp. - Bức thư này đã rõ ràng và đích xác đến mức nước Anh không thể không cứu ba đứa con của mình bị dạt vào bờ biển hoang vu.

Tàu Duncan đã về gần cảng, chạy qua Greenok và thả neo tại Dumbarton. Huân tước Glenarvan ôm hôn người vợ trẻ, rồi vội vã ra ga đón xe lửa đến cảng Glasgow.

Nhưng trước khi đi, ông đã tranh thủ sử dụng phương tiện thông tin nhanh nhất và chỉ vài phút sau phòng điện báo đã chuyển đến các tòa soạn tờ "Times" (Thời Báo) và tờ "Morning chronicle" (Thời sự buổi sáng) thông báo như sau:

"Về số phận của chiếc tàu ba cột buồm Britannia xuất phát từ cảng Glasgow và thuyền trưởng Grant, hãy liên hệ với huân tước Glenarvan ở Malcolm Castle, Luss, Dumbarton, Scotland".

Ông hy vọng rằng thân nhân của những người sống sót trên tàu Britannia sẽ biết được tin này.

2. LÂU ĐÀI MALCOLM

Malcolm là một trong những lâu đài thơ mộng của vùng núi Scotland.

Từ thời xa xưa, lâu đài đã thuộc quyền sở hữu của dòng họ Glenarvan.

Huân tước Glenarvan là người sở hữu một cơ ngơi to lớn mà ông đã dùng để làm việc thiện cho những người nghèo ở chung quanh.

Huân tước 32 tuổi, dáng người cao, nét mặt hơi nghiêm khắc, nhưng đôi mắt lại hiền từ một cách lạ thường. Ông là người chính thống của vùng núi Scotland thơ mộng này. Ông cũng là người dũng cảm, hoạt bát và độ lượng vô cùng.

Huân tước mới lấy vợ được ba tháng nay. Vợ ông, nàng Helena, là con gái của một nhà du lịch nổi tiếng tên là William Tuffnel, một người đã cống hiến đời mình cho khoa học địa lý và cho sự đam mê khám phá.

Cô Helena không thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng là người Scotland, mà theo huân tước Glenarvan, điều ấy còn cao quý hơn bất kỳ tầng lớp quý tộc nào, và ông đã kén chọn cô gái tuyệt sắc, dũng cảm quên mình ấy làm người bạn đời.

Đôi vợ chồng trẻ sống hạnh phúc ở Malcolm Castle, giữa khung cảnh tự nhiên kỳ diệu của vùng núi Scotland.

Thế rồi huân tước Glenarvan đã đi London. Vì chuyện liên quan đến việc cứu những người không may bị nạn, nên chuyến đi đột ngột của chồng không làm cho Helena buồn phiền. Nàng chỉ nóng lòng chờ đợi chàng. Bức điện tín nàng nhận được hứa hẹn ngày chàng về không xa nữa.

Tối ngày hôm sau, nàng đang ngồi trong phòng riêng thì viên quản lý Halbert bước vào, hỏi nàng có thể tiếp chuyện với một cô gái trẻ và một chú bé xin gặp huân tước Glenarvan được không?

- Anh mời họ vào đây, Halbert. - Huân tước phu nhân Glenarvan nói.

Viên quản lý đi ra. Vài phút sau, một cô gái trẻ và một chú bé bước vào phòng Helena. Đó là hai chị em. họ giống nhau đến nỗi không thể ngờ được điều đó. Cô chị tuổi chừng 16 tuổi. Gương mặt xinh xắn của cô có vẻ mệt nhọc. Cô dắt tay một chú bé chừng 12 tuổi. Nét mặt chú trông rất kiên quyết. Dường như chú coi mình là người che chở cho chị. Đúng thế. Hiển nhiên là, nếu ai dám có thái độ coi thường một cô gái, nhất định phải coi chừng chú bé này.

Cô chị đứng trước Helena hơi lúng túng, nhưng Helena đã kịp lên tiếng bắt chuyện với cô ta.

- Cô muốn nói chuyện với tôi phải không?

- Helena hỏi, nhìn cô gái với vẻ khích lệ.

- Bà là huân tước phu nhân Glenarvan ă?

- Cô gái hỏi.

- Đúng rồi.

- Là vợ của chính huân tước Glenarvan ở Malcolm Castle, người đã cho đăng thông báo trên tờ "Times" nói về vụ đắm tàu Britania, phải không ă?

- Phải, phải! - Helena vội vàng đáp. - Thế cô là ai?

- Cháu là con gái của thuyền trưởng Grant, còn đây là em trai của cháu.

- Cô Grant! Cô Grant! - Helena kêu lên, rồi ôm chầm lấy cô gái, và hôn lấy hôn để chú bé.

- Thưa bà, - cô gái hỏi hộp nói, - bà có biết gì về vụ đắm tàu của ba cháu không ă? Liệu có khi nào chúng cháu được gặp ba cháu không? Xin bà nói đi, cháu van xin bà.

- Cháu yêu quý ă, - Helena đáp, - tuy rằng hy vọng rất mong manh, nhưng vẫn còn có khả năng một ngày nào đó các cháu sẽ được gặp lại người cha của các cháu.

- Trời ơi!... - Cô gái kêu lên và không kiềm chế được nữa, cô khóc nức nở.

Còn em trai cô, Robert, lúc ấy lại nồng nhiệt hôn vào tay huân tước Glenarvan.

Khi nỗi xúc động đau thương ban đầu đã qua, cô gái lại hỏi Helena dồn dập hết câu này đến câu khác, và huân tước phu nhân đã kể cho cô nghe về chuyện những bức thư, chuyện con tàu Britania bị đắm ở bờ biển Patagonia, thuyền trưởng và hai thủy thủ thoát nạn đó có lẽ đã được lên bờ và cuối cùng, chuyện bức thư bằng ba thứ tiếng được để trong chai trôi trên biển, kêu gọi mọi người trên thế giới hãy cứu giúp họ.

- Ôi! Người cha tội nghiệp của con! Chú bé Robert nép sát vào chị.

Còn cô Grant thì khoanh tay ngồi nghe không bỏ sót một lời.

- Thế còn bức thư, bức thư đâu, thưa bà? - Cô gái kêu lên khi Helena vừa dứt lời kể.

- Tôi không giữ bức thư ấy nữa, cô bé yêu quý ạ! - Huân tước phu nhân Helena trả lời.

- Bà không còn giữ nữa sao?

- Phải, vì lợi ích của cha cháu, nên huân tước Glenarvan đã phải mang bức thư ấy đi London. Nhưng tôi đã kể cho cô nghe hết nội dung của bức thư và cách mà chúng tôi tìm hiểu nội dung bức thư ấy. Trong số những chữ

rời rạc còn lại trong các câu bị nước biển xóa nhòa, sóng biển còn thương tiếc vài con số. Thật là không may, vẫn chưa biết được ở kinh độ nào...

- Có thể không cần biết ở kinh độ nào cũng có thể tìm được mà! - Chú bé kêu lên.

- Tất nhiên là thế, Robert ạ! - Helena tán thành bất giác mỉm cười trước thái độ kiên quyết ấy của Grant con. - Cô thấy đấy, cô Grant ạ! - Helena quay sang cô gái, - bây giờ thì mọi chi tiết nhỏ nhất trong bức thư cô cũng đều biết rõ như tôi vậy.

- Vâng, thưa bà, nhưng cháu muốn được nhìn thấy nét chữ của cha cháu.

- Biết làm sao bây giờ, có thể ngày mai huân tước Glenarvan sẽ trở về. Có trong tay một bức thư rõ ràng, ngài huân tước đã quyết định trình nó lên bộ tư lệnh hải quân và yêu cầu cho ngay một chiếc tàu đi tìm thuyền trưởng Grant.

- Có thể như thế được sao? - Cô gái thốt lên. - Phải chăng ông bà đã làm điều đó là vì chúng cháu?

- Đúng thế cô ạ, và tôi đang đợi huân tước Glenarvan từng giây, từng phút đây.

- Thưa bà, - cô gái nói với lòng biết ơn và tin tưởng sâu sắc, - mong trời phù hộ cho bà và huân tước Glenarvan.

- Cô bé yêu quý, - Helena trả lời, - chúng tôi không xứng đáng được cảm ơn một chút nào cả; bất kỳ ai ở cương vị chúng tôi cũng đều làm như thế. Còn trong lúc đợi nhà tôi về, dĩ nhiên là các cháu cứ ở lại đây...

- Thưa bà, cháu không dám lạm dụng lòng thương cảm của bà đối với chúng cháu, những người xa lạ đối với bà.

- Những người xa lạ! Không, cháu yêu quý, cả em trai cháu lẫn cháu đều không phải là những người xa lạ trong ngôi nhà này, và tôi nhất định muốn rằng nhà tôi khi trở về sẽ báo cho những đứa con của thuyền trưởng Grant biết cần phải làm gì để cứu cha của chúng.

Không thể từ chối một lời mời chân tình như thế, hai chị em cô Grant đã ở lại Malcolm - Castle đợi huan tước Glenarvan.

Mary và Robert là những đứa con duy nhất của thuyền trưởng Grant. Vợ của ông đã qua đời khi sinh Robert. Trong thời gian những chuyến đi xa ông đã giao con mình cho người chị họ tốt bụng chăm sóc.

Công việc của ông thuận buồm xuôi gió và, sau khi sinh đứa con trai được mấy năm, ông đã có được một cơ ngơi nho nhỏ.

Và chính khi đó, trong ông đã nảy sinh ra ý nghĩ khiến ông đã trở thành người lừng

danh khắp chốn Scotland. Theo quan điểm của ông thì những lợi ích của tổ quốc ông không thể phù hợp với những lợi ích của người Anh, và ông quyết định thành lập vùng di dân Scotland lớn trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương. Không rõ bằng cách nào ông đã để lộ những hy vọng thầm kín của mình. Dầu sao thì chính phủ Anh cũng đã từ chối việc giúp đỡ ông thực hiện dự án. Hơn thế nữa: chính phủ đã gây cho thuyền trưởng Grant đủ mọi cản trở. Nhưng Harry Grant không chịu khuất phục: ông đã kêu gọi lòng yêu nước của đồng bào, ông đã bán tài sản của mình để lấy tiền đóng chiếc tàu *Britania* và, sau khi tuyển chọn một đoàn thủy thủ tài giỏi, ông đã cùng họ đi nghiên cứu những hòn đảo lớn trên Thái Bình Dương. Còn các con của mình, ông gửi lại cho người chị họ trông nom. Đó là vào năm 1861. Trong suốt một năm, cho đến tận tháng năm năm 1862, ông vẫn thường xuyên có tin tức. Nhưng từ khi ông rời cảng Collao tháng sáu năm 1862 thì không ai biết tin gì về tàu *Britania* nữa. Cả tờ “*Gazette maritime*” (báo Hàng Hải) cũng im hơi lặng tiếng về số phận của thuyền trưởng Grant.

Người chị họ của Harry Grant đột ngột qua đời, thế là các con ông sống một mình bơ vơ. Mary Grant mới 14 tuổi đầu, nhưng đã là cô bé dũng cảm, bị lâm vào tình trạng vất vả

như vậy, nhưng cô không ngã lòng, cô luôn dạy dỗ đứa em trai của mình. Cô biết lo xa, thận trọng, tiết kiệm, suốt ngày đêm quên mình làm việc vì em, giáo dục em và kiên trì đảm nhận phận sự của người mẹ.

Hai đứa nhỏ sống ở Dundee, quyết tâm vật lộn với mọi thiếu thốn. Mary chỉ nghĩ đến em trai và ước mơ tương lai hạnh phúc cho em. Cô bé tội nghiệp đành đành rằng tàu Britania đã bị đắm và cha không còn nữa. Không sao diễn tả nỗi sự hồi hộp của Mary khi cô tình cờ đọc được thông báo trên tờ "Times" (Thời Báo). Lời thông báo ấy đã đưa cô thoát khỏi nỗi thất vọng mà bấy lâu nay cô đã chịu đựng.

Cô đã kể hết với em trai. Ngay hôm ấy, hai đứa con của thuyền trưởng Grant lên tàu hỏa đi Perth và chiều tối đã đến Malcolm Castle. Và ở đây, sau biết bao nỗi đau khổ về tinh thần, Mary lấy lại được niềm hy vọng.

Hôm sau, khi Mary và Robert vừa thức giấc lúc trời rạng sáng, đang dạo chơi trong sân lâu đài, bỗng có tiếng xe ngựa ồn ào tiến lại gần. Đó là huân tước Glenarvan trở về Malcolm Castle. Bầy ngựa phóng hết tốc lực...

Gần như đúng lúc chiếc xe ngựa dừng lại ở sân, Helena đã kịp ra đón chồng.

Về mặt huân tước đầy nỗi thất vọng. Ông lặng lẽ ôm hôn vợ.

- Thế nào rồi anh Edward? - Helena hỏi.

- Bọn người ấy nhấn tâm lắm em ạ! - Huân tước Glenarvan trả lời.

- Họ từ chối à?

- Ừ, họ đã khước từ yêu cầu của chúng ta là cho tàu đi tìm. Họ tuyên bố rằng bức thư đó hoàn toàn tối nghĩa, khó hiểu. Họ nói rằng tai nạn đã xảy ra với những người bất hạnh ấy cách đây hai năm rồi, bây giờ không còn cơ hội để tìm thấy họ. Họ quả quyết rằng những người gặp nạn đã bị những người da đỏ bắt làm tù binh, tất nhiên là đã bị đưa sâu vào đất liền và cũng không nên đi khắp đất nước Patagonia để tìm ba người, lại là ba người Scotland! Họ còn nói những cuộc tìm kiếm mạo hiểm vô ích này sẽ làm hại nhiều người hơn là cứu sống ba mạng người. Tóm lại, họ đã dẫn ra đủ mọi kết luận có thể để khước từ. Họ nhắc đến những dự án của thuyền trưởng và nói rằng Grant đã chết không bao giờ trở về được nữa!

- Ôi! Người cha tội nghiệp của con! - Mary Grant kêu lên và quỳ bên Glenarvan.

- Cha của cô ư? - Huân tước Glenarvan hỏi, ngạc nhiên khi nhìn cô gái đang phục dưới chân mình. - Không lẽ cô là...

- Đúng đấy anh Edward ạ, - Helena xen vào, - cô Mary và em trai Robert là con của thuyền trưởng Grant, đấy là những đứa trẻ

mà các ngài ở bộ tư lệnh hải quân vừa mới buộc phải cảnh côi cút.

- Chà, cô là... - huân tước Glenarvan nói, đỡ cô gái đứng lên, - nếu tôi biết cô ở đây thì...

Huân tước không nói hết câu. Sự im lặng nặng nề bao trùm lên sân lâu đài, không ai nói câu nào. Rõ ràng là tất cả những người Scotland này đều cảm phần chính phủ Anh.

Mấy phút sau, thiếu ta hỏi Glenarvan:

- Thế là chúng ta không còn hy vọng gì?

- Không còn gì!

- Biết làm sao bây giờ! Đã vậy thì cháu sẽ đi gặp các ngài ấy! - Chú bé Robert kêu lên. - Rồi sẽ xem sao...

Cô chị không cho em nói hết lời, nhưng bàn tay nắm chặt của chú bé chứng tỏ chú không dễ dàng chịu khuất phục.

- Không, Robert, không! Mary Grant nói. - Chúng ta hãy cảm ơn ông bà chủ lâu đài yêu quý về tất cả những gì đã dành cho chúng ta. Chúng ta sẽ suốt đời không quên điều đó. Rồi chúng ta sẽ đi.

- Mary! - Huân tước Helena kêu lên.

- Cô định làm gì? - Huân tước Glenarvan hỏi cô gái.

- Cháu muốn phục dưới chân nữ hoàng, - cô gái trả lời, - và xem bà ta có để tai nghe lời cầu khẩn cứu giúp của hai đứa trẻ không?

- Mary Grant! - Helena kêu lên. - Khoan đã, đừng đi cháu. Hãy nghe lời tôi đây.

Huân tước phu nhân hồi hộp, rưng rưng nước mắt nói với chồng:

- Anh Edward! Thuyền trưởng Grant khi bỏ thư xuống biển đã phó thác số phận mình cho ai nhận được thư. Thư ấy đã lọt vào tay chúng ta...

- Em muốn nói gì vậy Helena? - Huân tước Glenarvan hỏi.

Mọi người đứng xung quanh đều im lặng.

- Em muốn nói rằng, - Helena tiếp lời, - bắt đầu cuộc sống vợ chồng bằng một việc thiện là một điều hạnh phúc lớn lao! Chính anh đó, anh Edward thân yêu, để làm cho em vui thú, anh dự định một chuyến viễn du giải trí. Nhưng liệu có thấy vui thật không, nếu ích lợi hơn việc cứu những người bất hạnh mà tổ quốc đã khước từ giúp họ không?

- Helena! - Glenarvan kêu lên.

- Vâng, anh hiểu em, anh Edward. Duncan là một chiếc tàu tốt, chắc chắn. Nó có thể dũng cảm bơi đến các biển miền Nam, có thể thực hiện cuộc du lịch vòng quanh thế giới và nó sẽ hoàn thành việc đó nếu cần phải như thế! Hãy lên đường đi, anh Edward! Chúng ta sẽ đi tìm thuyền trưởng Grant.

3. HÀNH KHÁCH PHÒNG SỐ 6

Ngày hôm ấy, huân tước Glenarvan đã ra lệnh cho John Mangles đưa tàu Duncan đến cảng Glasgow và chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho cuộc hành trình đi đến các biển Nam bán cầu - thực chất có thể trở thành cuộc hành trình vòng quanh thế giới.

Đó là một chiếc tàu buồm tuyệt vời chạy bằng hơi nước, trọng tải 210 tấn.

Cần phải nói rằng John Mangles là người am hiểu công việc của mình. Mặc dù anh ta chỉ huy một tàu buồm thôi, nhưng nói chung, anh được coi là một trong những thuyền trưởng tàu buồm giỏi nhất cảng Glasgow. Johnm đã 30 tuổi. Nét mặt anh hơi nghiêm khắc, hiện rõ lòng dũng cảm và nhân hậu. Anh về ở lâu đài Malcolm - Castle từ khi còn nhỏ. Gia đình Glenarvan đã cho anh học hành và đào tạo anh thành một thủy thủ tuyệt vời. Trong một số chuyến đi xa do John Mangles điều hành, anh đã tỏ rõ tài nghệ, nghị lực và tính điềm đạm của mình. Khi Glenarvan giao cho anh chỉ huy tàu Duncan, anh đã vui lòng đảm nhận, bởi vì anh đã yêu quý người chủ lâu đài Malcolm - Castle như

người anh em và tìm cơ hội để bày tỏ lòng trung thành của mình với chủ.

Người giúp việc của John Mangles - Tom Austin - là một thủy thủ lão luyện hoàn toàn đáng tin cậy. Kể cả thuyền trưởng và phó thuyền trưởng, tàu Duncan gồm có 15 người. Tất cả họ, những người thủy thủ dày dặn kinh nghiệm, đều là những người gốc Dumbarton, và là con em các tá điền làm thuê cho dòng họ Glenarvan. Ngay cả ở trên tàu họ cũng vẫn chứng tỏ mình là dòng dõi của những người Scotland can đảm. Như vậy là Glenarvan đã có dưới quyền mình một đoàn thủy thủ trung thành dũng cảm, thiết tha với công việc, có kinh nghiệm, biết sử dụng vũ khí, và thích hợp cho những cuộc phiêu lưu mạo hiểm nhất.

John Mangles trong khi miệt mài lo việc bốc nhiên liệu và lương thực lên tàu Duncan đã không quên việc cần phải bố trí phòng ở cho vợ chồng huân tước trong chuyến đi xa này. Đồng thời anh cũng phải chuẩn bị phòng cho các con của thuyền trưởng Grant - vì huân tước phu nhân Helena không thể không chiều theo yêu cầu của Mary cho cô được đi theo tàu Duncan. Còn Robert, tất nhiên, thà trốn nhanh xuống hầm tàu còn hơn phải ở lại trên bờ. John Mangles đã được giao việc dạy nghề đi biển cho chú.

- Tuyệt quá! - Robert tuyên bố. - Xin thuyền trưởng đừng thương xót cháu và cứ cho ăn roi, nếu cháu làm điều gì không phải.

- Hãy yên tâm về chuyện đó, chú bé của tôi ạ, - Glenarvan nghiêm giọng nói.

Để bổ sung danh sách những người hành khách trên tàu, còn phải kể đến thiếu tá Mac Nabbs. Đó là một người chừng 50 tuổi. Với nét mặt cân đối, trầm tĩnh, hiền hòa và độ lượng. Mac Nabbs bao giờ cũng chấp hành đúng mệnh lệnh, luôn luôn đồng tình với mọi người trong mọi công việc. Ông không bao giờ tranh luận về một việc gì, không tranh cãi với ai, không bao giờ mất bình tĩnh. Ông leo lên thành hầm bị phá sập cũng bình tĩnh như leo cầu thang lên phòng ngủ của mình vậy: không có cái gì, thậm chí bom nổ cũng không thể làm cho ông ta lo âu hoặc đi lệch khỏi đường hướng của ông, và hẳn là cho đến khi nhắm mắt xuôi tay ông cũng không một lần tức giận.

Đó là những hành khách của chiếc tàu buồm mà hoàn cảnh bất ngờ đã khiến họ chấp nhận thực hiện một trong những cuộc thám hiểm kỳ diệu nhất của thời đại.

Ngày đầu Duncan ra khơi, biển không lặng sóng lắm, về chiều gió thổi mạnh hơn, Duncan lắc dữ. Bởi vậy, nhóm phụ nữ không

dám leo lên boong tàu. Họ nằm trên giường trong phòng của mình.

Hôm sau, gió đã đổi hướng được đôi chút. Thuyền trưởng John Mangles ra lệnh kéo buồm lên. Nhờ vậy, Duncan trở nên ổn định, bớt cảm thấy chòng chành hơn. Huân tước phu nhân Helena và Mary sáng sớm đã có thể lên boong tàu, ở đây có mặt huân tước Glenarvan, thiếu tá và thuyền trưởng.

Hành khách trên tàu im lặng chiêm ngưỡng cảnh mặt trời mọc.

- Ôi, thật là một cảnh tượng kỳ diệu! - Cuối cùng huân tước Helena thốt lên. - Mặt trời mọc thế này là hứa hẹn một ngày tuyệt đẹp đây. Chỉ mong sao gió đừng đổi hướng và cứ thuận buồm xuôi gió như thế này!

- Đi biển cô chịu đựng được không Mary?

- Huân tước Glenarvan hỏi.

- Không đến nỗi ạ, thưa huân tước. Cháu cũng sắp quen với biển rồi.

- Thế còn chú Robert thì sao?

- Ô, Robert! - John Mangles nói xen vào. - Nếu chú ta không có ở trong buồng máy thì có nghĩa là đã leo lên cột buồm. Chú bé này chẳng biết say sóng là gì... Xem kìa, chú ta đang ở đâu?

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng thuyền trưởng chỉ lên cột buồm trước, Robert

đang vất vẻo trên ngọn buồm cách boong tàu gần ba mươi mét. Mary bất giác rùng mình.

- Cô hãy yên tâm! - John Mangles nói. - Tôi xin chịu trách nhiệm về chú ấy. Tôi cam đoan với cô rằng, chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ trình trước thuyền trưởng Grant một chàng trai cử khôi. Dầu sao chúng ta nhất định sẽ tìm thấy người thuyền trưởng đáng kính ấy.

- Ông John, xin trời phù hộ cho ông! - Cô gái trả lời.

- Cô Mary yêu quý, chúng ta đều hy vọng như thế! - Glenarvan nói. - Mọi việc đều báo hiệu với chúng ta sự thành công. Các bạn hãy nhìn hai cháu đáng yêu này. Các cháu đã tham dự vào việc thực hiện mục đích cao cả của chúng ta. Tôi đã hứa với Helena thực hiện một cuộc du lịch giải trí và tin chắc rằng tôi sẽ giữ đúng lời hứa.

- Edward, anh là người tuyệt diệu nhất! - huân tước phu nhân Glenarvan thốt lên.

- Tuyệt nhiên không phải thế đâu, song anh có một đoàn thủy thủ tuyệt diệu trên một chiếc tàu tuyệt diệu... Nhưng cô Mary này, có lẽ cô lại không thấy thán phục con tàu Duncan của chúng tôi sao?

- Tất nhiên là cháu thán phục chứ, thưa huân tước, - cô gái đáp, - và cháu còn thán phục như một người am hiểu thực sự nữa kia.

- Ra thế đấy!

- Hồi còn bé cháu đã từng chơi đùa trên những con tàu của cha cháu. Cha cháu đã định đào tạo cháu thành thủy thủ. Nhưng bây giờ đây, nếu cần, thì cháu cũng có thể làm việc cuốn buồm được.

- Cô nói gì thế, cô Mary! - John Mangles kêu to lên.

- Nếu vậy thì, - huân tước Glenarvan nói, - với thuyền trưởng John đây, không còn nghi ngờ gì nữa, cô sẽ có một người bạn lớn, bởi vì anh ta coi trọng nghề thủy thủ hơn bất kỳ nghề nào khác trên đời.

- Hoàn toàn đúng thế ạ, thưa huân tước, - chàng thuyền trưởng trả lời. - Tôi phải thừa nhận rằng cô Grant thích hợp với công việc ở mũi tàu hơn là điều khiển buồm. Hơn nữa, tôi rất vui về những lời của cô ấy.

- Nhất là khi cô ấy tỏ ý thán phục Duncan. - Huân tước Glenarvan nói thêm.

- ... Và chiếc tàu hoàn toàn xứng đáng như vậy. - John Mangles trả lời.

Mọi chỗ trên tàu được John Mangles sắp xếp rất tuyệt vời. Ai cũng vừa ý.

- Chúng ta đi dạo chơi trước khi dùng bữa điểm tâm. - Huân tước Glenarvan nói bằng một giọng dường như câu chuyện đang nói đến cuộc đi dạo chơi ở quanh lâu đài. - Tôi hy

vọng rằng khi chúng tôi trở về thì bữa điểm tâm đã được dọn sẵn trên bàn.

- Bác đi với chúng tôi chứ, thiếu tá? - Huân tước phu nhân Helena hỏi Mac Nabbs.

- Ô, thiếu tá đang bị khói thuốc lá quấy rầy. - Huân tước Glenarvan xen vào, - chúng ta sẽ không kéo chú ấy đi được đâu.

Thiếu tá gật đầu tỏ ý tán thành. Còn những người khác đi xuống phòng thủy thủ.

Còn lại trên boong một mình, Mac Nabbs, theo thói quen, vừa lẩm bẩm tự trò chuyện với mình, vừa nhả khói thuốc dày đặc chung quanh. Ông đứng bất động nhìn bọt nước xoáy đằng sau tàu. Sau vài phút im lặng ngấm nhìn như thế, ông quay lại và thấy trước mặt mình một người lạ hành khách ấy là người mà ông hoàn toàn không quen biết.

Đó là một người cao, gầy, tuổi chừng 40. Trông ông giống như một cái đinh dài có mũ. Đầu ông ta tròn và to, trán cao, mũi dài, miệng rộng, cằm nhọn. Đôi mắt ẩn sau những mắt kính tròn to, và cái nhìn bất định đặc biệt của ông chứng tỏ ông rất tinh. Gương mặt ông thông minh và vui vẻ, không thấy có sự lãnh đạm mà một số người cố làm cho ra vẻ quan trọng. Trái lại, tính không câu nệ và sự tự nhiên thoải mái đáng yêu của người lạ này chứng tỏ ông ta biết nhìn thấy trong con người

những cái tốt đẹp. Đồng thời người ta cũng dễ nhận thấy ông thuộc số người vô cùng dăng trí, nhìn mà không thấy, nghe mà không rõ. Người lạ mặt ấy đội nón đi đường, đi đôi giày thô màu vàng và dẹt bằng da. Ông mặc cái quần nhung màu nâu, và áo cũng vậy, nhưng có vô số túi đựng căng phồng: sổ sách, bóp, nói chung tất cả những thứ không cần thiết. Vai ông đeo lưng lửng một ống kính viễn vọng.

- Đầu bếp đâu? - Người lạ mặt gọi bằng một giọng nước ngoài lơ lơ, rồi bắt đầu đợi.

Không có ai ra cả.

- Đầu bếp đâu? - Ông ta gào to hơn.

Anh chàng Olbinett lúc ấy đang đi xuống bếp ở dưới boong tàu. Không sao nói hết sự ngạc nhiên của anh ta khi nghe thấy một người lạ mặt cao lớn nào đó đang réo gọi anh một cách bất lịch sự như thế.

"Người này ở đâu ra thế nhỉ? - Olbinett nghĩ - Một người bạn nào đó của huân tước chăng? Không thể như vậy được!" Tuy nhiên anh ta vẫn đến gặp người lạ mặt.

- Anh là đầu bếp trên tàu này? - Người lạ mặt hỏi.

- Vâng, thưa ông, nhưng tôi không được hân hạnh...

- Tôi là khách ở phòng số sáu, - người lạ mặt không để cho Olbinett nói hết câu.

- Phòng số sáu? - Olbinett hỏi lại.

- Phải, thế anh tên gì?

- Olbinett.

- Thế này nhé, anh bạn Olbinett của tôi ơi, - người lạ mặt phòng số sáu nói. - Cần phải nghĩ đến bữa ăn sáng đi, đừng để quá lâu nữa. Đã 36 tiếng đồng hồ rồi tôi chưa có gì vô bụng cả, nói cho đúng hơn là tôi đã ngủ 36 giờ liền, đó là điều có thể tha thứ cho một người đã đi một mạch từ Paris đến Glasgow. Anh làm ơn cho biết ở đây mấy giờ ăn sáng?

- Chín giờ, - Olbinett trả lời như cái máy.

- Bây giờ chưa tới tám giờ à? Vậy thì, Olbinett, anh đem tạm cho tôi ít cái bánh quy và một ly sherry, tôi sắp chết vì kiệt sức đây!

Olbinett nghe nhưng không hiểu gì cả, còn người lạ mặt thì cứ thao thao bất tuyệt, liên thoảng hết chuyện nọ đến chuyện kia.

- Đây, thế thuyền trưởng đâu? Ông ta chưa ngủ dậy à? Còn người thuyền phó của ông ta? Sao, ông ta cũng đang ngủ à? - Người lạ mặt nói huyền thuyên. - May quá, thời tiết tốt, gió thuận, tàu chạy êm.

Đúng lúc ông ta nói như vậy thì John Mangles xuất hiện trên cầu thang tầng lái.

- Thuyền trưởng đó, - Olbinett thông báo.

- Ôi, tôi hết sức vui mừng! - Người lạ mặt

thốt lên. Tôi rất vui sướng được làm quen với ngài, thưa thuyền trưởng Burton.

John Mangles kinh ngạc không phải vì người ta gọi anh là thuyền trưởng Burton mà là vì anh ta đã thấy một người lạ mặt trên tàu của mình.

- Thưa ngài, tôi không những không phải là họ hàng của nhà du hành Burton, mà cũng không phải là thuyền trưởng Burton, - John Mangles trả lời.

- À... à... - Người lạ mặt kéo dài giọng. - Vậy nghĩa là tôi đang nói chuyện với ngài Burdness, trợ lý của thuyền trưởng Burton?

- Ngài Burdness nào? - John Mangles hỏi.

Anh đã bắt đầu đoán được chuyện gì đã xảy ra, chỉ có điều chưa thể biết rõ người đứng trước mặt anh là ai, một người điên hay một người quái gở nào?

Chàng thuyền trưởng trẻ xác định ngay điều ấy mà không cần phải nói loanh quanh, nhưng trên boong tàu đã xuất hiện huân tước Glenarvan, vợ ông và Mary.

Trông thấy họ, người lạ mặt kêu lên:

- A, hành khách, hành khách! Tuyệt quá! Tôi hy vọng rằng, thưa ngài Burdness, ngài hãy vui lòng giới thiệu tôi...

- Huân tước Glenarvan đó, - John Mangles giới thiệu.

- Thưa ngài huân tước, - người lạ mặt nói tiếp, - xin ngài tha lỗi cho tôi về chuyện tôi đã mạn phép đến trình diện trước ngài. Nhưng ở trên biển, tôi cảm thấy rằng có thể bỏ qua phần nào nghi thức xã giao. Tôi hy vọng chúng ta sẽ nhanh chóng làm quen với nhau, và được đi cùng với quý cô, quý bà đây, thì cuộc du hành của chúng ta trên tàu Scotland sẽ vừa thân thiết lại vừa thú vị.

Cả huân tước phu nhân, lẫn cô Mary đều không biết đối đáp ra sao. Họ không thể hiểu nổi người lạ mặt này đã làm cách nào lên được boong tàu Duncan.

- Thưa ông, - huân tước quay về phía người lạ mặt, - tôi đang được hân hạnh tiếp chuyện với ai đây?

- Với Jacques Eliacin Francoi Marie Paganel, thư ký hội địa lý Paris, viện sĩ thông tấn các Hội địa lý Berlin, Bombay, Darmstadt, Leipzig, London, Peterbourg, Vienne, New York, đồng thời là hội viên danh dự của Viện địa lý và dân tộc học hoàng gia miền đông Ấn Độ. Ông đang thấy trước mắt mình một người đã hai mươi năm nghiên cứu địa lý mà không hề bước ra khỏi phòng làm việc. Cuối cùng, đã quyết định chuyển sang nghiên cứu bằng thực tế và giờ đây đang đi sang Ấn Độ để liên kết các công trình

ngiên cứu của các nhà du hành vĩ đại thành một mối thống nhất.



Rõ ràng ông thư ký của Hội địa lý là một người có sức hấp dẫn, bởi vì tất cả những điều ấy đã được ông nói ra một cách hết sức tự nhiên. Vả lại, bây giờ huân tước đang biết rất rõ ông đang có mối quan hệ với ai, tên tuổi và công lao của Jacques Paganel đã quá quen thuộc đối với ông. Những tác phẩm của ông ta về địa lý, những báo cáo về những phát hiện mới nhất in trong các tập san của Hội, việc trao đổi thư từ của ông hầu như ở khắp thế giới. Tất cả những điều đó đã làm cho Paganel trở thành một trong những nhà bác học nổi tiếng nhất nước Pháp. Do đó, Glenarvan đã nồng nhiệt đưa tay ra cho người khách bất ngờ gặp gỡ bắt.

- Bây giờ chúng ta đã quen biết nhau rồi,
- huân tước nói, thưa ngài Paganel, ngài cho phép tôi hỏi ngài một câu được chứ?

- Hai mươi câu cũng được, thưa huân tước,
- Jacques Paganel đáp, - tôi luôn luôn sẵn sàng nói chuyện với ngài.

- Ngài đã lên tàu này tối ngày hôm kia?

- Vâng, thưa huân tước, tám giờ tối ngày hôm kia. Tôi đã từ tàu hỏa nhảy xuống ga, và từ ga nhảy lên tàu Scotland, mà từ Paris tôi

đã đặt mua vé phòng số sáu. Hôm ấy trời tối đen. Tôi không gặp ai trên boong tàu cả. Vì mệt mỏi sau ba mươi tiếng đồng hồ đi đường, hơn nữa, biết rằng để khỏi bị say sóng, tốt nhất là lên tàu thì đi nằm ngay, nên tôi đã ngủ suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ qua!

Bây giờ thì mọi người đã hiểu Jacques Paganel xuất hiện trên tàu này như thế nào. Nhà du hành người Pháp đã lên nhằm tàu Duncan trong lúc mọi người đi lễ ở nhà thờ. Thế là mọi chuyện đã rõ ràng.

- Vậy là, thưa ngài Paganel, ngài đã chọn Calcutta làm điểm xuất phát cho cuộc thám hiểm của ngài phải không? - Huân tước hỏi.

- Vâng, thưa huân tước. Suốt đời mình, tôi chỉ ước mơ được nhìn thấy Ấn Độ. Và cuối cùng mơ ước ấy đang được thực hiện, tôi sắp đặt chân lên xứ sở của voi.

- Nghĩa là, thưa ngài Paganel, ngài không thể chấp nhận việc đáng lẽ đi đến nước này, mà lại buộc phải đi đến nước khác, phải không?

- Vâng, tôi có công vụ, tôi được giao nhiệm vụ thực hiện một chuyến du hành bổ ích và thú vị. Kế hoạch cuộc du hành đã được nhà bác học là bạn đồng nghiệp của tôi, ngài Vivien de Saint Martin khởi thảo. Theo kế hoạch đó, tôi phải lần theo dấu tích của anh

em Schlagin - Weit, đại tá Gabet de Moorcrof, de Jules Remy và nhiều nhà du hành nổi tiếng khác. Tôi muốn đạt được điều mà chẳng may nhà truyền giáo Crick đã không thực hiện được vào năm 1846, tức là khảo cứu dòng chảy của sông Yarou - Dzangbo - Tchou, bắt nguồn từ dãy Himalaya, tưới mát cho Tây Tạng trên suốt chiều dài 1.500 kilômét. Tôi muốn cuối cùng phải làm sáng tỏ một điều: con sông ấy có hòa cùng dòng với sông Brahmapoutre ở phía Đông Bắc tỉnh Assam không? Chỉ cần nhà du hành nào giải đáp được câu hỏi quan trọng nhất ấy đối với khoa địa lý của Ấn Độ, người đó tất nhiên sẽ được thưởng mề đay vàng.

Paganel là một người đáng khâm phục. Ông ta nói với sự hăng say đặc biệt, cứ thế tuôn ra theo trí tưởng tượng, không gì có thể ngăn được ông ta nói.

- Thưa ngài Jacques Paganel, - huân tước lên tiếng. - Khởi phải tranh cãi, đó là một cuộc du hành tuyệt vời, và khoa học sẽ biết ơn ngài về cuộc hành trình ấy. Nhưng tôi không muốn để ngài bị lạc xa hơn, vì vậy thấy cần phải nói ngay rằng, trong thời gian trước mắt có lẽ ngài đành phải từ bỏ thú vui đến thăm Ấn Độ.

- Từ bỏ ư? Vì sao?

- Tại vì, ngài đang đi hướng ngược hẳn với Ấn Độ.

- Sao lại thế, thưa ngài thuyền trưởng Burton..?

- Tôi không phải là thuyền trưởng Burton, - John Mangles lên tiếng.

- Nhưng, Scotland..

- Đây không phải là tàu Scotland.

Nỗi kinh ngạc của Paganel không sao tả xiết. Ông lần lượt nhìn huân tước Glenarvan lúc ấy vẫn giữ vẻ trịnh trọng, huân tước phu nhân Helena và cô Mary, nét mặt hiện rõ vẻ buồn rầu và sự thông cảm, John Mangles mỉm cười, thiếu tá điềm đậm. Rồi nhà bác học nhún vai, kéo xệ mực kính trên trán xuống mũi, kêu lên:

- Sao lại có chuyện đùa như thế này!

Nhưng đúng lúc ấy, mắt ông đã dừng lại nơi tay lái và đọc được dòng chữ đề "Duncan Glasgow".

- Duncan! - Paganel thét lên trong nỗi thất vọng, rồi sau đó chạy xuống cầu thang, về thẳng phòng mình.

Khi nhà bác học rủi ro vừa biến mất, không ai trên tàu trừ thiếu tá, có thể nhìn được cười. Cả các thủy thủ cũng cười rộ lên.

- Tuy nhiên, trường hợp ấy đối với

Jacques Paganel không làm tôi ngạc nhiên, - huân tước Glenarvan nhận xét. - Ông ta vẫn nổi tiếng với những điều rủi ro như vậy đấy. Có lần ông đã cho in một bản đồ châu Mỹ tuyệt diệu, trong đó khéo léo vẽ cả nước Nhật. Nhưng tất cả điều đó không ngăn trở ông ta thành nhà bác học xuất sắc và là một trong những nhà địa lý giỏi nhất nước Pháp.

Vừa lúc ấy, Paganel, sau khi biết chắc hành lý của mình còn nguyên vẹn trên tàu, lại trèo lên boong, ông đến gặp huân tước Glenarvan.

- Thế tàu Duncan này đi đâu? - Ông hỏi.

- Đi Concepcion. - Thưa ngài Paganel.

- Đi Chili! Đi Chili! - Nhà bác học rủi ro kêu lên. - Còn cuộc thám hiểm của tôi lại đi Ấn Độ... Bây giờ làm sao tôi có thể đến dự cuộc hội nghị của Hội vật lý được?

- Đừng thất vọng thưa ngài Paganel, - Glenarvan bắt đầu an ủi ông. Tất cả những chuyện ấy đều có thể kết thúc đối với ngài mà không phí mất bao nhiêu thời gian đâu. Còn con sông Yarou - Dzangbo - Tchow vẫn sẽ đợi ngài ở vùng núi Tây Tạng. Chúng ta sắp ghé lại đảo Madère và đến đó ngài sẽ chuyển tàu quay trở lại châu Âu.

- Tôi vô cùng cảm ơn ngài huân tước, - Paganel đáp. - Tôi xúc động sâu sắc trước tấm

lòng của ngài. Nhưng ngài cho phép tôi được nói lên điều suy nghĩ đơn giản của tôi như sau: Ấn Độ là một đất nước tuyệt diệu, đầy bất ngờ kỳ lạ đối với khách du lịch. Chỉ cần người lái tàu ngoặt tay lái là Duncan sẽ chạy theo hướng Calcutta cũng dễ dàng như đi Concepcion, mà cuộc hành trình lại vui thú biết bao. Tôi cảm thấy rằng Duncan là chiếc tàu buồm để dạo chơi.

Nhưng, trông thấy Glenarvan lắc đầu không đồng ý, Paganel im ngay.

- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói, - nếu đây là một chuyến đi du hí thì tôi sẽ không ngần ngại trả lời ngài ngay rằng: "Nào, tất cả chúng ta sẽ cùng nhau đi Ấn Độ". Nhưng vấn đề là Duncan cần đi châu Mỹ để tìm cứu những người bị nạn ở vùng bờ biển Patagonia, đưa họ về nước, vì vậy nó không thể từ bỏ một mục đích nhân đạo như thế.

Mấy phút sau, nhà du hành người Pháp đã hiểu cặn kẽ sự việc. Ông không nén nổi hồi hộp khi nghe nói về việc tìm thấy lá thư trong cái chai, về thuyền trưởng Grant và lời đề nghị đầy lòng độ lượng của huân tước phu nhân Helena.

- Thưa quý bà, - nhà bác học nói với Helena, - cho phép tôi được bày tỏ lòng khâm

phục vô hạn đối với hành vi cao cả của bà. Xin bà cứ cho tàu tiếp tục cuộc hành trình của nó. Tôi không thể tha thứ cho mình nếu làm tàu chậm trễ dù chỉ một ngày.

- Vậy ngài có muốn đi cùng với đoàn thám hiểm chúng tôi không? - Huân tước phu nhân hỏi.

- Không thể như vậy được, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tôi sẽ rời tàu ngay ở bến đỗ đầu tiên.

Mọi người đã cố gắng thuyết phục nhà địa lý tham gia cuộc thám hiểm. Huân tước phu nhân Helena nói:

- Thưa ngài Paganel, xin ngài hãy nhân danh nước Pháp chia sẻ với xứ sở Scotland niềm vinh dự tham gia cuộc thám hiểm này.

- Vâng, tất nhiên rồi!

- Nhà địa lý rất cần cho cuộc thám hiểm của chúng tôi. Có gì đẹp bằng đem khoa học phục vụ con người.

- Các bạn của tôi, các bạn muốn biết tôi đang nghĩ gì phải không? - Paganel hỏi. - Các bạn rất muốn tôi ở lại đây, đúng không?

- Chính ngài, Paganel ạ, ngài cũng hết sức muốn ở lại, - Glenarvan đối đáp.

- Muốn lắm chứ! - Nhà bác học kêu lên. - Nhưng tôi sợ quấy rầy các bạn thôi.

Mọi người trên tàu đều lấy làm phấn khởi

khi hay tin về quyết định của Paganel. Chú bé Robert hứng chí đến mức nhảy bổ đến ôm lấy nhà bác học, khiến ngài thư ký đáng kính của hội địa lý suýt té nhào.

- Thằng bé lanh lợi dữ! - Paganel nói. - Tôi sẽ dạy cho chú ta học địa lý.

Bởi vì John Mangles đã đảm nhận dạy Robert nghề đi biển, Glenarvan dạy chú trở thành con người dũng cảm, thiếu tá dạy chú làm người điềm đạm, huân tước phu nhân Helena dạy chú trở thành con người nhân hậu và độ lượng, còn Mary Grant thì dạy em biết ơn tất cả những người như vậy, nên nhất định là Grant con phải trở thành một người hoàn hảo.

Mọi việc diễn ra tốt đẹp, ai nấy đều tin tưởng cuộc thám hiểm sẽ thành công. Dường như mỗi ngày triển vọng tìm thấy thuyền trưởng Grant càng tăng thêm. Có lẽ chính thuyền trưởng tàu Duncan là người tin tưởng hơn ai hết vào sự thành công ấy. Phải chăng niềm tin của chàng chủ yếu bắt nguồn từ lòng thiết tha mong muốn cho cô Mary được an ủi và hạnh phúc. John Mangles đã dành cho cô gái ấy những tình cảm đặc biệt mà chàng giấu không khéo nên mọi người trên tàu Duncan, trừ Mary và bản thân chàng, ai cũng nhận thấy cả. Còn về nhà bác học địa lý thì chắc chắn ông là người hạnh phúc nhất ở

Nam bán cầu này. Suốt mấy ngày ròng rã, ông nghiên cứu bản đồ địa lý trải trên bàn trong căn phòng chung. Ngoài ra, Paganel đã tìm được ở chỗ người thuyền phó cả một chồng sách lẻ tẻ, trong đó có những sách viết bằng tiếng Tây Ban Nha, là tiếng phải nói rằng trên tàu không ai biết cả. Biết được tiếng đó, nhà địa lý sẽ không phải gặp những khó khăn trong việc nghiên cứu vùng duyên hải Chili. Dựa vào những khả năng về ngôn ngữ của mình Paganel hy vọng đến Concepsion ông sẽ nói thành thạo tiếng Tây Ban Nha.

4. VĨ TUYẾN BA MƯƠI BẢY

Một tuần sau khi đi vòng quanh mũi Pilares, Duncan chạy hết tốc lực vào vịnh Talccahuano - một cửa biển tuyệt vời dài 12 hải lý và rộng 9 hải lý. Thời tiết rất tốt. Ở vùng này từ tháng mười một đến tháng ba, trời không gợn một bóng mây, dọc hai bên bờ lúc nào cũng hây hây gió nam. Theo lệnh của huân tước Glenarvan, John Mangles cho tàu chạy ven bờ quần đảo Chili và những đảo khác thuộc vùng châu Mỹ này. Con tàu tiếp tục cuộc hành trình và cuối cùng, sau bốn mươi hai ngày rời bến nước Fort of Clyde mù sương, nó đã thả neo ở cảng Talcahuano.

Ngay tức khắc, Glenarvan cho hạ thủy chiếc xuồng, rồi ngồi vào đó cùng Paganel. Chẳng mấy chốc hai người đã vào đến đập chắn sóng ghép bằng những cây gỗ.

- Ta đi đến sở hải quan, - Glenarvan quyết định.

Viên lãnh sự vương quốc Anh tiếp huân tước Glenarvan rất trọng thể. Ông ta đồng ý tiến hành thăm dò dấu tích thuyền trưởng Grant trên toàn bộ vùng duyên hải.

Viên lãnh sự Bentock không biết gì về

chiếc tàu ba cột buồm Britannia bị mất tích ở vĩ tuyến 37, vùng duyên hải Chili hoặc Araucanie. Không có tin tức gì tương tự như vậy được chuyển đến ông ta, cũng như những đồng nghiệp của ông - các lãnh sự nước khác. Tuy nhiên, điều đó không làm Glenarvan thất vọng. Ngài huân tước trở lại Talcahuano. Ông không tiếc sức, tiếc tiền cho người đi thăm dò khắp vùng duyên hải. Thật là phí công, những cuộc dò hỏi cặn kẽ dân vùng biển đã không đem lại kết quả gì. Điều đó chứng tỏ Britannia sau khi bị nạn đã không để lại dấu tích nào.

- Jacques Paganel lại bắt tay nghiên cứu bức thư, ông xem xét cẩn thận nó.

Mọi con mắt đổ dồn về phía nhà địa lý.

- Tôi muốn nói rằng thuyền trưởng Grant hiện bị bọn da đỏ bắt giữ, - Paganel nói rành rọt từng tiếng, - và xin nói thêm là bức thư không để lại sự nghi ngờ nào về điều ấy cả.

- Xin ông Paganel hãy giải thích giùm cho. - Cô Grant yêu cầu.

- Không có gì dễ hiểu hơn, cô Mary thân mến thay vì đọc là "họ sẽ bị bắt", cần phải đọc là "họ đã bị bắt" và khi đó mọi điều sẽ rõ ràng cả.

- Nhưng không thể như thế được! - Glenarvan kêu lên.

- Không thể? Nhưng tại sao? Ông bạn kính mến của tôi? - Paganel mỉm cười hỏi.

- Tại vì cái chai chỉ có thể bỏ được xuống biển khi con tàu bị va phải đá ngầm. Từ đó đi đến kết luận rằng những vĩ độ và kinh độ viết trong thư chỉ nơi bị nạn.

- Điều đó chưa được minh chứng! - Paganel bác lại một cách linh hoạt. - Tại sao những người bị nạn lại không thể có ý định dùng cái chai này để báo tin cho mọi người biết rằng họ đã bị những người da đỏ bắt đưa sâu vào đất liền và hiện giờ họ đang ở đâu.

- Vì một lý do đơn giản thôi, ngài Paganel thân mến! Muốn bỏ chai xuống biển đâu sao cũng phải ở biển mới bỏ được chứ!

- Hoặc nếu không ở biển thì ở sông chảy ra biển cũng được chứ sao?

- Tôi cho rằng cần phải tìm ra nơi vĩ tuyến 37 độ cắt ngang qua châu Mỹ, rồi lần theo đó, không được lệch tới nửa độ, đi đến nơi vĩ tuyến ấy băng ra Đại Tây Dương. Đi theo tuyến đường này chúng ta có thể tìm được những người bị nạn của tàu *Britania*.

- Các bạn hãy nhìn đây, - ông nhắc thêm, - và hãy theo tôi đi thăm châu Mỹ. Chúng ta băng qua dãy đất hẹp Chili, trèo qua dãy núi Andes, đi xuống các thảo nguyên vùng Nam Mỹ. Ở vùng này đâu có ít sông ngòi? Trái lại

đây là sông Rio Negro, đây là sông Tio Colorado, đây là các chi lưu của chúng. Tất cả các sông ngòi ấy đều bị vĩ tuyến 37 độ cắt ngang, và tất cả các sông ngòi ấy đều có thể dễ dàng cuốn một cái chai đựng bức thư trôi dạt ra biển. Có thể là ở đây, giữa một bộ lạc người da đỏ nào đó định cư trên bờ một trong những con sông ít ai biết đến đây, trong một khe núi nào đấy, có những người mà tôi có quyền gọi là những người bạn của chúng ta đang mòn mỏi trong cảnh giam cầm và chờ đợi một cuộc giải thoát kỳ lạ. Chúng ta có thể nào phụ lòng mong ước của họ không? Lẽ nào các bạn lại không đồng ý với tôi rằng chúng ta cần phải thường xuyên bám sát theo tuyến đường mà ngón tay tôi đang chỉ trên bản đồ đây? Nhưng nếu như, với những giả định của tôi, lần này tôi lại sai lầm, thì lẽ nào tôi lại không đòi hỏi chúng ta bước theo vĩ tuyến 37 độ sao? Và nếu cần phải như vậy, để tìm được những người bị nạn, thì chúng ta cũng sẽ đi vòng quanh thế giới theo vĩ tuyến ấy chứ?

Những lời lẽ độ lượng và đầy nhiệt tình của Paganel đã gây ấn tượng sâu sắc đối với người nghe. Tất cả đều đứng dậy bắt tay ông.

- Thưa ông Paganel! - Mary Grant kêu lên, giọng run run xúc động. - Biết lấy gì cảm tạ ông về đức hy sinh cao cả, khiến ông phải chịu đựng biết bao nỗi gian nguy!

- Gian nguy ư? - Paganel ngạc nhiên. - Ai đã nói ở đây hai tiếng gian nguy ấy nhỉ?

- Không phải cháu! - Robert lên tiếng.

Đôi mắt chú bé ngời sáng và tràn đầy lòng quyết tâm.

- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói với ông, - nghĩa là ngài cho rằng nếu những người bị nạn sa vào tay người da đỏ, thì họ được bảo mạng?

- Tôi có nói như thế không nhỉ, thưa bà? Nhưng những người da đỏ không ăn thịt người đâu, tuyệt nhiên không...

- Vậy là đã quyết định xong! - Glenarvan tuyên bố. - Cần phải lên đường và đi ngay lập tức. Đường ta đi như thế nào nhỉ?

- Không vất vả lắm và thoải mái thôi, - Paganel đáp.

- Ta nhìn bản đồ xem. - Thiếu tá đề nghị.

- Đây, Mac Nabbs thân mến! Chúng ta sẽ xuất phát từ điểm này trên bờ biển Chili, giữa mũi Rumena và vịnh carnero, nơi vĩ tuyến 37 độ chạy sang châu Mỹ. Bỏ qua dãy Cordilere. Sau đó, ta sẽ men theo các sườn núi thoải thoải đi xuống, băng qua Rio - Colorado và các vùng thảo nguyên, đến hồ Salina, đến sông Guamini, đến vùng Sierra Tapalquen. Tại đây có đường biên giới của tỉnh Buenos - Aires chạy qua. Sau đó chúng

ta sẽ trèo lên dãy Sierra Tandil và tiếp tục cuộc tìm kiếm cho đến mũi Medano trên bờ biển Đại Tây Dương.

Paganel mô tả cuộc hành trình sắp tới, thậm chí không cần phải nhìn vào những tấm bản đồ để trước mặt... Trình bày xong ông nói:

- Như vậy là, các bạn ơi, con đường chúng ta đi khá thẳng. Một tháng sau, chúng ta sẽ đi hết chặng đường ấy và có mặt ở bờ biển phía đông, thậm chí đến sớm hơn cả Duncan nếu nó bị vương gió tây trên đường đi.

- Vậy ngài đã dự tính thành phần đoàn thám hiểm chúng ta như thế nào chưa? - Glenarvan hỏi.

- Thật gọn nhẹ. Bởi vì mục đích của chúng ta là tìm hiểu tình hình thuyền trưởng Grant ra sao? Chúng ta không có ý định nghênh chiến với những người da đỏ. Tôi nghĩ rằng huân tước Glenarvan sẽ đi. Huân tước đương nhiên là người cầm đầu đoàn của chúng ta, thiếu tá tất nhiên không chịu nhường ai vị trí của mình, người giúp việc trung thành của ngài là Jacques Paganel...

- Cả cháu nữa! - Grant con kêu lên.

- Robert! Robert! - Cô chị ngăn chú lại.

- Tại sao lại không được nhỉ? - Paganel phản đối. - Thanh niên trẻ cần tôi luyện trong các cuộc hành trình. Vậy là chúng ta bốn người và ba thủy thủ tàu Duncan nữa.

- Thế nào? - John Mangles hỏi Glenarvan,
- huân tước không cho tôi đi ư?

- John thân mến, vì trên tàu của chúng ta còn có những hành khách nữ. Đó là của quý nhất trên đời đối với chúng ta. Còn ai có thể chăm sóc họ chu đáo hơn người thuyền trưởng trung thành của tàu Duncan?

John đồng ý, tất cả những ai ở lại đều lên boong tàu, còn bảy người đi bộ cũng đã rời Duncan. Lát sau, họ lên đến bờ.

- Chúc các ông đi đường may mắn và thành công. - Helena nói với họ.

- Thắng tiến! John ra lệnh cho thợ máy.

- Lên đường! - Huân tước Glenarvan hô to.

5. TRÊN ĐỘ CAO BA NGÀN SÁU TRĂM MÉT

Để chuẩn bị cho cuộc hành trình vượt qua Chili, Glenarvan đã thuê bốn người thổ dân dẫn đường trong đó có ba người đàn ông và một chú bé. Đúng đầu họ là một người Anh đã sống ở nước này trên hai mươi năm. Anh ta hành nghề cho những người du lịch thuê la và dẫn đường cho họ vượt qua núi Cordillère. Sau khi qua khỏi núi, anh ta thường giao lại khách du lịch của mình cho những người dẫn đường gốc Argentina rành đường đi lối lại trên các thảo nguyên Nam Mỹ...

Trên suốt chặng đường đi từ một đại dương này sang một đại dương khác không hề có một quán trọ nào. Thường những người đi đường phải ăn thịt sấy khô, cơm nộm tiêu và muông thú săn bắn được. Ở núi thì uống nước nguồn, còn ở đồng bằng thì uống nước sông.

Chặng đường qua đất Chili cho đến nay chưa xảy ra điều gì đáng kể. Nhưng bây giờ chắc chắn sẽ nảy sinh tất cả những trở ngại và nguy hiểm mà một cuộc hành trình vượt qua núi không thể tránh khỏi.

Glenarvan bám sát người dẫn đường từng

bước... Bỗng đường đi bị một tảng đá dựng đứng chắn ngang. Người dẫn đường, sau khi tìm kỹ lưỡng lối đi khác không được, bèn nhảy xuống la. Glenarvan đi lại chỗ anh ta.

- Anh bị lạc đường rồi phải không? - Glenarvan hỏi.

- Không, thưa huân tước!

- Nhưng, chúng ta không đi đúng hướng Antuco phải không?

- Thưa, đi đúng. Nhưng đường bây giờ không đi được nữa bởi trận động đất mới đây đã làm nghẽn đường rồi. Nếu các ông thấy tiện thì chúng ta quay trở lại, tìm đường khác vượt qua dãy núi Andes.

- Đi vậy thì chậm mất bao lâu?

- Độ ba ngày.

Glenarvan suy nghĩ rồi quay lại hỏi những người cùng đi:

- Có lẽ ta cứ tìm cách tiếp chăng?

- Chúng tôi xin đi theo huân tước. - Tom Austin đáp.

- Chúng ta có thể đi một mình không cần người dẫn đường cũng được. - Paganel nói. - Bởi vì qua bên kia núi là chúng ta lại đi đúng đường đến Abtuco. Tôi bảo đảm dẫn các bạn đi con đường thẳng nhất đến núi Corddilère.

Glenarvan trả đầy đủ các khoản tiền cho

những người dẫn đường và để họ cùng bầy la quay trở lại. Vũ khí, dụng cụ, lương thực được phân ra cho bảy người trong đoàn cùng mang. Mọi người đều nhất trí phải đi ngay. Và họ đã leo núi suốt ngày suốt đêm.

Đoàn người lại tiếp tục về phía đông. Cuộc leo núi khủng khiếp ấy kéo dài thêm hai tiếng đồng hồ nữa. Họ quyết leo lên tận đỉnh núi. Không khí loãng làm cho những người thám hiểm thấy ngạt thở muốn bệnh, lợi và răng bị chảy máu. Để tăng cường sự tuần hoàn của máu, họ phải thở gấp, mà như vậy thì mệt chẳng kém gì ánh tuyết làm cho họ chói mắt. Dù cho sức mạnh ý chí của những con người dũng cảm ấy to lớn đến đâu, họ cũng đã mệt như rồi. Cơ chónng mặt, tai họa ở vùng núi cao ấy, làm cho họ không những mất thể lực mà cả tâm lực nữa. Không thể coi thường hậu quả của sự mệt mỏi quá mức như vậy bởi vì lúc người này, lúc người khác đã quỵ xuống, mà có đứng dậy được cũng không thể đi nổi nữa. Phải lết hoặc bò. Rõ ràng là những người kiệt sức ấy sắp đến lúc không thể tiếp tục cuộc leo núi quá dài được.

Glenarvan kinh hãi nhìn cảnh tuyết trắng mênh mông làm cho vùng núi âm đạm này lạnh cứng, nhìn cảnh hoàng hôn bao phủ những đỉnh núi hoang vu, tim ông đau xót, ông đã tưởng chung quanh không có nơi nào

trú được. Bỗng thiếu tá nói bằng một giọng bình tĩnh:

- Có căn nhà kia!



Giá là một người nào khác ở trường hợp của Mac Nabbs thì anh ta có đi qua căn nhà ấy cả trăm lần cũng chẳng nhận ra nó được. Căn nhà bị tuyết phủ gần như không phân biệt gì với những tảng đá bên cạnh. Phải đào bới tuyết ra. Wilson và Mulradi mất nửa giờ lao động cật lực mới dọn được lối vào nhà và cả đội thám hiểm vội vàng chui vào trú chân.

Căn nhà do người da đỏ làm bằng "adobet" - gạch đất sét trộn rơm, đủ cho mười người ở rộng rãi..

Nhiệt kế chỉ âm mười độ. Glenarvan, Paganel và Wilson đi kiểm củi về nhóm lửa. Paganel mang theo khí áp kế. Ông thấy áp suất của cột thủy ngân tương ứng với độ cao ba ngàn năm trăm sáu mươi tám mét.

Mọi người đi ngủ, riêng Glenarvan không sao nhắm mắt được. Ông mơ ước thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ của ông sẽ được cứu thoát khỏi cảnh giam cầm khổ ải.. Lòng ông tràn ngập lo âu.

Chợt ông cảm thấy có tiếng ầm ầm khủng khiếp từ đằng xa vọng đến giống như có tiếng sấm rền, nhưng không phải từ trên trời dội

xuống. Có lẽ bão đang nổi lên ở đâu đó trên các sườn núi ở phía dưới. Glenarvan muốn biết rõ điều đó nên đã ra đi khỏi nhà.

Bỗng tiếng ầm ầm khủng khiếp tựa như những chiếc xe kéo pháo rầm rầm chạy qua cầu. Glenarvan cảm thấy đất đang hẫng đi dưới chân mình, căn nhà bị lay chuyển, tường bị nứt ra.

- Bão động! - Ông kêu lên.

Các nhà thám hiểm vừa thức giấc đã bị xô ngã lên nhau và cứ thế tụt xuống sườn núi dốc đứng. Trong ánh sáng ban mai, trước mặt họ hiện ra một cảnh tượng khủng khiếp. Hình dạng núi bị biến đổi, những đỉnh núi bị vụn gãy, những tảng đá lắc lư rồi biến mất như bị rơi rớt xuống hố. Nguyên một dãy núi dài hàng mấy dặm đã bị chuyển dịch, trượt xuống đồng bằng. Hiện tượng này thường thấy ở núi Andes.

- Động đất! - Paganel kêu lên.

Tiếng ồn ào dưới lòng đất, tiếng ầm ầm của những tảng đá hoa cương và đá huyền vũ va đập vào nhau, những đám bụi tuyết bốc lên mịt mù làm cho họ không thể nào liên hệ được với nhau. Dãy núi trượt xuống lúc thì băng băng, lúc thì chao đảo y như con tàu chòng chành giữa biển khơi bão tố. Nó băng qua các vực thẳm cuốn phăng những cây cổ

thụ và, tựa như một lưỡi hái khổng lồ, nó xén ngang tất cả những mỏm đá nhô ra trên sườn núi... Thậm chí khó mà tin tưởng được hết sức phá hoại của khối đá nặng hàng tỷ tấn đang lao xuống dốc năm mươi độ!

Không ai xác định được tai nạn khủng khiếp ấy đã kéo dài bao lâu? Không ai có thể nói được các nhà thám hiểm còn sống đủ không?

Bỗng có một lực xô mạnh không thể tưởng tượng được đã tách họ ra khỏi hòn đảo đang trượt, và họ tụt xuống theo các bậc sườn núi cuối cùng. Cả cao nguyên với bảy người trên đó bị dừng lại đột ngột.

Suốt mấy phút đầu không ai nhúc nhích. Cuối cùng, có ai đó đứng dậy, đó là thiếu tá. Sau khi đã dụi mắt, ông nhìn quanh. Những người cùng đi với ông nằm bất động bên nhau.



Đã tám giờ sáng, Glenarvan và những người bạn đường của ông, nhờ những cố gắng của thiếu tá, đã dần dần hồi tỉnh. Họ bị choáng váng nặng.

Thế là họ đã xuống đến chân núi Andes và thậm chí có thể ăn mừng chuyến vượt núi mà thiên nhiên tự đảm nhận ấy, nếu như không bị mất tích một thành viên trong đoàn, một người yếu đuối nhất và còn trẻ con: Robert Grant.

Mọi người, cả Paganel rất gắn bó với chú. Thiếu tá, mặc dù tính ông thận trọng, đều yêu mến chú bé dũng cảm, nhưng yêu chú hơn cả là Glenarvan. Khi biết tin Robert Grant bị mất tích, ông rụng rời tay chân. Ông hình dung chú bé xấu số đang nằm dưới đáy vực thẳm và kêu gọi ông, người cha thứ hai của chú, cứu giúp chú.

- Các bạn của tôi ơi! Các bạn của tôi ơi! - Glenarvan nói, khó khăn lắm ông mới kềm được nước mắt. - Cần phải đi tìm bằng được chú bé! Chúng ta không thể bỏ rơi chú bé như vậy! Chúng ta cần phải xem xét kỹ từng thung lũng, từng vực sâu. Hãy buộc dây dòng tôi xuống. Đó là ý muốn của tôi, các bạn có nghe thấy không? Miễn sao Robert còn sống là được! Mất chú ấy thì làm sao đi tìm cha của chú ấy được? Tìm cứu thuyền trưởng Grant mà lại phải trả giá bằng tính mạng của con trai ông thì còn ra nghĩa lý gì nữa.

Im lặng kéo dài mấy phút. Cuối cùng Mac Nabbs lên tiếng:

- Các bạn của tôi, có ai nhớ Robert bị biến mất lúc nào không?

Không có câu trả lời tiếp theo.

- Vậy thì ít nhất các bạn hãy cho biết trong lúc trượt xuống núi thì chú bé đi bên cạnh ai? - Thiếu tá hỏi tiếp.

- Chú ấy đi bên cạnh tôi. - Wilson nói.

- Anh còn nhìn thấy chú ta ở bên cạnh đến khi nào? Hãy cố nhớ lại xem... Nói đi kìa?

- Tôi nhớ được là, - Wilson đáp. - Trong chừng hai phút trước khi núi đang trượt và bị xô dừng lại thì Robert bám vào một đám rêu và vẫn ở bên cạnh tôi.

- Khoảng hai phút ư? Bạn nghĩ kỹ nhé, Wilson. Lúc ấy bạn có thể thấy mỗi phút lâu lắm đó. Bạn không nhầm đấy chứ?

- Tôi nghĩ rằng tôi không nhầm. Vâng, đúng là thế, khoảng hai phút, mà cũng có thể là ít hơn nữa.

- Cứ cho là như vậy. Thế lúc ấy Robert ở đâu? Bên phải hay bên trái bạn? - Mac Nabbs hỏi tiếp.

- Ở bên trái. Tôi vẫn nhớ chiếc puncho của chú ấy đã quét vào mặt tôi.

- Thế lúc ấy bạn ở bên phải hay bên trái của chúng tôi?

- Cũng ở bên trái.

- Như vậy là Robert có thể bị biến mất ở phía bên này, - thiếu tá nói, quay mặt về phía núi và chỉ về bên tay phải. Căn cứ vào thời gian lúc chú bé bị mất tích, thì chú ấy có thể bị sa xuống vực ở độ cao không quá bảy trăm mét. Chúng ta cần phải chia nhau ra, mỗi

người tìm một khu vực trên khắp vùng này và phải tìm thấy Robert.

Những người thám hiểm đã trèo lên các sườn núi bắt đầu tìm kiếm.

Gần một giờ chiều, Glenarvan và những người cùng đi đã phờ phạc, buồn chán, gặp lại nhau dưới thung lũng. Glenarvan vô cùng đau khổ. Ông hầu như không nói được, chỉ thở dài nhắc đi nhắc lại một câu:

- Tôi không đi khỏi đây nữa! Không!

- Không ai dám trái ý ông. Mọi người đều hiểu rằng ý nghĩ ấy bây giờ luôn ám ảnh tâm trí ông.

- Dừng lại đã. - Paganel nói với thiếu tá và Tom Austin. - Ta nghỉ ngơi một chút để lấy lại sức khỏe. Dù là tiếp tục tìm kiếm hay đi nữa thì cũng cần phải nghỉ đã.

- Vâng, - Mac Nabbs đáp, chúng ta hãy nghỉ lại đây vì Glenarvan muốn như vậy. Huân tước đang còn hy vọng.

Đêm xuống, vẫn lại yên tĩnh và bình thân y như đầu đêm trước. Mọi người đã đi nằm, nhưng không chợp mắt được, còn Glenarvan thì lại bỏ đi tìm Robert trên những sườn núi Cordilère. Ông chăm chú lắng nghe, hy vọng bắt được tiếng gọi của chú bé.

Trời đã sáng, mọi người đều khuyên Glenarvan tiếp tục cuộc hành trình. Nhưng

huân tước vẫn chưa chịu đi. Cuối cùng, Mac Nabbs, sau khi lấy ý kiến mọi người, đã kiên quyết tuyên bố rằng cần phải lên đường, nếu không tính mạng của mọi người trong đoàn sẽ bị đe dọa...

- Phải; phải, - Glenarvan lên tiếng, - chúng ta cần phải đi tiếp.

Nhưng ông đã nói điều ấy mà không nhìn Mac Nabbs. Tầm mắt của ông đã bị một chấm đen nào đó cao tít trên trời thu hút. Bỗng cánh tay ông giơ lên và sững lại.

- Kìa! Kìa! - Glenarvan kêu lên. - Các bạn nhìn kìa! Nhìn kìa!

Mọi người nhìn theo hướng chỉ của Glenarvan. Cái chấm đen cũng đã rõ dần ra, một con chim đang bay tít trên cao.

- Đó là chim thần ưng, - Paganel nói.

Paganel không nhầm chim thần ưng bay đến một lúc một rõ hơn. Loài ác diệu khổng lồ ấy từ lâu không chịu khuất phục trước bất cứ loài chim nào, và là chúa tể của vùng núi Cordilère này.

- Biết đâu đấy!... - Glenarvan nhắc lại, mắt vẫn không rời khỏi con chim lớn.

Thiếu tá và Wilson vớ lấy khẩu súng carbine của mình. Glenarvan ra hiệu ngăn họ lại. Thần ưng đang bay lượn trên vùng núi

hiềm trở cách chỗ các nhà thám hiểm gần một phần tư dặm.

- Đúng rồi kìa! Kìa!... Glenarvan kêu lên.

Bỗng trong đầu ông thoáng ra ý nghĩ.

- Nếu Robert hãy còn sống... - Ông thét lên trong nỗi kinh hoàng, - con chim này... Hãy bắn đi các bạn, bắn nó đi!

Nhưng muộn mất rồi, thần ưng đã biến mất sau những mỏm đá cao. Một giây trôi qua, tưởng như một thế kỷ... Kìa, con chim lại xuất hiện, nó bay chậm hơn, bị sức nặng trĩu xuống.

Có ai đó bật lên kinh hoàng: "Con thần ưng quắp một xác người chết - xác của Robert Grant".

- Ôi! - Glenarvan kêu lên. - Thà cho thân thể Robert bị đập vào đá còn hơn là...

Ông nói chưa dứt lời đã chộp lấy khẩu carbine của Wilson, giơ lên ngắm vào con thần ưng. Nhưng tay ông run quá, mắt bị mờ đi, nên ông không thể ngắm trúng được.

- Chú hãy để tôi, - thiếu tá nói.

Thiếu tá chưa kịp nhấn cò khẩu carbine thì dưới thung lũng đã vang lên một phát súng, làn khói trắng bốc cao giữa hai hòn núi đá. Con thần ưng bị trúng đạn vào đầu, lượn chậm lại, dang rộng đôi cánh, từ từ hạ xuống như một chiếc dù. Nó đã rơi xuống một cách

nhẹ nhàng cách bờ sông chừng ba mét, nhưng vẫn không buông con mồi.

- Chạy lên! Chạy lên! - Glenarvan hét to.

Và chưa cần kịp xem phát súng cứu nguy ấy từ đâu bắn lên, huân tước bổ ngay đến con thần ưng. Con chim đã chết, còn xác của Robert thì hầu như bị đôi cánh rộng của chim che khuất.

Glenarvan chạy ngay lại chỗ chú bé, gỡ quần áo chú ra khỏi vuốt con thần ưng, rồi đặt chú lên cỏ và áp tai vào ngực cái xác bất động.

Chưa bao giờ thấy có ai reo lên sung sướng như Glenarvan lúc này:

- Còn sống! Còn sống!

Rất nhanh, mọi người cởi quần áo cho Robert, và nước mát lên mặt chú. Chú khẽ cựa quậy, mở mắt nhìn và thốt lên:

- Ôi huân tước... cha của con!...

Glenarvan nghẹn ngào, xúc động không nói nên lời. Ông quỳ xuống bên cạnh chú bé đã được cứu sống một cách thần kỳ và khóc lên sung sướng.

6. NHỮNG CON SÓI NAM MỸ

Trừ người được cứu sống, các nhà thám hiểm đã nhớ đến người cứu Robert và tất nhiên, thiếu tá là người đầu tiên nảy ra ý nghĩ quan sát xung quanh.

Ông thấy một người mặc y phục da đỏ đeo súng đứng ở dưới chân núi, cách sông chừng năm mươi thước.

Thiếu tá vừa nhìn thấy người Patagonia bèn chỉ cho Glenarvan biết. Ngài huân tước chạy ngay lại chỗ anh ta. Người Patagonia bước lên hai bước. Glenarvan nắm tay anh ta siết chặt.

Người Patagonia chăm chú nhìn những người nước ngoài, nhưng nói gì thì chẳng ai hiểu được. Tuy nhiên, qua những câu nói của người thổ dân, Glenarvan thấy có gì giống tiếng Tây Ban Nha. Ông biết một số từ phổ thông của thứ tiếng này.

- Espanol? - Ông hỏi.

Người Patagonia gật đầu.

- Tốt lắm! - Thiếu tá nói, - bây giờ đến việc của ông bạn Paganel. Hay quá ông ta đã nghĩ ra việc học tiếng Tây Ban Nha!

Glenarvan đặc biệt vui mừng khi biết người da đỏ có tên Thalcave, là người dẫn đường chuyên nghiệp ở vùng thảo nguyên Nam Mỹ. Ông càng tin tưởng rằng sẽ cứu được thuyền trưởng Grant.

Các nhà thám hiểm cùng với người da đỏ quay trở lại chỗ Robert. Chú bé chỉ tay về phía người thổ dân và anh ta lặng lẽ áp tay lên đầu chú. Anh ta xem qua người Robert, nắn những chỗ bị thương, rồi nhoẻn miệng cười đi ra bờ sông hái mấy nắm lá mang về xoa bóp lên người chú bé. Sau khi được xoa bóp hết sức kỹ lưỡng, chú bé thấy khỏe ra và rõ ràng là chỉ nghỉ ngơi vài giờ nữa là chú sẽ đứng lên được.

Thalcave đảm nhận công việc dẫn đường và trang bị cho đoàn thám hiểm những thứ cần thiết.

Paganel gắn bó với người da đỏ như hình với bóng. Ông học ở anh ta một số tiếng Tây Ban Nha.

· Một hôm Thalcave hỏi:

- Các ông đi tìm tù binh phải không?

- Phải. - Pagarel đáp.

- Các ông tìm dọc theo tuyến đường từ mặt trời lặn sang nơi mặt trời mọc phải không? - Thalcave vừa nói, vừa ra hiệu chỉ từ hướng tây sang hướng đông.

- Đúng thế! Đúng thế!

Glenarvan hỏi Thalcave xem anh ta có biết chuyện người nước ngoài bị những người da đỏ vùng thảo nguyên bắt giữ hay không? Paganel định hỏi câu ấy và đợi trả lời.

- Có thể. - Thalcave đáp.

Câu trả lời được dịch ngay sang tiếng Anh và bảy nhà thám hiểm vây quanh người dẫn đường, dán mắt nhìn anh ta.

- Người tù binh đó là ai? - Paganel hỏi.

- Đó là một người nước ngoài châu Âu. - Thalcave đáp.

- Anh có nhìn thấy người ấy không?

- Không, nhưng tôi nghe những người da đỏ nói về ông ta. Đó là một người có trái tim của một "con bò đực".

- Cha cháu đó! - Robert kêu lên. Rồi quay về phía Paganel, chú bé hỏi: - Tiếng Tây Ban Nha nói "đó là cha cháu" thì nói thế nào, thưa bác.

- Es mio padre! - Nhà địa lý đáp.

Robert liền nắm tay Thalcave nói:

- Es mio padre!

- Suvo padre! Người Patagonia ngạc nhiên và ánh mắt anh ta tươi tỉnh hẳn lên. Thalcave ôm chú bé, khẽ nâng chú lên yên ngựa và nhìn chú với vẻ tò mò, thân ái.

Gương mặt thông minh, bình tĩnh của người da đỏ biểu lộ sự thông cảm.

Paganel đã hỏi và được biết người Âu ấy đang bị người da đỏ ở vùng giữa Rio - Colorado và Rio - Negro bắt giữ.

- Nhưng thời gian gần đây nhất người Âu ấy ở đâu? - Paganel hỏi.

- Ở nhà thủ lĩnh Calfoucura, - Thalcave trả lời.

- Có gần tuyến đường ta đi mấy hôm rồi không?

- Rất gần.

- Thế thì thủ lĩnh ấy là người thế nào?

- Ông ta là thủ lĩnh bộ lạc da đỏ, người có hai cái lưỡi, hai quả tim.

- Anh muốn nói rằng, người thủ lĩnh ấy, từ lời nói đến việc làm đều xảo trá. - Paganel giải thích.

- Vậy chúng tôi có thể cứu bạn của chúng tôi được không? - Nhà địa lý hỏi.

- Có thể được chứ, nếu người da đỏ còn giam giữ ông ta.

- Thế anh nghe nói về ông ấy hồi nào?

- Lâu rồi. Từ đó đến nay ông mặt trời đã hai lần sai mùa hè đến thảo nguyên Nam Mỹ này.

Niềm vui của Glenarvan không sao tả

xiết. Thời gian mà Thalcave nói trùng hợp với thời gian trong bức thư. Chỉ còn lại một điều hỏi thêm Thalcave nữa thôi và Paganel đã làm ngay việc đó.

- Anh nói về một người tù, - ông nói, - chứ không phải ba người à?

- Tôi không biết.

- Thế anh có biết hiện nay người tù ấy ra sao không?

- Tôi không biết.

Qua lời của Thalcave thì rõ ràng những người da đỏ đã nghe nói về một người Âu bị bắt cóc. Thời gian bị bắt, nơi bị giam, thậm chí câu nói đầy hình ảnh của Thalcave về sự dũng cảm của ông ta, tất cả đều nói lên rằng đó chính là thuyền trưởng Grant.

Ngày hôm sau, 25 tháng mười, những người thám hiểm, với niềm phấn khởi mới, tiếp tục đi về hướng đông.



Họ đến được hồ Saline. Hóa ra hồ đã cạn khô. Họ phải quyết định chia làm hai nhóm. Những ai ngựa còn đi được thì tiếp tục cuộc hành trình dọc theo vĩ tuyến 37. Những ai ngựa còn khỏe hơn thì vượt lên trước tìm sông Guamini, cách đây chừng ba mươi một dặm. Nếu ở đấy nước nhiều thì nhóm thứ hai dừng lại đợi nhóm thứ nhất. Nếu sông

Guamini cũng đã cạn thì họ trở lại để nhóm thứ nhất khỏi mất công đi.

Robert hết sức năn nỉ Glenarvan để được đi tiên trạm và thế là nhóm thứ hai gồm Glenarvan, Robert và Thalcave.

Tối hôm ấy, họ dừng chân trong một lán trại của những người chăn gia súc bỏ hoang trên đồng cỏ.

Glenarvan, Robert, đuổi thẳng mình ngủ say sưa. Bầy ngựa mệt nhọc cũng lăn ra đất ngủ. Riêng con Thauka của người dẫn đường, đúng là con ngựa nòi vẫn ngủ đứng, còn Thalcave thì thao thức.

Nhưng khoảng mười giờ khuya, người da đỏ thức giấc. Vừa hé mắt anh ta đã cảnh giác lắng nghe một tiếng gì đó. Thoáng cái trên gương mặt bình thản của anh hiện lên nỗi lo lắng bồn khoăn. Phải chăng, anh ta đã nghe thấy tiếng những người du mục da đỏ đang lén lút rình mò, hoặc tiếng gầm của những con mãnh thú thường gặp ở gần sông? Có lẽ như vậy thật, nên anh ta càng lo lắng hơn.

Thalcave chỉ còn biết đợi sự việc xảy đến. Và anh ta đã chờ đợi trong tư thế sẵn sàng đối phó với bất kỳ hiểm họa nào.

Một giờ trôi qua... Trong lúc Thalcave lắng nghe và lo lắng nhìn quanh thì con Thauka bỗng hí lên ồm ồm. Thalcave chồm dậy.

- Thauka đã đánh hơi thấy nguy hiểm, - Thalcave lăm bắm và bước ra quan sát cánh đồng cỏ.

Anh thấy có những bóng đen từ khắp các phía đang lặng lẽ đến gần. Thalcave đã nhận ra kẻ thù. Anh nạp đạn vào súng và nép vào cửa, sẵn sàng bắn trả. Thalcave không phải đợi lâu. Trên thảo nguyên vang lên những tiếng kêu lạ lùng, không ra tiếng sữa, cũng không ra tiếng tru. Đáp lại tiếng ấy là một phát súng carbin và tiếp theo là những tiếng rú rít khủng khiếp, dường như phát ra từ hàng trăm cổ họng.

Glenarvan và Robert bất ngờ thức giấc, đứng phát dậy.

- Có chuyện gì xảy ra thế? - Robert la lên.

- Aguara?

- Aguara? Glenarvan nhắc lại.

Robert nhìn Glenarvan với ý dò hỏi.

- Phải, - Glenarvan trả lời, - những con sói vùng thảo nguyên Nam Mỹ.

Hai người xách súng đi lại phía người da đỏ. Thalcave lặng lẽ chỉ nhìn ra đồng cỏ, nơi có tiếng tru ồm ồm vang đến. Robert bất giác lùi lại sau một bước.

- Cháu không sợ chó sói đấy chứ? - Glenarvan hỏi.

- Cháu không sợ đâu! - Robert nói, - chúng ta có súng tốt, cứ để chúng đến xem.

- Chúng ta sẽ nghênh tiếp chúng ra trò.

Nói điều đó Glenarvan muốn trấn tĩnh chú bé, nhưng bản thân ông, tự sâu trong đáy lòng mình không phải là không sợ.

Khi Thalcave nhắc đến từ "aguara", Glenarvan hình dung ra ngay con thú dữ ấy. Nó bằng một con chó to, đầu giống con cáo, lông hung vàng, cõn trên lưng, dọc theo xương sống có một cái bờm dài. Những con aguara đôi thậm chí chúng dám tấn công cả đàn súc vật lớn để gây ra không ít thiệt hại. Nếu chỉ một con sói thì không đến nỗi nào, nhưng cả bầy sói đôi thì rất nguy hiểm.

Khi nghe tiếng rú rít và nhìn thấy vô số những bóng đen chạy trên đồng cỏ, Glenarvan không thể ngờ được rằng bên bờ sông Guamini lại có đàn sói đông đến thế. Những con thú dữ này đã đánh hơi thấy mùi béo bở - thịt ngựa và thịt người, nên con nào cũng muốn xé mang về hang những miếng thịt ngon ấy. Tình thế càng trở nên đáng ngại hơn.

Hai người vừa lên đạn khẩu súng carbine, định bắn vào bầy sói đầu tiên, bỗng Thalcave lặng lẽ giơ tay ngăn họ lại.

- Thalcave muốn gì vậy? - Robert hỏi.

- Anh ta không cho hấn bắn.

- Vì sao?

- Có lẽ vì chưa đúng lúc.

Nhưng không phải thế, mà vì một lý do quan trọng hơn khiến người da đỏ hành động như vậy. Thalcave mở và đưa cho Glenarvan thấy bao thuốc súng gần như rỗng tuếch.

- Ta phải tiết kiệm đạn thôi. Cuộc đi săn hôm nay ngốn mất khá nhiều đạn, ta còn ít chì và thuốc súng lắm. Không còn đủ hai mươi phát đạn nữa đâu...

- Cháu không sợ chứ, Robert?

- Không, thưa huân tước.

- Thế thì tốt, tốt lắm, cháu ạ!

Vừa lúc đó một phát súng vang lên. Thalcave đã hạ tại chỗ một địch thủ hung bạo nhất. Bầy sói chùn bước và cụm lại với nhau cách hàng rào một trăm bước. Người da đỏ ra hiệu cho huân tước thế chỗ của anh ta. Còn anh ta thì đi lượm tất cả những thứ gì cháy, được xếp thành đống rồi ném vào đó một cục than hồng. Lát sau ngọn lửa bùng lên giăng thành một vệt dài sáng rực màn đêm chắn ngang cửa trại. Tuyến lửa do Thalcave vừa đốt lập tức ngăn chặn bầy thú dữ lại và do đó càng làm cho chúng hung hãn hơn. Vậy mà vẫn có vài con xông vào lửa và bị bỏng. Thỉnh thoảng lại có một phát súng nổ kìm chân bầy sói và một giờ sau có chừng 15 con bỏ xác trên đồng cỏ.

Sau khi bình tĩnh suy xét tình hình, Glenarvan nói với Thalcave:

- Rồi sẽ đến lúc hết đạn và hết lửa. Tất nhiên chúng ta không thể chờ đợi mà phải có cách giải quyết ngay mới được.

- Phải cố gắng giữ cho đến sáng. Bầy aguara chỉ đi kiếm mồi về đêm, đến sáng lại trở về hang. Đó là loài thú rất sợ ánh sáng ban ngày, y như cú vọ vậy, chỉ khác là có bốn chân mà thôi. - Thalcave chỉ dẫn.

- Vậy thì chúng ta sẽ tự vệ cho đến sáng.

Trong khi đó, phương tiện tự vệ cạn dần. Khoảng hai giờ sáng, Thalcave ném vào lửa những bó cỏ cuối cùng, đạn chỉ còn lại cả thảy năm viên.

Glenarvan buồn rầu ngó quanh.

Lửa tắt dần. Đồng cỏ chìm sâu vào trong bóng tối. Trong đêm lại lóe lên những đôi mắt lân tinh của bầy sói. Chỉ mấy phút nữa thôi cả bầy sói lớn ấy sẽ xông vào cửa trại. Thalcave bắn viên đạn cuối cùng kết liễu một con sói nữa. Hết đạn, người Patagonia khoanh hai tay trước ngực. Anh gục đầu xuống dường như suy nghĩ điều gì.

Đến đây, bầy sói bỗng đổi hướng tấn công. Chúng bắt đầu lui ra xa và tiếng tru cũng im bật. Đồng cỏ im ắng trở lại.

- Bầy sói đi rồi! - Robert thốt lên.

- Có thể như thế, - Glenarvan lên tiếng, vẫn chăm chú lắng nghe.

Thalcave biết hai người nói gì, nên lắc đầu nguây nguẩy. Người Patagonia hiểu rõ bầy thú chưa chịu rời miếng mồi ngon chừng nào trời chưa sáng.

Nhưng chiến thuật của địch thủ rõ ràng đã thay đổi, chúng không xông vào lối cửa trại nữa, mà vòng ra phía sau, dùng vuốt cạy phá hàng rào gỗ mục.

Thalcave lao vào chuồng ngựa, đến bên con Thauka đang run lên vì sốt ruột chờ đợi chủ. Anh ta bắt đầu đóng yên cẩn thận, không bỏ sót một dây đai nào. Glenarvan kinh hoàng nhìn người Patagonia.

- Anh ta định phó mặc mình cho số phận đây! - Ông thốt lên khi thấy Thalcave sắp sửa nhẩy lên yên ngựa.

- Thalcave ấy à? Không bao giờ! - Robert nói.

Và đúng như vậy, người da đỏ không định bỏ rơi bạn bè, mà đang tính chuyện cứu họ.

- Hãy để tôi đi! - Glenarvan kêu lên, giằng lấy dây cương trong tay Thalcave. - Còn anh hãy cứu thằng bé! Tôi giao nó cho anh, Thalcave!

Glenarvan trong lúc xúc động đã nói lẫn cả tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh. Nhưng ngôn ngữ bây giờ có ý nghĩa gì đâu! Trong phút giây hiểm nghèo như thế này, người ta đều diễn đạt bằng cách ra hiệu và lập tức hiểu nhau ngay.

Thalcave khẳng khẳng giữ ý mình lại giằng co với anh ta. Ai cũng đòi hy sinh để cứu người khác.

Bỗng huân tước Glenarvan bị gạt sang một bên, con Thauka phóng vút về phía trước, bay qua hàng rào lửa và xác những con sói. Cùng lúc ấy một giọng trẻ con vẳng lại:

- Cầu trời phù hộ cho ngài huân tước!

- Trước mắt Glenarvan và Thalcave, Robert đang cúi rạp trên mình Thauka lao đi và biến mất đi trong bóng đêm...

- Robert, khôn khổ cho cháu! - Glenarvan kêu lên.

Nhưng tiếng kêu ấy thậm chí người da đỏ cũng không nghe thấy vì tiếng rú của bầy sói lại vang lên khủng khiếp. Bầy sói đuổi theo ngựa, chúng lao như điên về phía tây. Thalcave và Glenarvan từ trong trại chạy ra. Trên đồng cỏ yên tĩnh trở lại. Glenarvan buồn rầu vật vã, ngã lăn xuống đất. Ông ngược nhìn Thalcave. Anh ta cười với vẻ bình tĩnh vốn có của mình.

- Thauka là một con ngựa cừ. Chú bé thật là dũng cảm, chú ta sẽ thoát nạn.

Thalcave nhắc đi nhắc lại như vậy và gật đầu khẳng định những lời mình nói.

- Thế lẽ Robert ngã thì sao!

- Không ngã được đâu!

Mặc dù Thalcave vững tin như vậy, nhưng Glenarvan vẫn suốt đêm lo âu, sợ hãi. Ông thậm chí không hề nghĩ rằng bấy chó sói đi rồi là ông thoát nạn. Ông muốn phóng đi tìm Robert. Người da đỏ không cho ông đi và bảo ông rằng với những con sói còn lại thì chẳng thể nào đuổi kịp Robert được, rằng Thauka tất nhiên là bỏ xa các địch thủ của mình. Tóm lại, theo anh ta khẳng định thì cần phải đợi đến sáng, mà chỉ có khi đó mới tìm Robert được.

Trời bắt đầu hừng sáng. Chẳng bao lâu hai kỵ sĩ đã phi nước đại thẳng về hướng tây, đón tiếp kia. Suốt một giờ họ vừa phi ngựa vừa đưa mắt tìm Robert, ai cũng sợ phải nhìn thấy cái xác đầm máu của chú. Glenarvan thúc ngựa phóng dữ dội. Bỗng họ nghe tiếng súng bắn như làm tín hiệu.

- Họ đấy! - Glenarvan thốt lên.

Cả hai người càng thúc ngựa nhanh hơn. Mấy phút sau họ đã gặp toán của Paganel. Glenarvan kêu lên: Robert đây rồi, còn sống

nguyên vẹn, đang cười con Thauka tuyệt diệu!
Con ngựa hớn hờ hí vang khi nhìn thấy chủ.

- Ô, chú bé của tôi! - Glenarvan nói với niềm trù mến không sao tả xiết.

Rồi ông và Robert cùng xuống ngựa ôm choàng cổ lấy nhau. Sau đó, đến lượt người da đỏ ghì chặt vào ngực mình đứa con trai của thuyền trưởng Grant.

- Con còn sống! - Glenarvan reo lên.

- Vâng, - Robert đáp lại, - nhờ con Thauka đó!

Nhưng trước khi người da đỏ nghe được những lời biết ơn ấy, anh ta đã cảm ơn con ngựa mình, anh ta nói chuyện với nó, hôn nó, dường như con vật cao thượng ấy cũng mang dòng máu người vậy.

Rồi Thalcave quay sang Paganel.

- Một chú bé dũng cảm! - Anh ta chỉ Robert nói.

- Con của ta, con hãy nói, vì sao con không để cho ta và Thalcave thực hiện ý đồ ấy để cứu con? - Glenarvan ôm chặt Robert vào lòng hỏi.

- Thừa huân tước, - chú bé trả lời, giọng chú vang lên lòng biết ơn nồng nhiệt. - Có lẽ nào cháu lại không cần phải hy sinh cho bản thân mình? Thalcave đã cứu sống cháu, còn huân tước thì đang cứu sống cha cháu mà!

7. Ở ĐỒN ĐỘC LẬP

May sao, sông Guamini chảy qua gần đấy. Đoàn thám hiểm thúc ngựa chạy nhanh về hướng sông lấy nước. Chuẩn bị vượt qua những cánh đồng Argentine để đến Tandil, một vùng núi ở phía nam tỉnh Buenos - Aires. Trung tâm địa hạt này là thị trấn Tandil nằm dưới chân núi Bắc, dưới sự bảo vệ của đồn Độc Lập. Nơi đây có con sông Chapaleofu chảy qua làm cho thị trấn tăng thêm vẻ hữu tình. Thị trấn có một đặc điểm mà Paganel không thể không biết đến là ở đây có cả người Pháp và người Ý cư trú. Tandil cũng là nơi buôn bán khá sầm uất. Khi kể về điều ấy, Paganel nói thêm rằng tại vùng này chắc hẳn có thể hỏi dân địa phương điều gì đó về thuyền trưởng Grant. Hơn nữa, trong đồn lại luôn luôn có một đơn vị lính quốc gia. Glenarvan ra lệnh gửi ngựa vào chuồng của một quán trọ nhìn bên ngoài khá lịch sự, sau đó, ông, Paganel, thiếu tá và Robert cùng Thalcave đi đến đồn Độc Lập. Paganel yêu cầu được gặp viên chỉ huy đồn Manuel.

Viên trung sĩ hỏi khách gặp ông ta có việc gì?

Thế là có điều kiện thuận lợi để hỏi han mọi việc. Nhiệm vụ ấy Paganel đảm nhiệm. Ông bắt đầu kể bằng tiếng Pháp cho viên đồn trưởng nghe về cuộc hành trình của họ qua những vùng thảo nguyên Nam Mỹ... thiếu tá Mac Nabbs tranh thủ hỏi ngay viên trung sĩ xem ông ta có biết chuyện một số người Âu đang bị bắt giam tại nhà của một viên thủ lĩnh người da đỏ vùng thảo nguyên Nam Mỹ không?

Manuel suy nghĩ vài phút như hồi tưởng lại điều gì đó, rồi nói:

- Vâng, có nghe...

- Cách đây vài năm... - Viên trung sĩ bắt đầu nói. - Vâng... có những tù binh người Âu... Nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy cả...

- Sao lại vài năm? - Glenarvan ngắt lời ông ta. - Ngài nhầm đó, Britania bị mất tích vào tháng sáu năm 1862. Có nghĩa là cách đây chưa đầy hai năm.

- Ô, hơn chứ, thưa ngài huân tước!

- Không thể thế được. - Paganel kêu lên.

- Không, đúng mà, dạo ấy thằng Pepe nhà tôi mới sinh mà...! Họ có hai người thôi.

- Không phải, ba người - Glenarvan xen vào.

- Hai người. - Viên trung sĩ khẳng khẳng.

- Hai người à? - Glenarvan hết sức ngạc nhiên hỏi lại. - Hai người Anh phải không?

- Hoàn toàn không đúng. - Viên trung sĩ đáp, - chẳng có người Anh nào cả! Một là người Pháp, còn người kia là người Ý.

- Người Ý đã bị người da đỏ Poyuches giết ấy phải không? - Paganel thốt lên.

- Phải... Rồi sau đó, theo tôi biết, người Pháp đã chạy thoát.

- Đã chạy thoát! - Robert sững sốt.

- Phải, đã thoát, ông ta trốn thoát, - viên trung sĩ khẳng định.

Mọi người đưa mắt nhìn Paganel, ông ta thất vọng đâm vào trán mình.

- Bây giờ tôi mới hiểu, - cuối cùng Paganel nói. - Tất cả đều được giải thích, tất cả đều đã rõ!

- Nhưng là chuyện gì thế? - Glenarvan sốt ruột hỏi.

- Các bạn của tôi ơi! - Paganel vừa nói vừa cầm tay của Robert. - Chúng ta đành phải chấp nhận sự thất bại cay đắng, chúng ta đã đi nhầm đường! Ở đây sự việc hoàn toàn không phải nói về thuyền trưởng Grant, mà nói về một đồng bào của tôi tên Marco Vazelo, mà bạn của anh ta là người Ý nọ, đã bị người da đỏ bộ lạc Poyuches giết thật rồi.

Tưởng rằng chúng ta đang lần theo dấu vết của Harry Grant, hóa ra chúng ta lại lần theo dấu vết của chàng thanh niên Guinnard.

Glenarvan nhìn Thalcave với vẻ chán nản.

- Ngài không khi nào nghe nói về ba người Anh bị bắt sao? - Thalcave hỏi viên trung sĩ.

- Chưa bao giờ, - Manuel đáp, - nếu có thì ở Tandil đây người ta đã biết... Tôi biết... Không, không có chuyện đó.

Sau lời khẳng định ấy. Glenarvan không còn biết làm gì ở đồn Độc Lập này nữa. Ông và những người cùng đi cảm ơn viên trung sĩ, bắt tay ông ta và ra đi.

Glenarvan thất vọng, thấy mọi hy vọng của mình đã tiêu tan. Robert lặng lẽ đi bên ông, nước mắt đầm đìa. Glenarvan không tìm được lời lẽ để an ủi chú bé. Paganel vừa đi vừa huơ tay, lẩm bẩm nói chuyện một mình. Thiếu tá không mở miệng. Còn Thalcave, anh ta thấy bị chạm lòng tự ái, vì đã dẫn người ngoại quốc đi mà không tìm ra được dấu tích.

Thật ra, làm sao có thể hy vọng tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant ở giữa vùng núi Sieradel Tandil và đại dương này? Tất nhiên là không rồi. Nếu có một người châu Âu nào sa vào tay người da đỏ ở vùng biển Đại Tây Dương thì đương nhiên viên trung sĩ

Manuel đã biết. Một sự kiện như thế không thể thoát khỏi sự chú ý của thổ dân thường xuyên buôn bán với cả Tandil lẫn Carmen ở gần cửa sông Rio Negro. Còn các thương gia vùng đồng bằng Argentine thì biết đủ điều và kháo nhau đủ chuyện. Do vậy, các nhà thám hiểm chỉ còn mỗi một cách là mau chóng tìm về con tàu Duncan đang đợi họ ở núi Medano như đã hẹn.

Tuy nhiên, Paganel vẫn yêu cầu Glenarvan xem lại lá thư. Nhà địa lý đọc đi đọc lại lá thư với vẻ bức tức không nín nổi. Ông dường như muốn moi ra từ trong bức thư một lời giải thích mới.

- Nhưng mà lá thư đã quá rõ rồi còn gì? - Glenarvan nhắc lại - Thư đã khẳng định tàu Britannia bị nạn và thuyền trưởng Grant bị bắt giữ mà.

- Nhưng tôi bảo không phải thế! - Paganel dấm tay xuống bàn đáp.

- Glenarvan, thiếu tá, Robert và tất cả các bạn của tôi hãy nghe đây! Chúng ta đang tìm thuyền trưởng Grant nơi không có ông ta.

- Ngài nói sao? - Glenarvan kinh ngạc.

- Không những không có, mà không bao giờ có cả. - Paganel nói thêm.

Mọi người sửng sốt trước những lời bất ngờ ấy.

- Ngài hãy giải thích về ý nghĩ của mình xem, ngài Paganel, - Mac Nabbs yêu cầu. - Nhưng phải bình tĩnh hơn mới được.

- Vâng, tôi cho rằng - Paganel nói, từ Austral trong thư là một từ không được đầy đủ như trước đây chúng ta đã phỏng đoán, còn gốc từ Australie có nghĩa là nước Úc.

- Thế mới hay đấy! - Thiếu tá lên tiếng.

- Hay à? - Glenarvan nhún vai. - Nhưng chuyện không thể đơn giản thế đâu.

- Không thể? - Paganel kêu lên. - Nước Pháp chúng tôi không thừa nhận cái từ ấy.

- Sao? - Glenarvan nói tiếp bằng một giọng hoàn toàn mất tin tưởng, - Ngài định căn cứ vào bức thư để quả quyết rằng tàu Britania đã bị nạn ở vùng biển Australie?

- Paganel bị chạm tự ái.

- Nếu ngài thừa nhận từ Austral nghĩa là nước Úc, thì ngài phải thừa nhận sự tồn tại của người da đỏ ở đó, mà ở đó chưa bao giờ có người da đỏ cả.

Paganel mỉm cười, không chút tỏ ra phật ý trước lời kết luận ấy, dường như ông ta đã chờ đón ý đó.

- Glenarvan thân mến, nhà địa lý nói, xin ngài đừng vội đắc thắng, ngay bây giờ tôi sẽ bác bỏ lập luận của ngài...

- Tôi sẽ rất vui. Xin ngài cứ bác bỏ ý kiến của tôi!

- Vâng, các bạn hãy nghe đây! Trong thư ít nói đến người da đỏ, cũng như nước Patagonia. Mấy chữ rời rạc Indi không có nghĩa là indiens - người da đỏ. Mà là indigènes nghĩa là thổ dân. Còn việc Australie có thổ dân thì tôi tin rằng ngài cho là đúng chứ!

Phải thừa nhận rằng đến đây thì Glenarvan nhìn nhà địa lý một cách chăm chú hơn.

Paganel đặc chí nhấn mạnh:

- Điều quan trọng là từ austral chỉ rõ đó là nước Úc. Giá hồi ấy ngài Glenarvan không làm cho tôi rối trí với những lời giải thích sai lệch của mình thì tôi đã đi đúng hướng ngay từ đầu rồi! Nếu tự tôi tìm hiểu bức thư ấy thì không bao giờ tôi hiểu sai lạc đâu!

Những câu nói của Paganel được tán thưởng bằng những tiếng reo hoan hô. Austin, các thủy thủ, thiếu tá và nhất là chú bé Robert hạnh phúc vừa được khích lệ bởi niềm hy vọng mới, đều đã vỗ tay hoan hô nhà bác học đáng kính.

Glenarvan dần dần nhận ra cái sai của mình và tuyên bố sẵn sàng chịu thua cuộc.

- Tôi hỏi một câu nữa, Paganel thân mến,
- huân tước nói, - vậy bây giờ ta đọc toàn bộ

bức thư ấy theo lời giải thích mới của ngài thế nào đây?

- Chuyện ấy đơn giản thôi. Ta hãy xem bức thư đây, - Paganel vừa đáp, vừa lấy tờ giấy quý báu mà ông đã miệt mài nghiên cứu mấy hôm nay. Và đọc lên như sau:

“Ngày 7 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania đi từ cảng Glasgow đã bị nạn sau...”

Chỗ này, nếu các bạn muốn thì có thể để thêm từ như “hai ngày”, “ba ngày” hoặc đơn giản là “thời gian hấp hối lâu” thế nào cũng được. - “Ở gần bờ biển nước Australie. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã tìm cách lên bờ”... hoặc “đã vào được bờ, ở đó “họ sẽ bị” hoặc “đã bị những người thổ dân hung bạo bắt làm tù binh”... Như thế đã rõ chưa nào?

- Rõ! Các bạn ơi! Tôi chỉ còn biết nói với các bạn một điều là lên đường đi Australie! Trời sẽ phù hộ chúng ta! - Glenarvan nói.

- Đi Australie! - Những người cùng đi đồng thanh hô lên theo ông.

8. TRỞ LẠI TÀU DUNCAN

Sau khi xác định hướng đi mới, đoàn thám hiểm quyết định tìm đường ra Đại Tây Dương, đến nơi tàu Duncan đã hẹn đợi.

Sau những ngày đi đường bị lũ lụt vô cùng vất vả có lúc lại gặp cá sấu, mọi người phải trèo lên cây sống như chim, đêm hôm ấy họ ra đến bờ biển. Glenarvan bồn chồn suốt đêm không ngủ. Ông và nhà địa lý dõi tìm trong đêm tối ánh sáng đèn pha của tàu Duncan. Nhưng không thấy gì. Đến tảng sáng, Glenarvan bỗng kêu to khiến mọi người thức giấc.

- Duncan! Duncan!

- Hoan hô, hoan hô! - Những người cùng đi vừa reo, vừa đổ xô ra bờ biển.

Con tàu thấp thoáng ngoài khơi cách bờ chừng năm hải lý. Nó cuốn buồm, chạy chậm bằng hơi nước. Khói tàu tan lẫn trong sương.

Lúc ấy, Thalcave đã nạp đạn khẩu carbin và bắn về phía tàu. Mọi người bắt đầu lắng nghe, chủ yếu là dõi nhìn. Tiếng vọng nhắc lại ba lần tiếng súng của người da đỏ.

Cuối cùng, trên boong tàu xuất hiện một làn khói trắng.

- Họ đã nhìn thấy chúng ta! - Glenarvan reo to. - Đó là khẩu đại bác của Duncan đã nhả đạn.

Vài giây sau, một tiếng nổ ầm vang vào bờ. Duncan vòng trở lại và tăng tốc độ, hướng vào mục tiêu vừa phát hiện. Lát sau, qua ống kính quan sát, Glenarvan thấy chiếc xuồng được hạ trên mạn tàu xuống.

Huân tước bước lại phía Thalcave đang khoanh tay chéo trước ngực đứng cạnh con Thauka của mình và nhìn đại dương nổi sóng. Ông nắm tay người da đỏ chỉ về phía Duncan nói:

- Bạn đi với chúng tôi nhé!

Anh bạn da đỏ lắc đầu.

- Đi với chúng tôi nhé, bạn! - Glenarvan nhắc lại.

- Không, - Thalcave mềm mỏng trả lời. - Ở đây là Thauka, đằng kia là thảo nguyên, - anh ta nói thêm và đưa tay về phía những đồng cỏ bao la với một tình yêu mãnh liệt.

Glenarvan hiểu rằng, anh bạn da đỏ không bao giờ chịu rời đồng cỏ, nơi tổ tiên anh yên nghỉ. Ông chỉ bắt tay Thalcave thật chặt. Ông cũng không nài ép Thalcave ngay cả khi anh ta cười từ chối không nhận khoản tiền công của mình với lời lẽ chân tình:

- Hữu nghị thôi mà!

Glenarvan chỉ còn biết tặng anh chàng người da đỏ tấm ảnh của Helena.

- Vợ ngài à? Đẹp quá!

Thalcave trù mến nhận tấm ảnh.

Robert, Paganel, thiếu tá, Tom Austin và hai người thủy thủ lần lượt chia tay Thalcave một cách cảm động. Những con người đáng yêu này đều đã ngậm ngùi khi phải từ giã người bạn dũng cảm, trung thành. Người da đỏ lần lượt ghi chặt tất cả họ vào khuôn ngực nở nang của mình. Paganel tặng anh tấm bản đồ Nam Mỹ và hai đại dương mà anh bạn người Patagonia ấy đã nhiều lần xem một cách thích thú.

Nhà địa lý đã cho đi cái mà ông yêu quý nhất. Robert chẳng có gì để tặng ngoài sự trù mến và chú đã nồng nhiệt biểu hiện sự trù mến ấy đối với người đã cứu sống mình. Chú cũng không quên chia sẻ một phần tình cảm trù mến đối với con ngựa Thauka.

Chiếc xuồng của tàu Duncan đã cập bờ. Sau khi lách bơi giữa hai bãi bồi, chiếc xuồng trườn lên bờ cát.

Mọi người ôm hôn lần cuối cùng người da đỏ. Thalcave tiễn những người bạn của mình đến tận chiếc xuồng đã được đưa xuống nước.

Lúc Robert ngồi vào xuồng, người da đỏ còn ôm chú lần nữa và âu yếm nhìn chú nói:

- Nền biết rằng bây giờ chú đã là một người đàn ông rồi đấy!

- Tạm biệt nhé, tạm biệt! - Glenarvan nhắc lại.

- Có khi nào chúng ta còn gặp nhau nữa không đây! - Paganel nói.

- Quien sabe - Thalcave vừa trả lời vừa giơ tay chỉ lên trời.

Đây là những lời cuối cùng của người da đỏ. Những lời ấy đã bị tiếng gió át đi.

Chiếc xuồng bị con nước cuốn ra khơi mỗi lúc một xa hơn. Hình bóng bất động của Thalcave vẫn còn in mãi trên những con sóng bạc đầu. Nhưng dần dần hình bóng ấy nhỏ đi và cuối cùng hoàn toàn biến mất trong con mắt của những người bạn mà anh ta đã ngẫu nhiên gắn chung số phận.

Một giờ sau, Robert là người đầu tiên đặt chân lên thang tàu Duncan và nhảy bổ đến ôm lấy cổ Mary Grant trong tiếng hoan hô vui mừng nổi lên chung quanh.

Cuộc hành trình qua Nam Mỹ theo một đường thẳng đã kết thúc như vậy đó.

Trong những phút đầu tiên, mọi người chỉ biết hân hoan tay bắt mặt mừng. Glenarvan không muốn cuộc vui bị mất, nên ông không dă động gì đến sự thất bại của việc tìm kiếm.

- Chúng ta tin tưởng sẽ thành công, các

bạn của tôi ạ! - Ông nói. Chúng ta tin! Thuyền trưởng Grant hiện không có mặt với chúng ta, nhưng chúng ta hoàn toàn tin rằng sẽ tìm thấy thuyền trưởng.

Lời lẽ của Glenarvan rất thuyết phục, khiến trái tim của Helena và Mary Grant lại ấm lên niềm hy vọng.

Thật vậy, trong lúc chiếc xuồng bơi gần về tàu, huân tước phu nhân và Mary Grant đã trải qua biết bao nỗi hồi hộp. Họ đứng trên tầng lái đếm đi đếm lại những người ngồi trong xuồng. Cô gái lúc thì thất vọng lúc thì trái lại, tưởng tượng như đang nhìn thấy cha. Trái tim cô rung động. Cô không đủ sức thốt lên được lời nào và bước đi không vững nữa. Huân tước phu nhân phải dìu cô, John Mangles im lặng đứng bên cô chăm chú nhìn. Đôi mắt thủy thủ của anh ta từng quen phân biệt những vật ở đằng xa, nhưng đã không tìm thấy thuyền trưởng Grant đâu.

- Cha kia rồi! Cha đang về cùng với họ! Cha ơi! - Cô gái thì thào.

Nhưng chiếc xuồng càng về gần thì ảo giác của cô càng tiêu tan. Đến khi chiếc xuồng chỉ còn cách con tàu một cabletove thì không những huân tước phu nhân và John Mangles mà cả Mary đều tiêu tan hết mọi niềm hy vọng. Những lời khích lệ của Glenarvan đã vang lên thật là đúng lúc.

Sau những cái ôm hôn đầu tiên, Glenarvan kể cho Helena, Mary và John Mangles về tất cả những gì xảy ra với họ trong thời gian thám hiểm, và chủ yếu là về lời giải thích mới trong nội dung bức thư mà Jacques Paganel miễn tiếp đã đưa ra. Glenarvan rất khen ngợi Robert và cam đoan với Mary rằng cô hoàn toàn có quyền tự hào về cậu em trai của mình. Ông đã kể lại sự dũng cảm và sự hy sinh quên mình của chú bé trong những giờ phút nguy hiểm và khen ngợi chú bé đến mức chú phải bối rối.

- Việc gì mắc cỡ, Robert? - John Mangles nói. - Em đã xử sự như một đứa con trai xứng đáng của thuyền trưởng Grant kia mà!

Vừa nói John Mangles vừa kéo cậu em của Mary vào lòng, hôn vào hai má cậu hãy còn ướt nước mắt của người chị gái.

Mac Nabbs, ngay sau những lời chào hỏi đầu tiên, đã trở về phòng mình và bắt đầu cạo râu như chẳng có gì xảy ra. Còn Paganel thì, như một con ong hút mật, lượn đi lượn lại từ người này sang người khác để đón nhận những lời khen ngợi và những nụ cười.

Chàng đầu bếp trên tàu ấy đã tìm được cách duy nhất để tạ ơn nhà bác học về sự lịch thiệp của ông là báo tin cho mọi người biết bữa ăn sáng đã được dọn sẵn.

- Ăn sáng ư? - Nhà địa lý hỏi.

- Vâng, thưa ngài Paganel.

- Một bữa ăn sáng thật sự, có bàn dĩa hoàng, có bộ đồ ăn và khăn ăn?

- Tất nhiên, thưa ngài Paganel!

- Và không cho chúng tôi ăn thịt khô, trứng luộc và thịt dĩa điều chứ?

- Ô, thưa ngài! Anh chàng đầu bếp trên tàu bị chạm tự ái, nói với về trách móc.

- Tôi không muốn xúc phạm bạn đâu, nhà bác học cười nhận xét, nhưng mà đó là món ăn thường xuyên của chúng tôi trong suốt thời gian một tháng trời qua. Và khi ăn, chúng tôi đâu có được ngồi vào bàn tử tế, phải nằm trên đất, hoặc ngồi vắt vẻo trên cây mà ăn.

- Thế thì ta đi nào, thưa ngài Paganel, rồi chúng ta sẽ tin đó là sự thật. Huân tước phu nhân nói, không nên nổi tiếng cười.

- Xin phép được mời bà. - Nhà địa lý lịch sự nói với Helena.

- Thưa huân tước, ngài có lệnh gì cho tàu Duncan không ạ? - John Mangles hỏi.

- Sau khi ăn sáng, John Mangles thân mến ạ, - Glenarvan đáp, - chúng ta sẽ cùng bàn kế hoạch cho một cuộc hành trình mới.

Sau bữa ăn, mọi người nghe Paganel thuyết trình về chặng đường mới và Glenarvan đã ra lệnh cho thuyền trưởng John nhổ neo. Chẳng bao lâu Duncan đã rẽ sóng rời bờ biển châu Mỹ đi về hướng đông.

9. AYRTON

Châu Mỹ cách nước Australie, hay nói đúng hơn mũi Corrientes cách mũi Bernouilli 196⁰ và bằng 11.760 hải lý. Từ bờ biển châu Mỹ đến các hòn đảo Tristan - D' Acunha là 2100 hải lý. Chặng đường này John Mangles hy vọng vượt qua trong mười ngày, nếu như trên đường không bị vướng gió đông. Chàng thuyền trưởng trẻ gặp may. Đến chiều, gió bắt đầu dịu đi rõ rệt và sau đó đổi hướng. Biển lặng sóng và Duncan đã có thể phát huy hết mọi khả năng tuyệt vời của nó...

Duncan lần lượt vượt qua các đảo Tristan - D'Acunha, ghé lại mũi Hảo Vọng để lấy thêm than dự trữ, rồi băng qua đảo Amsterdam, lướt trên Ấn Độ Dương và cập mũi Bernouilli thuộc Australie.

Điều quan tâm đầu tiên của John Mangles là thả hai mỏ neo ở độ sâu mười mét rưỡi. Đáy biển ở đây rất tốt - toàn sỏi cứng - giữ neo chắc chắn. Như vậy là con tàu không sợ bị cuốn ra biển cũng không sợ bị mắc cạn.

Glenarvan bắt tay chàng thuyền trưởng trẻ và nói:

- Cảm ơn John.

Từ trên tàu, chiếc xuống được hạ xuống. Glenarvan, Helena, John Mangles, Mac Nabbs, Paganel, Mary và Robert ngồi vào xuống và bắt đầu cuộc tìm kiếm trên mặt biển những dấu tích của tàu Britannia. Nhưng kết quả không đem lại niềm hy vọng nào.

Đoàn thám hiểm lên bờ biển hoang vắng. Họ đi bộ, trèo lên núi và từ đó nhìn xuống xung quanh, cách đó ba dặm, cối xay gió đang quay tít trong không khí. Họ đi về phía đó.

Sau nửa giờ đi bộ, địa hình ở đây thấy thay đổi hẳn. Một hàng rào cây xanh vây quanh một vùng đất dường như mới vừa được khai khẩn.

Đi được một quãng họ thấy những cánh đồng lúa mì có chỗ đã chín vàng. Rồi sau những hàng rào là cây ăn trái. Kế đến là nhà kho và các căn nhà phụ khác được sắp xếp một cách khéo léo. Cuối cùng, các nhà thám hiểm thấy một căn nhà ở đơn sơ nhưng ấm cúng, trên đó những cánh quạt của chiếc cối xay gió đang quay tít.

Nghe tiếng bốn con chó sủa báo hiệu có người lạ đến, một người chừng năm mươi tuổi, với vẻ bề ngoài dễ mến, từ trong nhà đi ra. Đi theo ông là năm đứa con trai khỏe, đẹp và một người phụ nữ thân hình cao lớn, lực lưỡng, mẹ của những đứa trẻ.

Các nhà thám hiểm chưa kịp tự giới thiệu đã thấy vang lên những lời lẽ chân thành của chủ nhà.

- Xin mời những người nước ngoài quá bộ vào nhà của Paddy O'Moore!

- Ông là người Irlande? - Glenarvan vừa hỏi vừa bắt tay chủ nhà.

- Trước thì thế, - Paddy O'Moore đáp, - còn bây giờ tôi là người Australie. Chưa biết các ngài là ai cũng cứ xin mời vào và tự nhiên như ở nhà cho.

Những người khách chỉ còn biết đón nhận lời mời chân tình không chút khách khí ấy.

Chủ nhà mời khách dùng cơm. Ông chủ tỏ ra rất niềm nở. Vừa lúc ấy, những người làm công của chủ trại cũng đã về. Họ được bình đẳng với chủ và cùng ngồi ăn cơm.

Trong khi ăn, chủ và khách sôi nổi chuyện trò. Paddy O'Moore kể về lai lịch của mình, đó là câu chuyện của một người lưu vong bị cảnh bản cùng phải xa lìa quê hương đến đây làm ăn sinh sống.

Nghe xong câu chuyện của Paddy O'Moore, Glenarvan muốn kể cho ông nghe về tàu Duncan, về những cuộc tìm kiếm kiên trì và vất vả bấy lâu nay. Nhưng vốn là người luôn luôn đi thẳng tới mục đích, nên trước hết ông đã hỏi Paddy O'Moore xem có biết gì về tai nạn của tàu Britania không?

Hóa ra người Irlande này không hề biết gì về một chiếc tàu như thế. Và nói chung trong hai năm gần đây ông ta không nghe nói xảy ra một vụ đắm tàu nào ở mũi Bernouilli và vùng lân cận cả, hướng hồ Britannia lại mới bị nạn cách đây chưa đầy hai năm. Người Irlande còn khẳng định chắc chắn rằng không có một người nào bị trôi giạt vào vùng duyên hải phía tây này hết.

Nỗi thất vọng bắt đầu xâm chiếm những con người độ lượng, dũng cảm của tàu Duncan đã bao ngày hoài công lặn lội tìm đến những vùng bờ biển xa xôi như thế này. Bỗng có ai đó nói:

- Hãy cầu chúa đi, ngài huân tước, nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở Australie.

✻

Không thể tưởng tượng những lời nói ấy đã gây nên sự ngạc nhiên như thế nào. Glenarvan đứng bật dậy, đẩy chiếc ghế và nói:

- Ai vừa nói đấy nhỉ?

- Tôi, một trong số những người làm của Paddy O'Moore ngồi ở cuối bàn đáp.

- Anh à, Ayrton? - Người lưu vong sưng sốt, không kém gì Glenarvan.

- Vâng, tôi - Ayrton đáp lại bằng một giọng xúc động, nhưng kiên quyết. - Tôi cũng

là một người Scotland như ngài, thừa huân tước, và tôi là một trong những người bị nạn trên tàu Britania.

Lời tuyên bố ấy đã gây ấn tượng không sao tả xiết. Mary Grant gần như ngất đi vì xúc động và hạnh phúc, gục đầu vào ngực huân tước phu nhân Helena. John Mangles, Robert, Paganel đứng phất dậy nhào tới người mà Paddy O'Moore vừa gọi là Ayrton.

Anh ta chừng bốn mươi lăm tuổi, gương mặt khắc khổ, đôi mắt sáng ẩn sâu dưới đôi mày rậm. Tuy gầy gò, nhưng anh ta hẳn là đã có một sức mạnh khác thường. Anh ta có đôi vai rộng, người tầm thước, phong thái nom thông minh, kiên quyết và đầy nghị lực.

Thoạt nhìn, Glenarvan và các bạn ông đã thấy được điều đó. Con người Ayrton làm cho người ta kính trọng. Glenarvan thể hiện những tình cảm chung đã hỏi anh ta đủ điều. Cả hai người, Glenarvan và Ayrton, có lẽ điều xúc động trước cuộc gặp gỡ này, vì vậy những câu hỏi của Glenarvan lúc đầu khá lộn xộn.

- Anh là một trong hai người bị nạn trên tàu Britania? - Glenarvan hỏi.

- Vâng, thưa huân tước, tôi là hoa tiêu của thuyền trưởng Grant.

- Anh đã thoát nạn trong lúc tàu bị đắm cùng với họ?

- Không, thưa huân tước, không! Trong giờ phút khủng khiếp ấy tôi bị sóng cuốn đi khỏi boong tàu và bị trôi giạt lên bờ.

- Có lẽ anh không phải là người trong số hai thủy thủ được nhắc đến trong thư?

- Không ... Tôi không ngờ có bức thư ấy. Thuyền trưởng đã bỏ thư xuống biển khi tôi không còn ở trên tàu nữa.

- Nhưng tình hình thuyền trưởng ra sao?

- Tôi cho rằng ông ta đã bị chìm, mất tích, cùng với cả đội thủy thủ của tàu Britania. Tôi thấy hình như chỉ có mình tôi là thoát nạn.

- Nhưng anh đã nói thuyền trưởng Grant còn sống kia mà!

- Không, tôi đã nói nếu thuyền trưởng Grant còn sống...!

- Và anh đã nói thêm thì ông ta đang ở Australie!

- Vâng, ông ta chỉ có thể ở đây thôi.

- Có nghĩa là anh không biết rõ ông ta đang ở đâu?

- Không biết, thưa huân tước. Tôi nhắc lại: tôi cho rằng ông ta đã bị sóng nhận chìm hoặc là đã bị va vào đá chết. Do huân tước nói nên tôi mới biết là ông ta vẫn còn sống.

- Như vậy anh có biết gì thêm không?

- Chỉ biết một điều là nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở Australie.

- Thế tai nạn xảy ra ở đâu? - Thiếu tá Mac Nabbs hỏi.

Ayrton đã trả lời câu hỏi của Mac Nabbs như sau:

- Khi tôi bị sóng cuốn khỏi boong tàu, lúc ấy, tôi đã hạ buồm xuống, thì tàu Britania bị giạt vào bờ biển Australie, còn cách đó chưa đầy hai cabeltove. Và tàu đã bị đắm ở đó.

- Thế tàu bị đắm vào lúc nào?

- Đêm 27 tháng sáu năm 1862.

- Đúng vậy! - Glenarvan kêu lên.

- Thừa huân tước, ngài thấy đó, tôi có cơ sở để cho rằng, nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì cần phải tìm ông ta trên lục địa Australie và không phải ở đâu khác nữa.

- Chúng tôi sẽ tìm ông ta, sẽ tìm được ông ta và sẽ cứu ông ta, anh bạn của tôi ạ! - Paganel thốt lên. - Chà, thật là một tài liệu quý báu, - nhà địa lý nói với vẻ hồn nhiên chưa từng thấy.

Nhưng, những lời ấy của Paganel tất nhiên là không ai nghe thấy cả: Glenarvan và huân tước phu nhân, Mary và Robert - mọi người đã vây quanh Ayrton và tranh nhau bắt tay anh ta.

Dường như sự có mặt của người ấy là đảm bảo chắc chắn cho việc tìm cứu được thuyền trưởng Grant. Nếu trong khi tàu đắm có một thủy thủ còn sống sót, thì tại sao thuyền trưởng lại không thể thoát nạn? Ayrton đã nhắc lại rằng rất có thể thuyền trưởng còn sống như anh ta. Nhưng thuyền trưởng đang ở đâu thì anh ta không thể nói được. Tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, thuyền trưởng đang ở một nơi nào đó trên lục địa này thôi.

Người hoa tiêu ấy đã trả lời tất cả những câu hỏi hoàn toàn chính xác và rõ ràng. Trong lúc anh ta nói, Mary đã nắm lấy tay anh ta. Vì đây là một người bạn đường của cha cô, một trong số những thủy thủ của tàu *Britania* kia mà! Anh ta đã cùng sống với Harry Grant, cùng đi trên mặt biển, cùng vượt qua những khó khăn nguy hiểm... và Mary đã khóc vì sung sướng, mắt không rời gương mặt khắc khổ của người hoa tiêu.

Suốt từ nãy đến giờ không có ai nảy ra ý nghĩ rằng con người tự xưng là hoa tiêu ấy có đúng thực hay không? Và nói chung là có thể tin được lời của anh ta không? Chỉ có thiếu tá và có thể cả John Mangles nữa, là còn phân vân. Cuộc gặp gỡ với anh ta quả là bất ngờ, đến nỗi có thể gây nên một số điều đáng nghi ngờ. Đúng là Ayrton có nói đến những sự

việc và con số hoàn toàn phù hợp với những điều đã được biết trong lá thư và đã giải thích thêm những tình tiết mới lạ. Nhưng những tình tiết, cho dù chính xác đi nữa, vẫn không làm cho câu chuyện có thể tin cậy được.

Còn nói về John Mangles thì khi viên hoa tiêu bắt đầu kể với cô gái trẻ về người cha của cô, lập tức mọi sự nghi ngờ của anh ta đều tan hết. Rõ ràng là viên hoa tiêu trước đây đã biết cả Mary lẫn Robert, bởi vì anh ta đã từng gặp chúng ở cảng Glasgow trước khi tàu *Britania* nhổ neo. Ayrton nhắc lại cho Mary biết, anh ta đã cùng với hai chị em cô có mặt trong bữa ăn sáng chia tay do thuyền trưởng chiêu đãi bạn bè trên boong tàu của mình. Đạo ấy, Robert hơn mười tuổi, được giao cho thủy thủ trưởng Dick Turner trông nom, nhưng chú đã vùng bỏ chạy và leo trèo khắp chỗ trên tàu.

- Đúng, đúng! - Robert xác nhận.

Ayrton đã nhắc lại nhiều sự việc như thế. Và cứ mỗi lần anh ta dừng lại thì Mary khẩn khoản yêu cầu:

- Ông Ayrton kể nữa đi, kể nữa đi, cho chúng cháu nghe về cha của chúng cháu.

Ayrton đã kể lại toàn bộ hành trình của *Britania* trên Thái Bình Dương. Có nhiều điều anh ta nói Mary đã được biết, bởi vì

những tin tức về tàu vẫn có đều dẫn cho đến tận tháng năm năm 1862. Trong thời gian ấy. Harry Grant đã đến nhiều đảo. Chính quyền Anh sở tại đã gây cho ông đủ mọi trở ngại. Nhưng thuyền trưởng Grant cũng đã tìm được trên bờ biển phía Tây Guinee những vùng đất thích hợp. Ông thấy có thể lập ra một vùng di cư dân Scotland ở đó và vùng này nhất định sẽ phồn thịnh.

Sau khi hoàn thành việc khảo sát vùng New Guinee, Britania đã đi Callao để bổ sung dự trữ thực phẩm và nhiên liệu. Ngày 30 tháng năm năm 1862, nó đã rời cảng và đi châu Âu qua Ấn Độ Dương và vòng quanh mũi Hảo Vọng. Britania ra biển được ba tuần thì một trận bão khủng khiếp đã làm cho tàu không điều khiển được nữa và phải chặt bỏ các cột buồm. Suốt cả tuần lễ Britania trở thành thứ đồ chơi cho bão biển vờn giỡn. Nước trong hầm tàu lên đến một mét tám. Tàu bị chìm dần. Các xuồng đều bị bão giạt vỡ. Trong khi cái chết không tránh khỏi đang đe dọa phái đoàn thủy thủ thì bỗng đêm rạng ngày 27 tháng sáu họ thấy xuất hiện vùng duyên hải phía đông Australie. Chẳng bao lâu Britania đã bị quăng lên bờ với một sức mạnh khủng khiếp. Ayrton bị sóng cuốn vào vùng nước xoáy và ngất đi. Khi tỉnh dậy anh ta thấy mình bị những người thổ dân bắt giữ.

Họ đưa Ayrton vào sâu trong đất liền. Từ đó đến nay anh ta không hay biết gì về Britania và hoàn toàn có căn cứ để đoán rằng nó đã bị va vào dải đá ngầm ở Twofold - Bay và đã bị đắm cùng với đoàn thủy thủ và hàng hóa.

Đến đây 'kết thúc' phần chuyện có liên quan đến thuyền trưởng Grant. Vì vậy, mọi người đã yêu cầu Ayrton kể về quãng đời nhiều lưu của anh ta. Anh ta đã làm việc ấy rất đơn giản và ngắn gọn.

Người thủy thủ thoát nạn ấy sau khi bị một bộ lạc thổ dân bắt giữ, đã bị đưa sâu vào nội địa, ở vùng châu thổ sông Darling, cách vĩ tuyến 37 chừng bốn trăm dặm về phía bắc. Anh ta đã sống ở đó trong cảnh thiếu thốn nặng nề, bởi vì bản thân bộ lạc đó cũng nghèo đói. Anh đã quyết định chạy trốn, mặc dù biết rằng như vậy sẽ vô cùng nguy hiểm.

Một đêm tháng mười năm 1864, Ayrton đã đánh lừa được những người thổ dân và trốn thoát vào rừng rậm mênh mông. Cuối cùng bị kiệt sức gần như sắp chết, anh ta đã lê được đến nhà ông Paddy O'Moore mên khách này đây. Anh ta xin ở lại làm việc và sống lại cuộc đời hạnh phúc.

- Nếu Ayrton hài lòng về tôi, - người Irlande lưu vong nói, khi viên hoa tiêu vừa kể xong, - thì cần phải nói rằng tôi cũng hài lòng về anh ta. Anh ta là một người thông

minh dũng cảm, một người làm việc tốt, và nếu anh ta muốn thì mái nhà của Paddy O'Moore sẽ mãi mãi là của anh ta.

Ayrton cúi mình tạ ơn người Irlande và bắt đầu chờ đợi những câu hỏi khác.

Glenarvan định phác thảo một kế hoạch hành động mới dựa theo tình hình mà Ayrton vừa cung cấp, nhưng lúc ấy thiếu tá đã quay sang hỏi anh ta.

- Anh đã làm hoa tiêu trên tàu Britania?

- Vâng. - Ayrton đáp không cần suy nghĩ.

Biết rằng câu hỏi của Mac Nabbs là biểu hiện ý nghi ngờ cuối cùng, nên anh ta đã nói thêm: - Tôi còn giữ được nguyên vẹn bản hợp đồng làm việc trên tàu.

Và Ayrton đi lấy ngay bản hợp đồng ấy. Anh ta vắng mặt không đầy một phút, nhưng Paddy O'Moore đã kịp nói với Glenarvan:

- Thưa huân tước, ngài hãy tin tôi, Ayrton là một người lương thiện. Qua hai tháng anh ta làm việc ở đây, tôi hoàn toàn không có điều gì phải trách cứ anh ta. Về việc anh ta đã bị đắm tàu và bị bắt thì tôi đã được anh ta kể trước đó rồi. Đó là một người chắc chắn xứng đáng với sự tin cậy của ngài.

Vừa lúc ấy viên hoa tiêu đã trở lại và đưa cho Glenarvan bản hợp đồng đã được ký kết đúng thể lệ quy định. Bản hợp đồng do chủ

tàu Britania - thuyền trưởng Grant, ký tên. Mary nhận ra ngay nét chữ của cha. Bản hợp đồng được xác định rằng: "Tom Ayrton, thủy thủ hạng nhất, đã được nhận vào làm hoa tiêu trên tàu ba cột buồm Britania.

- Làm sao tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ còn sống sót trên lục địa mênh mông này? - Glenarvan băng khoăn.

- Còn bây giờ, chúng ta quyết định ngay những việc cần làm.

- Ông Ayrton, theo ông thì nên quyết định như thế nào? - Huân tước phu nhân Helena quay sang hỏi viên hoa tiêu.

- Thưa phu nhân, tôi sẽ quay về Duncan và đi thẳng đến nơi xảy ra đắm tàu, - Ayrton đáp với vẻ linh hoạt. - Còn ở đó sẽ hành động phù hợp với tình huống và biết đâu lại chẳng gặp cơ hội may mắn nào đó.

- Tuyệt lắm! - Glenarvan nói, - nhưng có điều là phải đợi sửa chữa xong Duncan đã.

- À, vậy là tàu của ngài có chỗ bị hư? - Ayrton hỏi.

- Vâng. - John Mangles lên tiếng.

- Có nặng không?

- Không, nhưng muốn sửa chữa phải có thiết bị, mà tàu chúng tôi lại không có. Chân

vịt có một cánh bị cong và chỉ có thể đến Melbourne mới sửa được.

- Vậy thì cứ để cho Duncan đi Melbourne, - Paganel tham gia. - Còn chúng ta đi đến vịnh Twofold - Bay bằng cách khác.

- Bằng cách nào? - John Mangles muốn biết.

- Chúng ta đi qua Australie như đã đi qua Nam Mỹ, cứ bám sát theo vĩ tuyến 37 mà đi.

- Thế còn Duncan? - Ayrton hỏi với một vẻ quan tâm hơi đặc biệt.

- Duncan sẽ đến với chúng ta, hoặc chúng ta sẽ đến với nó, tùy theo tình huống. Nếu trên đường đi mà tìm thấy thuyền trưởng Grant thì chúng ta sẽ cùng ông quay trở lại Melbourne. Nếu chúng ta phải kéo dài cuộc tìm kiếm tận vùng duyên hải thì Duncan sẽ đến đó đón chúng ta. Có ai không tán thành kế hoạch này không? Ý bác thế nào, thiếu tá?

- Không ai phản đối, - Mac Nabbs trả lời, - nhưng có điều là liệu chuyến đi vượt qua Australie có thể thực hiện được không?

- Được lắm chứ, vì thế tôi đề nghị cho huân tước phu nhân và Mary cùng đi với chúng ta, - nhà bác học nói.

- Ngài nói điều ấy nghiêm chỉnh đấy chứ, Paganel? - Glenarvan hỏi.

- Hoàn toàn nghiêm chỉnh, thừa huân tước thân mến. Chặng đường vượt này khoảng 350 dặm gì đó. Mỗi ngày đi 12 dặm thì chúng ta đi chưa đầy một tháng, tức là bằng đúng thời gian dùng để sửa chữa tàu Duncan. Còn vĩ tuyến 37 thì đi qua tỉnh Victoria, qua các lãnh địa của Anh, hầu như nơi nào cũng có dân cư, đường xá, xe lửa. Một cuộc thám hiểm như vậy thậm chí có thể thực hiện được bằng xe ngựa. Giống như một cuộc dạo chơi từ London đến Edimnourg mà thôi, không hơn đâu.

- Thế thú dữ thì sao? - Glenarvan hỏi, muốn đề phòng trước mọi điều.

- Ở Australie không có thú dữ... Còn ở châu Âu thì không được mấy nơi như vậy. Thế nào, ta quyết định rồi chứ?

- Ý em sao, Helena? - Glenarvan quay sang hỏi vợ.

- Ý em cũng giống ý mà mỗi người chúng ta đều sẵn sàng nói ra, anh Edward thân yêu ạ, - Helena vừa trả lời vừa quay về phía các nhà thám hiểm khác. - Lên đường! Lên đường thôi!

10. RA ĐI

Chuyến đi đã được ấn định vào ngày mốt, tức 22 tháng mười hai.

Nếu Ayrton đồng ý tham gia cùng đoàn thám hiểm, dẫn họ đi qua các khu rừng của tỉnh Victoria, đến vùng duyên hải phía đông, thì như vậy cuộc hành trình thừa sức bảo đảm thành công. Glenarvan biết thế, nên muốn được người đồng hành trước đây của Harry Grant giúp đỡ. Ông hỏi người chủ nhà xem có đồng ý cho Ayrton tháp tùng họ không, Paddy O'Moore cho biết ông rất tiếc, nhưng không khước từ lời đề nghị ấy.

- Sao, Ayrton, ông đồng ý cùng chúng tôi tham gia cuộc tìm kiếm những người bị nạn của tàu *Britania* chứ?

Ayrton không trả lời ngay câu hỏi ấy. Thậm chí anh ta còn do dự vài phút. Nhưng sau khi suy nghĩ anh ta nói:

- Tốt thôi, thưa huân tước, tôi sẽ cùng đi với các ông. Thậm chí nếu tôi không giúp ông tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant thì tôi cũng sẽ đưa các ông đến nơi tàu của ông ta bị nạn.

- Cảm ơn ông, Ayrton. - Glenarvan nói.

- Cho phép tôi hỏi huân tước một câu.
- Ông cứ hỏi.
- Các ông hẹn gặp Duncan ở đâu?
- Ở Melbourne.
- Thế còn thuyền trưởng...?
- Thuyền trưởng sẽ đợi lệnh của tôi tại cảng Melbourne.
- Thôi được, thưa huân tước. - Ayrton nói,
- ngài có thể trông cậy vào tôi.
- Tôi trông cậy vào ông, ông Ayrton, - Glenarvan đáp.

Các hành khách của tàu Duncan nồng nhiệt cảm ơn hoa tiêu ấy.

Glenarvan ủy thác cho Paddy O'Moore lo việc cung cấp cho đoàn thám hiểm những phương tiện vận chuyển để vượt qua Australie. Sau khi ký kết giao kèo và hẹn với Ayrton, các nhà thám hiểm trở lại tàu Duncan.

Ai nấy ra về vui vẻ. Tình hình đã đổi khác, không còn phải do dự phân vân gì nữa. Harry Grant đang ở trên lục địa này, điều đó không còn phải hoài nghi. Vì vậy, ai nấy trong lòng tràn ngập niềm vui. Hai tháng nữa thôi, nếu tình hình thuận lợi, Duncan sẽ đưa Harry Grant đặt chân trở lại bờ biển Scotland.

John Mangles rất muốn tham gia cuộc hành trình sắp đến. Chàng đã viện đủ mọi cố

để thuyết phục Glenarvan. Sau khi nghe chàng thuyền trưởng trẻ giải bày tâm sự của mình, Glenarvan nói:

- Chỉ có một điều là anh hoàn toàn tin cậy được người phó của mình chứ?

- Hoàn toàn tin được, John. Tom Austin là một thủy thủ giỏi. Anh ta sẽ đưa được Duncan đến Melbourne, biết lo liệu và sửa chữa và sau đó đưa tàu đến nơi hẹn đúng ngày.

- Thôi được, John tôi quyết định cho anh đi cùng chúng tôi, - Glenarvan mỉm cười nói tiếp. Để anh được có mặt trong lúc tìm thấy được cha của Mary, dấu sao vẫn hay hơn chứ phải không?

- Ô, thưa huân tước! Đó là tất cả những gì mà chàng thuyền trưởng trẻ có thể nói được. Chàng tái mặt đi, nắm chặt cánh tay của Glenarvan chìa ra cho anh bắt.

Ngày hôm sau, John Mangles cùng với một thợ mộc và mấy thủy thủ mang lương thực trở lại trang trại của Paddy O'Moore. John cần phải cùng người Irlande ấy lo tổ chức việc đi lại cho đoàn thám hiểm.

Cả gia đình người lưu vong đã chờ đợi John và sẵn sàng bắt tay vào việc theo sự hướng dẫn của anh ta. Ayrton cũng có mặt ở đây và không hề hà tiện những lời khuyên giúp.

Paddy và Ayrton đều đồng ý với nhau là phụ nữ cần phải đi xe bò kéo, còn đàn ông thì đi ngựa. Người Irlande đảm nhận cung cấp cho đoàn thám hiểm cả xe lẫn bò. Chiếc xe được đóng và trang bị khá đầy đủ tiện nghi cần thiết cho những người phụ nữ đi đường xa. Sàn xe trải thảm dày, có bàn trang điểm và hai đi-văng nhỏ cho huân tước phu nhân và Mary. Ban đêm, để chống lạnh đã có những bức rèm bằng da dày buông xuống. Cùng lắm thì cánh đàn ông cũng có thể vào xe trú mưa, nhưng bình thường thì họ vẫn phải ngủ đêm trong lều.

Đối với đàn ông thì mọi việc đơn giản hơn. Bảy con ngựa đã được chuẩn bị cho huân tước Glenarvan, Paganel, Robert Grant, Mac Nabbs, John Mangles, và hai thủy thủ Wilson và Mulrady. Ayrton ngồi vào vị trí của người xà ích, còn chàng Olbinet không thích cưỡi ngựa đã được thu xếp ngồi trong toa hành lý.

Hôm sau, lúc 11 giờ sáng, chiếc xe bò đã dẫn đến bờ sông Wimerra, gần kinh tuyến 143. Con sông rộng nửa dặm, dòng nước trong veo chảy giữa những hàng xiêm gai và cây keo cao ráo. Không có cầu, không có phà, thế mà lại phải vượt qua bờ bên kia. Ayrton bắt đầu lội đi tìm chỗ nước nông. Ngược dòng độ một phần tư dặm, thấy sông không sâu lắm, anh ta quyết định cho xe ngựa qua sông chỗ

ấy. Ayrton thử mấy chỗ khác nhau, thấy nước ở đây sâu chưa đầy một mét, nghĩa là xe bò kéo có thể đi qua được mà không mạo hiểm!

Những người cưỡi ngựa đã vây quanh chiếc xe bò kéo nặng; cả đội dứng cầm đi xuống nước. Thông thường khi xe bò lội qua sông, người ta gắn thêm vào chung quanh những chiếc thùng phuy rỗng để giữ cho xe nổi trên mặt nước. Nhưng ở đây không có phao an toàn, nên phải trông cậy vào linh cảm của những con bò và sự thận trọng của người xà ích. Ayrton ngồi trên ghế xà ích, điều khiển xe. Thiếu tá và cả hai thủy thủ rẽ dòng nước xiết tiến lên phía trước. Glenarvan và John Mangles đi hai bên, sẵn sàng hỗ trợ phái nữ, Paganel và Robert đi khóa đuôi.

Đến giữa sông Wilmerra, mọi việc diễn ra tốt đẹp. Nhưng tại đó đáy sông trũng xuống và nước ngập quá bánh xe. Mấy con bò bị nước cuốn mạnh, hẫng chân đi chệch đường, khiến chiếc xe nghiêng ngả. Ayrton dứng cầm lao xuống nước, nắm lấy sừng bò dắt chúng đi vào đúng đường. Vừa lúc ấy, cỗ xe bất ngờ vấp phải chướng ngại nào đó, phát ra tiếng kêu "rắc" khá mạnh, rồi nghiêng hẳn đi. Nước ngập đến hai chân người ngồi trong xe. Mặc dù Glenarvan và John cố hết sức bám vào thành xe níu lại, nhưng cỗ xe bị nước xô đi. tình thế hết sức nguy nan.

May sao, mấy con bò đã bức mạnh lên được phía trước, kéo cả cỗ xe theo. Đáy sông bắt đầu cao dần, và chẳng bao lâu, những con vật và các nhà thám hiểm ướt sũng nước đã sang được bờ bên kia an toàn.

Cỗ xe bị gãy bánh trước. Còn ngựa của Glenarvan thì bị long mất móng. Cần phải chữa ngay những chỗ hư hỏng ấy càng nhanh càng tốt. Các nhà thám hiểm còn đang phân vân nhìn nhau thì bỗng Ayrton đề nghị cho đi đến ga Black-Poit cách đó hai mươi dặm về phía bắc để kêu thợ rèn đến sửa.

- Tất nhiên phải như vậy rồi, ông đi đi, Ayrton thân mến! - Glenarvan nói. - Ông cần thời gian bao lâu cả đi lẫn về?

- Độ mười lăm tiếng đồng hồ, không hơn.

Thiếu tá có phần lo ngại về việc Ayrton đi đến ga Black-Poit tìm thợ rèn. Nhưng ông không hé răng nói nửa lời về sự nghi ngờ của mình đối với viên hoa tiêu, mà chỉ chăm chú quan sát những vùng ven sông.

Sáng sớm hôm sau Ayrton đã trở về, cùng đi có một người được gọi là thợ rèn ở Black-Point. Đây là một thanh niên cao lớn, vạm vỡ, nhưng nét mặt có cái gì trông thật kinh tởm và man rợ. Anh ta lăm lè quá dỗi, không nói thừa một lời nào.

Người thợ rèn bắt tay vào việc. Hai giờ

sau, chiếc xe được chữa xong. Ngựa của Glenarvan cũng được người thợ rèn đóng móng rất nhanh, bởi anh ta mang sẵn móng theo. Các móng ấy có một đặc điểm không qua được mắt thiếu tá: trên mặt móng có khắc hình ba chiếc lá, đường nét thô thiển, Mac Nabbs chỉ cho Ayrton thấy điều đó.

- Đây là dấu hiệu của Black-Point, - viên hoa tiêu giải thích, - cốt để tìm dấu vết những con ngựa trốn chuồng và không lẫn lộn chúng với những con khác.

Đóng móng con ngựa xong, người thợ rèn đòi tiền công và bỏ đi không nói một lời.

Nửa giờ sau, các nhà thám hiểm lại đi về phía trước. Đằng sau các bụi cây mắc cỡ mọc hai bên đường hiện ra cánh đồng mênh mông... Đến 11 giờ ngày hôm sau nữa họ đến Carlsbook, một thành phố khá lớn. Ayrton nói rằng chỉ nên đi bên ngoài thành phố thôi để khỏi mất thì giờ.

Glenarvan đồng ý, nhưng Paganel một người rất ham thăm thú bất kỳ danh lam thắng cảnh nào, lại rất muốn vào Carlsbook. Ông ta đã tạo được điều kiện ấy, còn cỗ xe bò vẫn tiếp tục cuộc hành trình, nhưng đi chậm lại.

Paganel, như mọi khi cho Robert đi cùng. Họ vào Carlsbook không lâu, nhưng thời gian ấy đủ cho nhà bác học hình dung được chính

xác về thành phố Australie. Ở Carlsbook có nhà băng, tòa án, chợ, trường học, nhà thờ và hàng trăm ngôi nhà gạch giống nhau được bố trí thành hình chữ nhật cân với những đường phố chạy song song, y hệt theo kiểu Anh. Không còn gì có thể đơn giản hơn thế. Tùy theo mức độ phát triển của thành phố, các đường phố của nó cứ việc kéo dài ra. Sự đối xứng ban đầu không bị phá vỡ.

Paganel và Robert ngắm phố xá một tiếng đồng hồ, rồi trở ra thúc ngựa đuổi kịp những người trong đoàn.

Suốt mấy ngày đường, đoàn thám hiểm không hề gặp một bộ lạc thổ dân nào. Glenarvan chợt nghĩ rằng ở Australie có lẽ sẽ không thấy người Australie, cũng như ở các thảo nguyên Argentine không hề gặp những người da đỏ. Nhưng Paganel đã giải thích cho ông rằng các bộ lạc cư trú chủ yếu ở châu thổ sông Murray, cách đây chừng một dặm về phía đông.

Bỗng có tiếng còi tàu hỏa rú vang. Các nhà thám hiểm đang ở cách đường xe lửa độ chừng một dặm. Chiếc tàu chạy chậm từ phía nam tới, dừng lại đúng ngay chỗ xe bò vừa qua đường sắt.

Một tai nạn khủng khiếp vừa xảy ra ở đây. Tàu hỏa không đâm vào nhau, mà bị trật

đường ray và đổ nhào. Quãng sông nơi đường sắt chạy qua, ngổn ngang những toa xe và đầu tàu đổ xuống. Không biết do tàu chịu không nổi trọng tải xe lửa hay vì xe lửa bị trật bánh, nhưng trong sáu toa thì có năm toa đã bị lao xuống sông Lutton cùng với đầu máy. Chỉ còn toa cuối cùng may mà xích móc bị đứt nên vẫn còn nguyên vẹn trên đường ray, cách bờ vực thẳm không đầy một mét.

Glenarvan, Paganel, thiếu tá, John Mangles chen lẫn vào đám đông, lắng nghe xem chung quanh người ta nói gì. Ai nấy cố gắng tìm lời giải thích về tai nạn ấy. Trong khi đó việc cấp cứu đã được bắt đầu.

- Có thể là cầu bị sập! - Một người nói.

- Sập làm sao được, - những người khác bác lại, - nó vẫn còn nguyên kia thôi! Chắc là trước khi tàu hỏa đi qua, người ta quên không đóng nhịp cầu quay lại. Chỉ có vậy thôi!

Đúng thế, đó là một chiếc cầu quay dùng cho tàu bè qua lại trên sông. Không lẽ người gác đường tắc trách đã quên đóng cầu để cho chiếc tàu đang chạy bị lao xuống sông? Tai nạn đã xảy ra về ban đêm với chiếc tàu tốc hành số 37 khởi hành từ Melbourne lúc 11 giờ 45 phút tối. Tàu đã bị đổ ở cầu Camden lúc 3 giờ 15 phút sáng. Khi ấy nó vừa rời ga Castlemaine được 25 phút. Hành khách và

những người phục vụ trên toa xe cuối cùng còn nguyên vẹn đã định yêu cầu cứu cấp, nhưng cột điện đã bị đổ cả, nên điện báo không làm việc. Vì thế, các nhà công chức Castlmaine mãi ba giờ sau mới có mặt nơi xảy ra tai nạn.

Huân tước Glenarvan, sau khi tự giới thiệu với viên thanh tra trưởng, đã nói chuyện với ông ta và viên sĩ quan cảnh sát. Glenarvan xúc động nói: "Thật là một việc hết sức rủi ro!" Viên sĩ quan cảnh sát bình tĩnh nhận xét:

- Còn quá sự rủi ro nữa, thưa huân tước.

- Còn quá nữa! - Glenarvan thốt lên, hết sức kinh ngạc trước câu nói ấy. - Vậy thì sao?

- Sự phạm tội, - viên sĩ quan cảnh sát bình tĩnh đáp.

Glenarvan nhìn Mitchell với vẻ dò hỏi.

- Vâng, thưa huân tước, - viên thanh tra trưởng lên tiếng. - Qua việc thị sát nơi xảy ra tai nạn, chúng tôi đã khẳng định rằng nguyên nhân của thảm họa này là một tội đại hình... Toa hàng cuối cùng đã bị cướp. Những hành khách còn sống sót đã bị một toán tội phạm năm, sáu tên tấn công. Nhịp cầu quay rõ ràng là đã đổ ngã, nhưng không phải vì tắc trách mà là vì cố tình.

- Đúng thế... - viên thanh tra cảnh sát

nói. - Tôi cho rằng ở đây có bàn tay của “những hành khách không vé trên tàu thủy” đó, thưa ngài. Tôi hy vọng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tặng chúng món quà đầu xuân này! - Vừa nói viên sĩ quan vừa chỉ vào những chiếc còng tay...

- Sao, bọn tù khổ sai à? - Paganel kinh ngạc, vì ông hiểu những từ lóng ấy ở các vùng dân di cư của Australie nghĩa là gì.

Vừa lúc đó, cỗ xe bò kéo đã đến ngã tư đường sắt. Phía trên cầu chừng vài trăm mét và tiếp tục cuộc hành trình về phía đông. Glenarvan từ biệt hai viên thanh tra và lên đường cùng với họ.

11. BÁO AUSTRALIAN VÀ NEW ZEALAND

Tối ngày ba tháng giêng, đoàn thám hiểm ra khỏi rừng và họ thấy trước mặt lộ nhỏ những ngôi nhà.

- Seymour, - Paganel thốt lên. - Đó là phố thị cuối cùng của tỉnh Victoria mà chúng ta đi ngang qua.

- Vậy thì ta đi vào Seymour, tôi nghĩ rằng hai phụ nữ của chúng ta sẽ vui lòng nghỉ đêm ở đó.

- Em và Mary đồng ý, anh Edward thân yêu ạ! - Helena nói. - Nhưng với điều kiện không gây phiền toái và chậm trễ.

- Không đâu, Glenarvan nói. Vả lại những con bò của chúng ta cũng cần phải được nghỉ ngơi. Sáng sớm mai chúng ta lại lên đường.

Chín giờ tối. Trăng đã ngả về chân trời. Một tốp năm nhà thám hiểm do Paganel dẫn đầu đi vào các đường phố lớn của Seymour. Nhà địa lý dường như bao giờ cũng biết rất rõ những điều mà ông ta chưa hề thấy. Chẳng hạn, theo linh tính, ông đã dẫn những người cùng đi đến khách sạn North British.

Ngựa và bò được đưa vào chuồng, cỗ xe kéo thì đưa vào nhà kho. Còn các nhà thám hiểm thì ở trong các căn phòng khá đủ tiện nghi. Mười giờ, họ ăn cơm tối...

Thiếu tá, tuy không ra phố, thậm chí không bước ra khỏi cửa khách sạn, nhưng cũng cảm thấy rằng người dân ở đây đang lo sợ điều gì đó. Sau khi nói chuyện mười phút với ông Dickson, chủ khách sạn, thiếu tá đã biết được chuyện gì đã xảy ra, nhưng ông không nói với ai.

Mãi đến khi ăn cơm tối xong, huân tước phu nhân Helena. Mary và Robert về phòng nghỉ rồi, thiếu tá mới giữ những người khác lại và nói với họ:

- Người ta đã biết thủ phạm gây ra tai nạn trên đường sắt Sandhurst.

- Bọn chúng bị bắt rồi chứ? - Ayrton hỏi.

- Chưa, Mac Nabbs đáp, dường như không để ý đến sự sốt sắng của viên hoa tiêu.

- Vậy thì dở quá! - Ayrton nhận xét.

- Thế người ta có nêu tên bọn chúng không? - Glenarvan hỏi.

- Đây xin mời đọc, - thiếu tá nói và đưa cho Glenarvan tờ báo "Australian và New Zealand", - và chú sẽ thấy viên thanh tra trưởng quả không nhầm.

Glenarvan đọc to:

"Seymour, mồng 2 tháng giêng năm 1865. Bạn đọc chúng ta còn nhớ, đêm 29 rạng ngày 30 tháng mười hai, tai nạn xe lửa đã xảy ra ở cầu Camden, cách ga Castlmaine năm dặm, trên đường xe lửa Melbourne - Sandhurst. Chuyến tàu tốc hành khởi từ Melbourne lúc 11 giờ 45 phút tối, đang chạy hết tốc lực thì bị lao xuống sông Lutton. Khi tàu chạy qua thì nhịp cầu quay Camden để ngỏ. Rất nhiều cướp xảy ra sau tai nạn này. Đồng thời xác của nhân viên gác đường sắt được tìm thấy cách cầu Camden nửa dặm đã chứng tỏ rằng tai nạn xảy ra là hậu quả của một âm mưu tội ác. Thực vậy, việc điều tra cho thấy vụ này là do bàn tay của một bọn tù khổ sai đã trốn khỏi trại cải huấn Perth ở miền tây Australie nửa năm trước đây, khi bọn chúng sắp bị đưa ra đảo Norfolk. Bọn cướp có hai mươi chín tên. Tên trùm cướp không phải là ai khác mà chính là Ben Joys, một tên tội phạm nguy hiểm nhất. Mấy tháng trước đây, hắn đã đến Australie trên một chiếc tàu thủy, từ đó đến nay hắn vẫn qua mặt cảnh sát.

Chúng tôi yêu cầu cư dân các thành thị, những người di cư hãy cảnh giác đề phòng, cũng như kịp thời báo cho thanh tra trưởng biết những tin tức tài liệu có thể giúp cho việc truy lùng bọn tội phạm.

Thanh tra trưởng D.P.Mitchell".

Khi Glenarvan đọc xong bản thông báo ấy, Mac Nabbs quay sang nói với nhà địa lý:

- Ông thấy không, Paganel, ở Australie vẫn có thể có những tù khổ sai.

- Bọn vượt ngục, điều ấy khỏi nói làm gì, chúng sống ngoài vòng pháp luật, không có quyền cư trú ở đây.

Vậy nhưng chúng vẫn tồn tại, - Glenarvan nhận xét. - Tôi cho rằng sự có mặt của bọn chúng không làm thay đổi kế hoạch của chúng ta và làm gián đoạn cuộc thám hiểm. Anh nghĩ thế nào về việc này, John?

- Nếu như không có huân tước phu nhân và cô Mary thì tôi không lo ngại gì về cái bọn bất nhân ấy. - Anh ta nói.

Glenarvan hiểu anh ta và nói thêm:

- Rõ ràng là không thể nói chuyện khước từ trách nhiệm mà chúng ta đã đảm nhận, nhưng xét vì trong đoàn có phụ nữ, nên tốt nhất là bây giờ chúng ta trở lại Melbourne, từ đó đáp tàu Duncan đi về vùng duyên hải phía đông và tìm kiếm Harry Grant ở đó. Ý kiến của bác thế nào, Mac Nabbs?

- Trước khi phát biểu, - thiếu tá nói, - tôi muốn biết ý kiến của Ayrton đã.

Viên hoa tiêu đưa mắt nhìn Glenarvan, rồi đáp:

- Chúng ta đang ở cách Melbourne hai

trăm dặm, nên tôi thấy rằng, nếu thực sự có nguy hiểm thì không phải đường phía nam ít bị đe dọa nguy hiểm hơn đường phía đông đâu. Cả hai đường đều khá vắng vẻ, đều tẻ như nhau cả. Vả lại, tôi không nghĩ rằng ba chục tên hung thủ lại có thể đáng sợ đối với tám con người dũng cảm và có súng ống đầy đủ. Nói tóm lại, theo tôi, nếu không có đề nghị nào hay hơn thì cứ tiếp tục tiến bước.

- Ông Ayrton nói đúng, Paganel đồng ý. Tiếp tục cuộc hành trình của mình thì ta mới có thể dò ra được dấu tích của thuyền trưởng Grant, còn quay về phía nam thì ngược lại, sẽ càng ngày càng mất đi khả năng ấy. Tôi cũng nghĩ như ông Ayrton rằng một người dũng cảm thì không sợ những tên tù vượt ngục.

- Còn một ý kiến nữa, thưa huân tước, viên hoa tiêu nói khi mọi người sắp giải tán...

- Cứ nói đi, ông Ayrton.

- Có lẽ đã đến lúc phát lệnh cho Duncan bám dọc theo bờ biển chẳng?

- Để làm gì? John Mangles can thiệp vào. Khi nào chúng ta đi đến Twofold - Bay, lúc đó mới cần ra lệnh, nếu không, lỡ vì lý do nào đó buộc chúng ta phải đi Melbourne thì ta lại hối tiếc vì Duncan đâu còn ở đó nữa. Vả lại, có lẽ tàu vẫn chưa sửa xong. Tôi cho rằng tốt nhất là hãy cứ đợi đã.

- Thôi đành vậy, Ayrton đồng ý rút lui ý kiến của mình.

Ngày hôm sau, đoàn thám hiểm rời Seymour, súng ống được chôn chĩnh lại để đối phó với những điều bất trắc xảy ra.

✻

Thật là một đêm khủng khiếp trôi qua. Hai giờ, trời đổ mưa như trút đến tận sáng. Chiếc xe kéo bị sa lầy, nên đoàn thám hiểm phải nghỉ lại giữa rừng. Chiếc lều không đủ sức che mưa, Glenarvan và những người cùng đi phải vào trú trong xe.

Cuối cùng, trời sáng, mưa tạnh. Glenarvan quyết định trước hết phải kiểm tra lại cỗ xe. Hai bánh trước cửa xe gần như bị ngập lút dưới bùn, còn hai bánh sau thì bị lún tới trục. Kéo cả cỗ xe lên khỏi hố lầy là một sự việc không dễ dàng, dù cho có dùng cả sức người, sức bò và ngựa!

Glenarvan, hai người thủy thủ, John Mangles, và Ayrton vào rừng tìm đàn bò và ngựa mà họ buộc tối hôm qua. Mọi người bỏ đi tìm khắp rừng, nhưng chỉ uống công.

Cuộc tìm kiếm kéo dài cả giờ. Glenarvan đã định trở lại chỗ xe đậu cách đó chừng hơn một dặm, bỗng ông nghe tiếng ngựa hí và sau đó gần như cùng một lúc là tiếng bò rống.

Glenarvan, Mulradi và Ayrton lao ngay

lại chỗ chúng và lạng điếng người đi, những con bò và ngựa nằm lăn ra chết, xác đã cứng đờ. Bầy quạ đói nháo nhác quanh các bụi cây mắc cỡ đợi dịp nhào xuống rĩa mồi.

Glenarvan và những người cùng đi đưa mắt nhìn nhau. Wilson buông lời náo ruột:

- Biết làm sao bây giờ!

- Ayrton, ông dẫn con bò và con ngựa còn sống đi. - Glenarvan cố dần lòng nói. - Bây giờ hai con này đây sẽ cứu giúp chúng ta đó.

Ayrton tháo dây buộc bò, còn Mulradi thì tháo dây buộc ngựa, rồi tất cả cùng đi cặp theo bờ sông về trại. Nửa giờ sau, Paganel, Mac Nabbs, huân tước phu nhân và cô Mary đã được biết đầy đủ chuyện gì xảy ra.

- Tiếc quá đấy, ông Ayrton ạ, hôm đi qua sông Wimerra ta đã không đóng móng cho tất cả mấy con ngựa. - Không tìm được nữa, thiếu tá nói với viên hoa tiêu.

- Vì sao vậy, thưa ông?

- Vì rằng, trong tất cả mấy con ngựa của ta chỉ mỗi một con đã được người thợ rèn của ông đóng móng là còn sống sót mà thôi.

- Hoàn toàn đúng! - John Mangles khẳng định. - Thật là một sự ngẫu nhiên lạ lùng!

- Đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi, - viên hoa tiêu đáp, nhìn thiếu tá trừng trừng.

- Mac Nabbs cắn chặt môi, tựa như muốn

kìm lại những điều sắp bật ra khỏi miệng. Glenarvan, John Mangles, Helena có vẻ như chờ đợi thiếu tá nói hết ý của mình ra, nhưng ông đã lặng lẽ đi đến chỗ chiếc xe mà Ayrton vừa xem xét xong.

- Thiếu tá muốn nói gì vậy? - Glenarvan hỏi John Mangles.

- Tôi không biết, thưa huân tước, nhưng thiếu tá không phải là người nói thừa.

- Tất nhiên rồi, John, - Helena nói. - Mac Nabbs có vẻ nghi ngờ Ayrton điều gì đó.

- Nghi ngờ à? - Paganel nhún vai hỏi lại.

- Nhưng nghi ngờ cái gì chứ? - Glenarvan ngạc nhiên. - Không lẽ thiếu tá cho Ayrton là người giết ngựa và bò của chúng ta chăng? Để nhằm mục đích gì?

- Hay thiếu tá cho anh ta là kẻ đồng lõa với bọn tù khổ sai nọ, - Paganel nói...

Trong lúc ấy, Ayrton kéo xe ra khỏi vùng lầy. Một mình Ayrton vẫn cố tìm mọi cách để khắc phục trở ngại. Anh ta định đưa ra một kế hoạch mới, nhưng Glenarvan đã ngăn lại:

- Thôi, Ayrton, thôi! Chúng ta phải bảo vệ con ngựa và con bò còn lại này. Nếu cần phải đi bộ để tiếp tục cuộc hành trình thì một trong hai con ấy để cho Helena và Mary cưỡi, còn con kia chở lương thực. Cả hai con vật vẫn còn giúp ích cho chúng ta.

Các nhà thám hiểm sau một đêm vất vả đã ăn được bữa sáng khá thơm tất để lấy lại sức rồi bắt đầu bàn việc.

Tất cả mọi người đều nói lên ý kiến của mình và nhất trí tiếp tục cuộc hành trình về vịnh Twofold - Bay càng sớm càng tốt. Helena và Mary sẵn sàng đi bộ năm dặm mỗi ngày.

- Còn Duncan thì sao? - Ayrton hỏi. - Huân tước không thấy bây giờ ra lệnh cho tàu đến Twofold - Bay là đúng lúc rồi sao?

- Ý kiến anh sao, John? - Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước, tôi thấy không nên vội vã chuyện này. - John trả lời sau khi đã suy nghĩ kỹ. - Huân tước có thể ra lệnh cho Tom Austin đến vùng duyên hải lúc nào cũng kịp.

- Hoàn toàn đúng thế. - Paganel nói tiếp.

- Huân tước cứ suy nghĩ đi, - John Mangles nói tiếp, - vì chỉ bốn, năm ngày nữa là chúng ta sẽ có mặt ở Eden rồi.

- Bốn, năm ngày! - Ayrton nhắc lại. - Không đâu, thuyền trưởng ạ. Ông hãy thêm vào đó độ mười lăm ngày nữa, vì chỉ là hai mươi ngày, kéo rồi các ông lại phải ân hận.

- Mười lăm hoặc hai mươi ngày mới đi được bảy mươi dặm? - Glenarvan ngạc nhiên.

- Không ít hơn đâu, thưa huân tước. Bởi vì phía trước là vùng cồn cỗi nhất của tỉnh Victoria, nhiều nơi hoang vắng không có lấy

một trang trại nào, chỉ thấy toàn những bụi cây dại mọc, không có đường sá. Phải vừa đi vừa cầm rìu hay dao mà phát, vì vậy các ông hãy tin không thể đi nhanh hơn được đâu.

- Cần nói thêm là, - Ayrton tiếp lời, - đường khó đi vẫn chưa phải là điều chủ yếu. Mà còn phải vượt qua sông Snowy nữa. Lại phải đợi nước rút mới đi được.

- Vậy là con sông Snowy này rộng lắm phải không? - Huân tước Helena hỏi.

- Rộng và sâu nữa, thưa phu nhân, - Ayrton đáp. - Nó rộng đến một dặm, nước lại chảy xiết. Đến tay bơi giỏi cũng không thể liềm lnh bơi qua được đâu.

- Ayrton, ý kiến của ông thế nào? - Glenarvan quay sang hỏi viên hoa tiêu.

- Thưa huân tước, tôi sợ rằng nếu không có chi viện kịp thời thì có khi ta còn phải chờ đợi ở sông Snowy này cả tháng nữa đó.

- Thế anh có cách gì khác tốt hơn không? - John Mangles hỏi, giọng hơi bức bối.

- Có, nếu như Duncan rời Melbourne đi về vùng duyên hải phía đông.

- Ôi chao, lại Duncan! Vậy ông hãy cho biết vì sao nếu Duncan đến Twofold? - Bay thì chúng ta đi đến đó sẽ đỡ vất vả hơn?

- Tôi cho rằng trong tình cảnh nguy khốn của ta thì không nên mạo hiểm rời khỏi sông

Snowy. - Ayrton nói bằng một giọng bình tĩnh, tự tin. - Chúng ta cần phải ở lại đây chờ chi viện. Mà chỉ có Duncan mới chi viện được thôi. Chúng ta dừng lại ở đây và cử một người mang lệnh cho Tom Austin đưa tàu đến Twofold - Bay.

- Trong thời gian đó, - viên hoa tiêu tiếp, - nếu nước sông rút thì chúng ta sẽ lội qua hoặc là sẽ làm thuyền bơi qua. Đó là kế hoạch mà tôi đề nghị, thưa huân tước.

- Tốt lắm Ayrton ạ, - Glenarvan đáp, - ý kiến của ông đáng được bàn một cách nghiêm túc... Nhược điểm chủ yếu của ý kiến này là nếu làm như vậy thì chúng ta sẽ mất nhiều thời gian. Nhưng lại bớt phải tiêu hao sức lực, mà cũng có thể tránh được những nguy hiểm trước mắt... Các bạn, ai có ý kiến gì không?

- Thế ý kiến của bác thế nào, Mac Nabbs thân mến? - Helena hỏi thiếu tá. - Từ đầu đến giờ bác chỉ nghe mà chưa nói lời nào?

- Tôi thấy rằng Ayrton đã nói như một người thông minh và thận trọng. Tôi ủng hộ đề nghị của ông ta. - Mac Nabbs trả lời.

Glenarvan tuyên bố rằng kế hoạch của Ayrton đại để được chấp nhận.

- Còn bây giờ, John, - Glenarvan nói với thuyền trưởng trẻ, anh cùng cho rằng ở lại bờ sông đây để đợi phương tiện đi là hợp lý chứ?

- Vâng, - John Mangles đáp, - nhưng chỉ với điều kiện là người liên lạc của chúng ta sang được bên kia sông Snowy mà chúng ta không thể qua được.

Mọi người nhìn viên hoa tiêu, anh ta cười với vẻ tự tin:

- Người liên lạc không cần phải qua sông.

- Không cần? - John Mangles ngạc nhiên.

- Anh ta chỉ quay lại đường Luknow rồi đi thẳng Melbourne.

- Đi bộ những hai trăm năm mươi dặm! - John thốt lên.

- Không, đi ngựa, - Ayrton phản ứng lại, - vì chúng ta còn một con ngựa khỏe có thể cưỡi đi được bốn ngày là tới nơi. Cộng thêm hai ngày Duncan đi Twofold - Bay, một ngày ghé vào chỗ chúng ta. Như vậy là sau một tuần người liên lạc cùng với đội thủy thủ sẽ có mặt ở đây.

- Còn bây giờ, các bạn của tôi, - Glenarvan nói, - chúng ta sẽ chọn người liên lạc. Ai sẽ là người thể hiện lòng trung thành với đồng đội đi chuyển giao thư cho Austin?

Ngay tức khắc Wilson, Mulradi, John Mangles, Paganel và cả Robert nữa đều tình nguyện. John Mangles một mực đòi đi. Nhưng Ayrton im lặng này giờ mới lên tiếng.

- Nếu được ngài huân tước cho phép, tôi xin đi. Tôi rành vùng này. Đã nhiều lần tôi

phải phiêu bạt ở những vùng còn hoang vắng và nguy hiểm hơn nữa kia. Tôi có thể thoát nạn ở những nơi mà người khác phải bỏ mạng. Bởi thế, vì lợi ích chung, tôi xin ngài cử chính tôi đi Melbourne.

- Thôi được, để ông đi, Ayrton, - Glenarvan xác định. - Ông hãy khẩn trương đi và trở lại trại của chúng tôi trên bờ Snowy này.

Mắt viên hoa tiêu ánh lên vẻ đắc thắng. Anh ta quay phắt đi, nhưng John đã kịp nhìn thấy ánh mắt ấy. Viên thuyền trưởng trẻ tự nhiên cảm thấy nghi ngờ viên hoa tiêu hơn.

Ayrton lo chuẩn bị đi. Hai thủy thủ giúp anh ta, một người lo thắng ngựa, người kia chuẩn bị lương thực. Còn Glenarvan ngồi viết thư cho Tom Austin. Trong thư ông ra lệnh cho phó thuyền trưởng Austin đưa tàu đến ngay Twofold - Bay. Ông nói về Ayrton như là một người có thể hoàn toàn tin cậy được. sau khi tàu đến vùng duyên hải phía đông thì Tom Austin được phép giao đội thủy thủ của tàu cho Ayrton chỉ huy. Đúng lúc Glenarvan ký vào lệnh ấy thì Mac Nabbs, nãy giờ vẫn theo dõi ông, và hỏi ông bằng giọng hơi đặc biệt, xem ông viết tên Ayrton như thế nào?

- Viết theo đúng tên gọi - Glenarvan đáp.

- Chú tâm rồi, - thiếu tá nói giọng bình tĩnh, - cái tên ấy kêu là Ayrton, nhưng lại viết là Ben Joyce kia!

12. ALAND ZEALAND

Ben Joyce! Cái tên gây ấn tượng như một tiếng sét đánh. Ayrton đứng phắt dậy. Khẩu súng lục loáng lên trong tay hắn. Một phát nổ. Glenarvan bị trúng đạn ngã xuống. Bên ngoài vang lên tiếng súng bắn nhau. Tên tội phạm lão xược đã biến mất.

- Nấp vào xe! Nấp vào xe! John Mangles vừa hét vừa dắt theo Helena và Mary.

Lát sau, hai người phụ nữ đã an toàn núp sau thành xe làm bằng ván dày, John Mangles, thiếu tá, Paganel và hai thủy thủ chộp lấy súng của mình, chuẩn bị bắn trả bọn tội phạm. Glenarvan và Robert nhập vào chỗ Helena và Mary, còn Olbinett thì vội vã tham gia chiến đấu. Tất cả những sự việc ấy diễn ra nhanh như chớp. John Mangles chăm chú quan sát trước cửa rừng. Ben Joyce vừa đến chỗ bọn cướp, tiếng súng cũng im bật. Không còn dấu hiệu nào của sự tấn công nữa. Thiếu tá và John Mangles truy lùng đến tận rừng. Không thấy tên nào nữa.

- Bọn tội phạm lần trốn hết rồi! - John Mangles nói.

- Đúng, - thiếu tá xác nhận, - chính điều

ấy mới làm tôi lo ngại. Tôi muốn mặt giáp mặt với chúng.

Thiếu tá và John Mangles xem xét cẩn thận địa hình từ cửa rừng đến sông Snowy, không phát hiện ra tên tội phạm nào. Bọn Ben Joyce đã bay biến như bầy ác quỷ vậy. Sự lạ lùng quá mức ấy khiến các nhà thám hiểm cảm thấy không an toàn. Bởi vậy, họ quyết định phải cảnh giác hơn. Cỗ xe kéo - cái pháo đài thực sự bị sa lầy trong vũng bùn đất sét ấy bây giờ được lấy làm trung tâm của trại.

Mối quan tâm đầu tiên của Helena và Mary là băng bó vết thương cho Glenarvan. Lúc ông ngã xuống bởi viên đạn của Ben Joyce, Helena đã hoảng hốt lao tới chỗ chồng. Khi cởi áo kiểm tra lại vai Glenarvan, thiếu tá xem xét kỹ vết thương, thấy viên đạn không đụng vào xương hay gân. Vết thương ra nhiều máu, nhưng Glenarvan vẫn có thể cử động các ngón tay và cánh tay một cách bình thường. Đã đến lúc cần phải làm sáng tỏ tất cả những điều xảy ra. Trừ Mulradi và Wilson đứng gác bên ngoài, những người còn lại đều vào bên trong xe và yêu cầu thiếu tá giải thích rõ những điều ấy.

Ngay từ hôm đầu, Mac Nabbs đã cảm thấy không thể hoàn toàn tin tưởng Ayrton được. Hai, ba sự việc nhỏ, cái nhìn trao đổi

giữa tên hoa tiêu và tay thợ rèn bên bờ sông Wimmera, hấn muốn tránh những thành phố và làng mạc, hấn cứ khẳng khẳng đòi đưa Duncan đến vùng duyên hải phía đông. Cái chết đột ngột của mấy con bò và ngựa. Và cuối cùng là cái gì đó không thành thật trong cách cư xử của tên hoa tiêu - tất cả những điều ấy đã gây cho thiếu tá sự nghi ngờ. Tuy nhiên, cho đến trước khi xảy ra những sự việc trong đêm vừa qua thì Mac Nabbs vẫn không khẳng định được vì sao ông nghi ngờ Ayrton.

Đêm qua ông đã rời trại, len lỏi giữa những bụi cây cao, đi nửa dặm đến chỗ có những bóng người mà từ xa ông phát hiện thấy khả nghi. Dưới ánh sáng lân tinh lơ mờ hắt ra từ những cây nấm, ông thấy có ba người đang dò xét những dấu vết trên mặt đất. Trong số đó, Mac Nabbs nhận ra ngay tên thợ rèn ở Black-Point. Đúng bọn nó rồi, - một tên nói. Ủ! - Tên khác lên tiếng, - có dấu ba lá trên móng ngựa đây này - Dấu móng ngựa đi từ bờ sông Wimmera tới. - Mấy con ngựa chết rồi. Thuốc độc sẵn ngay đây mà lại. - Đủ giết cả trung đoàn kỵ mã cũng được ấy chứ. - Ủ, giống cây thuốc độc ấy thế mà hay!

- Đến đây chúng bỗng im lặng, - Mac Nabbs nói tiếp, - rồi chúng lại đi. Tôi mới chỉ nghe được lôm bôm mấy câu, nên cố bám theo chúng. Lát sau, chúng lại tiếp tục câu chuyện.

“Ben Joyce cứ thật đấy! - Tên thợ rèn lên tiếng, - đúng là một viên hoa tiêu giỏi! Cái vụ lão định cướp tàu mới ghê chứ! Nếu kế hoạch của lão ta mà thành công thì tội mình giàu to! Lão Ayrton này là quý chứ đâu phải là người”. “Không, hãy gọi lão là Ben Joyce; lão xứng đáng với cái tên đó”. Sau đó, bọn chúng ra khỏi rừng. Đến đây thì tôi đã biết rõ đầu đuôi câu chuyện rồi, nên quay về. Thiếu tá ngừng lại.

Những người bạn của ông ngồi im ngẫm nghĩ.

- Vậy nghĩa là tên bất nhân hoàn toàn không phải là thủy thủ của tàu Britania. Nghĩa là hắn đã ăn cắp cái tên và bản hợp đồng của một gã Ayrton nào đó.

Mọi người nhìn Mac Nabbs, vì hắn trong đầu ông ta chắc cũng đã từng nghĩ ra ý nghĩ như vậy rồi.

- Có thể nói một cách chính xác về tất cả những chuyện đó như thế này, - thiếu tá đáp bằng một giọng bình tĩnh vốn có của mình. - Tôi thấy rằng con người ấy vẫn chính là Ayrton, Ben Joyce là tên lót của hắn ta. Không nghi ngờ gì nữa, hắn biết Harry Grant và từng là hoa tiêu trên tàu Britania. Việc này, việc khác đều khẳng định những chi tiết mà hắn đã nhắc lại và câu chuyện của bọn tội

phạm mà tôi vừa kể đã xác minh điều đó. Ta không nên sa vào những giả định vô ích, mà nên thừa nhận rằng Ayrton và Ben Joyce là một, tức là tên thủy thủ trên tàu Britania trước đây, nay đã trở thành tên cầm đầu bọn tội phạm vượt ngục.

Những điều Mac Nabbs nói không ai phản ứng lại.

- Vậy bây giờ, - Glenarvan nói, - bác giải thích cho tôi được chứ. Mac Nabbs, bằng cách nào và tại sao, tên hoa tiêu của thuyền trưởng Harry Grant lại đến được Australie?

- Bằng cách nào ư? Tôi không biết, - thiếu tá đáp. - Cả cảnh sát cũng đã tuyên bố họ không biết gì hơn tôi về điều ấy. Tại sao ư? Tôi cũng không biết nữa. Đây là điều bí mật mà chỉ có tương lai mới khám phá ra được.

- Đến cảnh sát cũng không ngờ rằng Ayrton và Ben Joyce là một tên, - John Mangles nhận xét.

- Anh nói đúng, John, - thiếu tá đáp. - Do đó, những tin tức này cũng có thể giúp ích cho việc truy lùng của cảnh sát.

- Rõ ràng là tên bất nhân đã lọt vào trong trại của Paddy O'Moore với một mục đích tội lỗi. - Helena nói.

- Dĩ nhiên, - Mac Nabbs tán thành. - Có lẽ hẳn định làm một điều ngu ngốc gì đó ở

trại của người Irlande. Một sự ngẫu nhiên đã dẫn hắn đến với chúng ta. Hắn đã nghe được những điều Glenarvan nói, nghe lai lịch vụ đắm tàu, và vốn là một tên táo tợn, hắn đã quyết định lợi dụng việc này để mưu tính lợi ích cá nhân. Rồi ta lập đoàn thám hiểm. Lúc ở bờ sông Wimmera, hắn đã móc nối với người của hắn là tên thợ rèn và làm dấu để theo chúng ta... tên Ben Joyce đã dùng lá cây độc để giết hại số bò và ngựa của chúng ta. Cuối cùng, thời cơ đã đến, hắn dẫn chúng ta vào bãi sinh lầy ven sông Snowy và giao chúng ta vào tay bọn tù khổ sai vượt ngục do hắn cầm đầu.

Việc phát hiện ra sự phản bội của Ayrton làm tiêu tan mọi hy vọng tìm thấy Harry Grant. Để dụ Glenarvan đi sâu vào đất liền, tên tội phạm đã bịa ra vụ đắm tàu ở vùng duyên hải Australie. Điều ấy đã được nhắc đến trong câu chuyện của bọn cướp mà Mac Nabbs nghe được. Không bao giờ Britania lại bị va vào đá ngầm ở vịnh Twofold - Bay cả! Không bao giờ Harry Grant lại đặt chân lên lục địa Australie. Thế là lần thứ hai việc giải thích sai nội dung bức thư đã dẫn những người thám hiểm đi lệch đường.

Thông cảm với nỗi đau khổ của những đứa con của thuyền trưởng Grant, mọi người trong đoàn im lặng. Mà biết nói gì để an ủi

chúng kia chứ. Robert khóc, ôm chặt lấy chị. Paganet lâu lâu nói với vẻ bức tức:

- Chà, bức thư bất hạnh này! Đã nhiều người điên đầu vì mày đây!

Và tự giận mình, nhà địa lý đáng kính dấm dấm vào trán, tưởng muốn bể đầu ra.

Trong khi đó, Glenarvan đi lại chỗ Mulradi và Wilson đang đứng gác.

- Mới đây nhất, các bạn không thấy động tĩnh gì chứ? - Glenarvan hỏi họ.

- Không, thưa huân tước, Wilson đáp. Bọn cướp chắc đã chạy cách đây vài dặm rồi.

- Có lẽ chúng ít quá, nên không dám tấn công chúng ta, - Mulrady nói thêm. Có lẽ tên Ben Joyce đã đi chiêu mộ thêm bọn tù khổ sai khác đang hoành hành ở chân núi Alpes.

- Có lẽ thế, Glenarvan tán thành. Bọn bất lương này nhất gan. Chúng biết ta có súng. Có thể là chúng đợi đêm xuống mới tấn công chúng ta. Khi trời tối thì phải tăng cường cảnh giác. Chà, nếu như chúng ta thoát khỏi vùng đầm lầy này và tiếp tục đi về vùng duyên hải thì đỡ biết bao! Nhưng nước sông lên và đã ngăn trở chúng ta. Giá có một cái máng nào đẩy chở chúng ta sang được bên kia bờ thì tôi sẵn sàng bỏ vàng ra mua bằng bất kỳ giá nào.

- Vậy sao huân tước không ra lệnh cho

chúng tôi đóng măng, Wilson nói. Cây ở đây thì bao nhiêu cũng có mà!

- Đúng thế, Wilson ạ. Glenarvan đáp. Nhưng sông Snowy không phải là một con sông bình thường, mà là một dòng lũ bất trị.

Lúc sáu John Mangles, thiếu tá và Paganel đến gặp Glenarvan. Họ vừa mới đi khảo sát sông Snowy về. Sau những cơn mưa cuối cùng, nước mưa đã lên sáu mươi phân nữa. Nước chảy xiết. John Mangles nói rằng không thể qua sông được.

- Nhưng không thể khoanh tay ngồi đây được nữa, - anh ta nói thêm. - Điều mà chúng ta định làm trước khi Ayrton phản bội thì bây giờ theo tôi vẫn cần thiết.

- Anh muốn nói gì, John! - Glenarvan hỏi.

- Tôi muốn nói rằng chúng ta cần phải có chi viện khẩn cấp, nếu không thể đi Twofold Bay thì đi Melbourne. Chúng ta còn một con ngựa. Huân tước giao nó cho tôi, tôi xin đi Melbourne.

- Nhưng đó là một ý đồ mạo hiểm John ạ, - Glenarvan nói. - Đây là chưa kể đến cuộc hành trình hai trăm dặm trên một vùng đất không quen biết. Nên hiểu rằng bọn tay chân của Ben Joyce có lẽ đã ngăn chặn mọi con đường rồi.

- Tôi biết, thưa huân tước, nhưng tôi cũng

còn biết rằng không thể kéo dài tình trạng này. Ayrton yêu cầu một tuần lễ để đưa đoàn thủy thủ tàu Duncan đến đây, tôi xin bảo đảm sẽ cùng Duncan trở lại dòng sông này sau sáu ngày thôi. Vậy ý huân tước thế nào, xin ra lệnh?

Trước khi Glenarvan trả lời, Paganel nói:

- Tôi xin có một nhận xét, đi Melbourne là nên, nhưng tôi không đồng ý để John Mangles đi. Anh ấy là thuyền trưởng Duncan nên không thể liều mình được, thay vào đó tôi xin đi.

- Thế chẳng lẽ chúng tôi không đi được sao? - Mulrady và Wilson đồng thanh nói.

Ai cũng dành đi Melbourne. Cuối cùng Glenarvan lên tiếng đề nghị rút thăm. Paganel viết tên tất cả những người đàn ông. Họ bốc thăm và Mulrady đã trúng. Chàng thủy thủ dũng cảm bật lên tiếng hoan hô.

- Thưa huân tước, tôi sẵn sàng lên đường.

Glenarvan bắt tay Mulrady. Anh chàng đi về phía xe. Còn thiếu tá và John Mangles ở lại gác.

Trong lúc đó, Glenarvan viết thư cho Tom Austin, nhưng ông không thể viết được vì cánh tay bị thương. Ông nhờ Paganel viết giúp. Nhà bác học đang mải tập trung suy nghĩ điều gì, nên hình như không để ý đến

chung quanh. Cần nói rằng việc lá thư bị giải thích sai nội dung đã làm ám ảnh ông. Ông tìm đủ mọi cách đặt ngược, đặt xuôi các từ trong thư, cố tìm ra ý mới. Công việc ấy cuốn hết tâm lực ông.

Tất nhiên ông đã không nghe thấy lời đề nghị của Glenarvan, nên huân tước phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- À tuyệt, tôi sẵn sàng! - Paganel nói.

Nói xong, ông liền lấy cuốn sổ ghi chép của mình ra, xé một tờ giấy, cầm bút chì lên sẵn sàng viết.

Glenarvan bắt đầu đọc chính tả như sau:

- Tôi ra lệnh Tom Austin cho tàu Duncan ra khơi và đi...

Paganel viết đến đây tình cờ ông thấy tờ báo "Australian và New Zealand" rơi xuống đất. Tờ báo được gấp lại, nên trong cả cái tên báo dài viết bằng tiếng Anh "Australian and New - Zealand Gazette" ông chỉ nhìn thấy năm chữ sau cùng của từ "New Zealand". Cây bút chì của Paganel bỗng nhiên dừng lại, nhà địa lý hình như đã quên bằng cả Glenarvan lẫn bức thư của ông ta và những gì ông ta vừa đọc cho viết.

- Paganel! - Glenarvan kêu lên.

- Ối! - Nhà địa lý giật mình.

- Ông làm sao vậy? - Thiếu tá hỏi.

- Không sao cả, không sao cả. - Paganel lúng túng, rồi ông ta lăm bắm một mình "Aland! Aland!".

Ông chồm dậy và chụp lấy tờ báo. Ông rũ tờ báo và cố kìm không nói thành lời.

Huân tước phu nhân, Mary, Robert, Glenarvan ngạc nhiên nhìn nhà địa lý, không hiểu lý do gì làm ông hồi hộp như thế.

Glenarvan lại đọc cho ông viết tiếp. Lá thư được viết với nội dung như sau:

"Tôi ra lệnh Tom Austin cho Duncan ra khơi ngay và đi theo vĩ tuyến 37 đến vùng duyên hải phía đông Australie".

- Australie? - Paganel hỏi lại. - Ôi, phải rồi, Australie!

Viết xong nhà địa lý đưa thư cho Glenarvan. Vết thương làm cho huân tước khó khăn lắm mới ký được vào thư. Sau đó, Paganel tay vẫn còn run vì xúc động, đề lên phòng bì: "Gửi Tom Austin, người thuyền phò của tàu Duncan, Melbourne".

Rồi ông ra khỏi xe, vừa làm điệu bộ vừa nhắc đi nhắc lại những lời khó hiểu:

- Aland! Aland! Aland!

13. BỐN NGÀY CỰC NHỌC

Thời gian còn lại trong ngày trôi qua chẳng có chuyện bất thường gì nữa. Mọi việc chuẩn bị cho chuyến đi của Mulrady đều đã xong xuôi. Chàng thủy thủ trung thực lấy làm sung sướng được tỏ rõ với Glenarvan lòng trung thành của mình.

Paganel đã điềm tĩnh trở lại. Có thể nói là ông đang miệt mài suy nghĩ điều gì đó, nhưng còn giấu chưa nói ra. Chắc là có nguyên cớ gì quan trọng đây. Thiếu tá thấy ông lăm lăm nói như tự đấu khẩu với bản thân mình.

- Không! Không! Người ta không tin nhiệm mình nữa! Mà để làm gì chứ! Quá muộn rồi!

Paganel nghĩ vậy, rồi lấy bản đồ ra bắt đầu chỉ dẫn đường đi Melbourne cho Mulrady. Chặng đường nguy hiểm nhất là mấy dặm đầu tiên gần trại thôi, vì bọn Ben Joyce còn lẩn trốn quanh đây. Chủ yếu là làm sao vượt qua được mấy dặm ấy, còn sau đó thì chúng không thể đuổi theo được, và thế là Mulrady có thể hoàn thành nhiệm vụ.

Sáu giờ chiều, mọi người đã ăn cơm xong.

Trận mưa rào ập xuống, lán trại chống chọi không nổi, vì vậy tất cả phải vào xe. Bây giờ, đó vừa là nơi trú ẩn, vừa là pháo đài. Kho vũ khí trong xe gồm có bảy khẩu carbine và bảy khẩu súng lục, có thể chống trả được một cuộc vây hãm kéo dài mà không sợ thiếu đạn và lương thực. Còn sau đó, bảy ngày nữa Duncan sẽ tới chi viện... Thậm chí nếu chưa qua được sông thì dẫu sao trước một lực lượng áp đảo như thế bọn cướp cũng phải tháo lui. Nhưng muốn vậy thì trước hết phải làm sao cho Mulrady hoàn thành được nhiệm vụ...

Tám giờ, trời tối hẳn. Đã đến giờ đi. Con ngựa yên cương sẵn sàng được dắt đến. Các móng của nó được cuốn giẻ để nện lên đường không phát ra tiếng kêu... Thiếu tá khuyên Mulrady chăm sóc con ngựa chu đáo. John Mangles đưa cho chàng thủy thủ khẩu súng lục mà anh vừa mới nạp đạn cẩn thận... Mulrady lên yên ngựa.

- Đây là thư, anh chuyển cho Tom Austin, Glenarvan nói. Hãy khẩn trương, đừng để phí một giờ nào. Hãy cho tàu đến vịnh Twofold - Bay, nếu không thấy chúng tôi ở đó, tức là chúng tôi không thể qua sông được, phải nhanh chóng cho tàu lại đây. Thôi, đi nhé, chàng thủy thủ trung thực của tôi, cầu trời phù hộ cho anh.

- Tam biệt huân tước! - Mulrady bình tĩnh

nói rồi mất hút trên con đường mòn chạy dọc theo rừng.

Bỗng trong khoảnh khắc gió lặng, có tiếng kêu thất thanh vọng lại. John Mangles vội vàng lại chỗ thiếu tá.

- Ông có nghe thấy gì không? - John hỏi.

- Có, - Mac Nabbs đáp. - Nhưng là gì nhỉ, người hay thú vật?

- Người đấy, và hình như có cả tiếng súng. - John đáp.

- Ta đến đó xem sao! - Glenarvan nói và khoác khẩu carbine lên vai.

- Không nên, - thiếu tá lên tiếng. - Chúng làm bấy để nhử ta rời khỏi xe đó.

- Lỡ bọn bắt nhân đó giết Mulrady thì sao? Glenarvan nắm tay Mac Nabbs giục đi.

- Điều ấy mai chúng ta biết, - thiếu tá điềm nhiên trả lời. Ông kiên quyết ngăn Glenarvan để tránh sự khinh suất vô ích.

- Huân tước không nên rời khỏi trại. - John Mangles nói. - Tôi sẽ đi một mình.

- Cả anh cũng đừng đi! - Mac Nabbs kiên quyết phản đối. - Lẽ nào huân tước và thuyền trưởng lại muốn cho chúng nó đánh lẻ tẻ từng người, làm suy yếu lực lượng của ta, để ta dễ dàng sa vào tay bọn bắt nhân ấy! Nếu Mulrady đã bị chúng giết thì tại sao ta lại.

dem thí thêm quân? Mulrady ra đi bởi vì chú ấy được bốc thăm. Giả dụ thăm trúng vào tôi thì tôi cũng ra đi như chú ấy và tôi không yêu cầu hay chờ đợi một sự chi viện nào cả.

Glenarvan có lẽ không muốn tán thành những lập luận ấy. Ông day dứt nghĩ đến một người thân thiết đang bị thương nặng và bất lực nằm ở đâu đó và hoài công kêu lên những người mà vì họ, anh ta hy sinh tính mạng. Mac Nabbs hoàn toàn không tin rằng ông ta có thể ngăn giữ được Glenarvan không lao đến nơi có tiếng súng của bọn Ben Joyce.

- Edward, - ông nói. - Chú hãy bình tĩnh. Hãy nghe bạn bè. Hãy nghĩ đến Helena, Mary, tất cả những ai ở lại đây. Mà chú định đi đâu chứ? Tìm Mulrady ở đâu? Nếu chú ấy bị chúng tấn công thì ít nhất cũng cách đây hai dặm. Trên con đường nào? Đi lối nào đến đó?

Đúng lúc ấy, như để trả lời thiếu tá, lại có tiếng kêu tuyệt vọng vang lên.

- Nghe kìa! - Glenarvan nói.

Tiếng kêu từ phía có tiếng súng vọng lại, cách đó khoảng một phần tư dặm, Glenarvan đẩy Mac Nabbs ra, chạy theo con đường mòn, nhưng mới cách xe độ ba trăm mét ông đã nghe thấy tiếng ai kêu:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Tiếng kêu nghe thảm thiết đau đớn, John

Mangles bỏ ngay đến nơi có tiếng kêu. Mấy phút sau, họ thấy một người đang bò dọc theo cửa rừng và rên rỉ nặng nhọc. Đó là Mulrady, anh bị thương và có thể là sắp chết. Khi những người bạn nâng anh lên khỏi mặt đất, họ thấy tay anh ướt máu.

Khi họ bước vào, tất cả đứng dậy, Paganel, Oblinett, Robert và Wilson ra khỏi xe, còn Helena thì nhường ngấn của mình cho Mulrady tội nghiệp. Thiếu tá cởi áo ngoài đầm máu và ướt nước mưa của người thủy thủ ra và phát hiện ở sườn bên phải của anh có vết dao đâm. Vết thương ra nhiều máu đã được Mac Nabbs khéo léo rửa sạch, bôi thuốc, băng bó lại. Vết nhọt nhọt và đuôi súc của Mulrady chứng tỏ vết thương nặng lắm. Nhưng máu đã cầm. Mulrady được đặt nằm nghiêng về phía bên trái, đầu và ngực được gối cao hơn Helena cho anh uống vài ngụm nước.

Mười lăm phút sau. Mulrady đã cựa quậy được, mở mắt ra và bắt đầu thều thào tiếng được, tiếng mất. Thiếu tá cúi sát người anh và lắng nghe được mấy tiếng loáng thoáng.

- Huân tước... bức thư... Ben Joyce...

Thiếu tá nhắc to lên mấy tiếng ấy và nhìn những người bạn của mình với vẻ dò hỏi. Mulrady muốn nói gì? Chắc là Ben Joyce đã tấn công anh ta. Nhưng để làm gì, để

ngăn cản anh ta không liên lạc được với Duncan ư? Bức thư.. Glenarvan xem túi áo của Mulrady. Bức thư không còn nữa!

Đêm trôi qua trong sự lo âu thắc thỏm của mọi người.

Trời sáng, mưa tạnh. Nhưng mây đen còn vẫn vũ trên bầu trời.

John Mangles, Paganel và Glenarvan đi khảo sát chung quanh khu trại. Họ lần theo con đường mòn còn in rõ vết máu. Không thấy dấu vết gì của Ben Loyce và đồng bọn. Họ đến tận nơi xảy ra đụng độ. Ở đấy có hai cái xác bọn phi đã bị Mulrady bắn chết. Một trong đó là tên thợ rèn ở Black-Point. Cái chết làm cho mặt hắn méo xệch đi một cách đáng sợ. Đến đây, Glenarvan kết thúc việc khảo sát hiện trường, vì đi xa trại hơn nữa sẽ không có lợi gì.

Ông quay về chỗ để xe với vẻ băn khoăn trước tình hình nghiêm trọng đã xảy ra.

- Không nên nghĩ đến việc cử người khác đi Melbourne nữa. - Ông nói.

- Nhưng điều đó lại cần thiết, thưa huân tước, John Mangles lên tiếng. Tôi xin đảm nhận nhiệm vụ mà người thủy thủ của tôi chưa kịp hoàn thành.

- Không, John, anh cũng không có ngựa để mà đi quãng đường hai trăm dặm đâu.

Quả thật, ngựa của Mulrady, con ngựa duy nhất mà đoàn thám hiểm còn lại không thấy trở về. Nó bị giết hay bị lạc trong rừng, hay bị bọn chúng cướp đi mất rồi?

- Dẫu sao thì, Glenarvan nói, chúng ta sẽ không rời nhau nữa. Ta đợi ở đây một tuần, hai tuần, cho đến khi nào nước sông Snowy rút đã. Lúc đó ta sẽ đi dần từng chặng đến vịnh Twofold - Bay và từ đó, bằng một con đường an toàn hơn, sẽ gửi lệnh cho Duncan đi về phía đông.

- Ta chỉ còn cách duy nhất ấy thôi, Paganel tán thành.

- Vậy thì các bạn, Glenarvan tiếp tục, chúng ta hãy sát cánh cùng nhau chịu đựng. Lẻ loi một mình giữa nơi bọn cướp hoành hành như thế này là hết sức mạo hiểm.

Glenarvan nói có lý cả trong việc quyết định không phái ai đi nữa, lẫn trong việc kiên trì ở lại bờ sông đợi nước rút. Vì từ đây đến Delegete, thị trấn biên giới đầu tiên của tỉnh Nouvelle - Galles Nam chỉ có ba mươi dặm dặm thôi. Ở đó, tất nhiên họ sẽ tìm được phương tiện để đến được Twofold - Bay và có thể đánh điện đi Melbourne cho tàu Duncan. Những quyết định ấy rất hợp lý, nhưng trễ quá. Giả như Glenarvan dùng phái Mulrady đi Melbourne thì đã tránh được bao nhiêu là

tai họa, đây là chưa nói đến việc một thủy thủ bị thương nặng.

Sau khi trở về trại, Glenarvan thấy những người bạn của mình có phần giảm lo âu hơn. Đường như họ đã ấm lại niềm hy vọng.

- Chú ấy đỡ rồi! Chú ấy đỡ rồi! - Robert kêu toáng lên chạy bỏ đến Glenarvan.

Đúng là một giờ trước đây Mulrady đã hồi tỉnh, bớt nóng hơn. Vừa tỉnh lại, chú liền xin gặp Glenarvan, nếu huân tước không có ở đây thì gặp thiếu tá. Mac Nabbs thấy Mulrady đang yếu, nên cấm không cho chú ta nói chuyện. Nhưng Mulrady cứ đòi nói, vì vậy thiếu tá đành chịu.

Glenarvan bắt đầu hỏi chuyện thiếu tá. Và đây là những điều mà thiếu tá nghe Mulrady kể lại:

- Sau khi rời trại, Mulrady phóng ngựa theo đường mòn mà Paganel đã chỉ. Anh ta đi được hai dặm thì bỗng có mấy người lao ra chặn ngựa lại. Con ngựa lồng lên. Mulrady lấy súng lục ra bắn. Anh thấy hình như có hai tên bị ngã gục. Trong ánh lửa đạn anh nhận ra Ben Joyce. Mulrady không nhìn thấy gì nữa. Anh chưa kịp bắn hết băng đạn. Một nhát dao đâm mạnh vào sườn phải làm anh té khỏi yên ngựa. Nhưng anh vẫn chưa bị ngắt đi. Bốn giết người tưởng anh đã chết.

Chúng lục lọi người anh. Sau đó, anh nghe thấy một tên cướp nói: "Thư đây rồi! Đưa đây! - Ben Joyce lên tiếng - Bây giờ Duncan là của chúng ta!"

Đến đây, Glenarvan chợt thốt lên một tiếng kêu. Mac Nabbs nói tiếp: "Còn bây giờ tụi bây hãy bắt lấy con ngựa, - Ben Joyce nói, - Bốn ngày nữa tao sẽ có mặt trên tàu Duncan, sau ngày nữa tao sẽ có mặt ở vịnh Twofold - Bay. Chúng ta sẽ gặp nhau ở đó. Toán Glenarvan sẽ còn sa lầy ở đây. Tụi bây đi qua cầu Kemplepier ra biển, đợi tao ở đó. Tao sẽ tìm cách đưa chúng bay lên tàu. Khi nào cánh ta ra được biển thì, với một chiếc tàu như Duncan này, ta sẽ làm bá chủ Ấn Độ Dương". - Hoan hô Ben Joyce! - Bọn cướp hét lên. Bây giờ, các bạn có biết vì sao chú thủy thủ lại thông báo cho chúng ta biết điều đó không?

Câu chuyện của thiếu tá làm cho Glenarvan và mọi người hốt hoảng.

- Bọn cướp biển! Bọn cướp biển! - Glenarvan kêu lên, - chúng định giết cả đoàn của tôi rồi cướp luôn cả tàu Duncan.

- Tất nhiên rồi, - Mac Nabbs nói, - Vì Ben Joyce sẽ bất ngờ chiếm tàu mà, và khi đó thì...

- Thế nghĩa là ta phải ra tay trước bọn bất nhân ấy, - Paganel nói.

- Nhưng làm sao qua được sông đây? - Wilson băn khoăn.

- Đi như tụi nó ấy, - Glenarvan đáp. - Bọn tội phạm đi qua Kemplepier, chúng ta cũng làm y như chúng.

- Còn Mulrady thì sao? - Helena hỏi.

- Chúng ta sẽ khiêng chú ấy! Thay nhau mà khiêng! Tôi không thể để cho đoàn người của mình sa vào nanh vuốt của bọn Ben Joyce.

- Thừa huân tước, - John Mangles nói với Glenarvan. - Trước khi quyết định phương án mạo hiểm vượt qua cầu, ta nên dò xét mọi mặt đất. Tôi xin đảm nhận nhiệm vụ này.

- Tôi đi cùng với anh! - Paganel tuyên bố.

Thế là hai nhà thám hiểm dũng cảm mang theo đầy đủ vũ khí và lương thực tiến lên phía trước, len lỏi trong những bụi cây lau sậy um tùm mọc bên bờ sông.

Mọi người đợi suốt ngày, đến khi trời tối rồi mà vẫn chưa thấy họ về. Ai nấy ở trại đều lo lắng.

Cuối cùng, gần mười một giờ khuya, Wilson báo tin họ đang trên đường về. Paganel và John Mangles về đến nơi, người mệt như sau khi đi bộ mười dặm đường.

- Chúng đã đốt mất cây cầu ngay sau khi đi qua rồi! - Paganel thông báo cho mọi người biết.

Không còn thì giờ để thất vọng nữa, mà cần phải hành động. Chiếc cầu Kemplepier đã bị đốt, nhưng dù thế nào chăng nữa cũng vẫn phải vượt qua sông Snowy và đến vịnh Twofold - Bay trước bọn Ben Joyce. Chính vì vậy mà không để mất thì giờ vào những cuộc tranh luận vô ích, Glenarvan và John Mangles, ngay ngày hôm sau, 16 tháng giêng đã ra sông để tìm cách vượt sang bờ bên kia.

Nước lũ chưa rút, vẫn cuộn cuộn trôi với vẻ hung dữ không sao tả xiết. Xuống nước bây giờ có nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay. Glenarvan cúi đầu, khoanh tay trước ngực và đứng lặng trên bờ.

- Huân tước cho tôi thử bơi sang bờ bên kia được không? - John Mangles đề nghị.

- Không được, John, Glenarvan đáp, giữ chặt tay chàng thanh niên dũng cảm, ta đợi đã!

Họ trở về trại. Một ngày trôi qua trong sự lo âu mệt mỏi. Có đến mười lần Glenarvan ra bờ sông. Ông định nghĩ ra một cách táo bạo nào đó để vượt qua sông.

Ngày 18 tháng giêng, thuyền trưởng John Mangles và anh chàng thủy thủ đóng một chiếc thuyền bằng vỏ cây ghép lại và đi thử. Họ trở hết tài khéo léo, tháo vát, sức mạnh và lòng dũng cảm. Nhưng con thuyền vừa đặt

xuống nước đã bị cuốn phăng vào dòng xoáy rồi biến mất. John và Wilson phải gắng sức bơi vào bờ.

Tình hình ấy không thể kéo dài vô tận được. Nước lũ dâng lên mạnh bao nhiêu thì cũng rút nhanh bấy nhiêu. Sáng ngày 21, Paganel thấy nước sông bắt đầu xuống. Nhà địa lý báo cho Glenarvan biết.

- Nước rút cũng vậy thôi! - Glenarvan đáp. Quá muộn mất rồi!

- Đó không phải là cái cơ để ta ở lại đây. - Mac Nabbs nhận xét.

- Tất nhiên, John Mangles đáp. Có thể ngày mai ta qua sông được rồi đó.

- Liệu thế thì có cứu được đoàn người không may của ta không? Glenarvan kêu lên.

- Xin huân tước hãy nghe tôi, chàng thuyền trưởng trẻ nói. Tôi hiểu Tom Austin lắm. Anh ấy tất nhiên sẽ thi hành mệnh lệnh và nhổ neo ra khơi ngay khi nào điều kiện cho phép. Nhưng làm sao ta biết được khi Ben Joyce đến Melbourne thì Duncan đã kịp sửa chữa xong? Nếu chưa xong thì sao? Nếu Austin chậm lại một hai ngày thì sao?

- Anh nói đúng, John - Glenarvan tán thành.

Cần phải đến được Twofold - Bay. Chúng ta cách Delegète có ba mươi lăm dặm nữa thôi!

- Ở đó, - Paganel nói, chúng ta sẽ tìm được phương tiện đi nhanh hơn. Biết đâu chúng ta kịp ngăn chặn được tai họa cũng nên.

- Vậy thì, lên đường! - Glenarvan hô to.

John Mangles và Wilson tranh thủ thời gian đóng một cái bè lớn. Họ đã rút được kinh nghiệm rồi, vỏ cây không thể chịu được dòng chảy mạnh. Vì vậy, John Mangles đã chặt cây rừng đóng thành một cái bè thô thiển, nhưng chắc chắn. Ngày hôm sau là bè đã được đóng xong.

Mười hai giờ rưỡi trưa, mọi người xếp lương thực lên bè với số lượng đủ cho mỗi người ăn hai ngày. Còn lại họ bỏ trong xe và lều. Mulrady sức khỏe đã bình phục. Anh ta có thể cùng đi theo.

Một giờ sau, tất cả lên bè, John Mangles đặt phía bên phải bè một mái chèo để chống chọi với dòng chảy và giữ cho bè đi đúng hướng. Thuyền trưởng giao cho Wilson giữ chèo. Còn anh đứng phía sau điều khiển tay lái. Huân tước phu nhân Helena, Mary và Mulrady được xếp ngồi ở giữa bè. Glenarvan, thiếu tá và Robert ngồi chung quanh họ, để nếu cần thì có thể giúp ngay được.

John và Wilson lại cầm chắc tay chèo, họ đã điều khiển được chiếc bè rẽ dòng đi sang bờ bên kia.

Họ còn cách bờ chừng trăm mét, bỗng mái chèo của Wilson bị gãy. John cố sức giữ cho bè ổn định. Wilson hai tay bật máu lao đến hỗ trợ cho thuyền trưởng. Cuối cùng họ đã chiến thắng, sau gần một giờ vật lộn với sóng nước, chiếc bè đã cập bờ bên kia.. Do bị va chạm mạnh vào bờ, những sợi dây chằng bị đứt hết, các cây gỗ bung ra, và nước trào lên bè. Các nhà thám hiểm vừa kịp túm lấy những bụi cây là đà trên mặt nước và kéo theo được Helena, Mary và Mulrady lên bờ. Mọi người nguyên vẹn cả, nhưng phần lớn lương thực và toàn bộ vũ khí trừ carbine của thiếu tá, đều bị nước cuốn đi cùng với những mảnh bè bị vỡ.

Vậy là sau khi qua sông, đội thám hiểm gần như lâm vào cảnh trắng tay ở giữa nơi hoang vắng xa lạ, cách Delegete ba mươi lăm dặm. Nơi đây không thấy một bóng người di dân, trừ phi gặp bọn cướp tàn bạo.

Ngày hôm sau, Mulrady thấy có thể đi bộ được một đoạn đường. Vết thương của anh đã khỏi. Thị trấn Delegete còn cách không đầy mười dặm nữa. Đêm hôm ấy, đội thám hiểm dừng chân ở ngay biên giới tỉnh Nouvell - Galles. Mọi nỗi đau khổ dần dần chấm dứt. Mười một giờ sáng hôm sau, họ tới được Delegete một thị trấn cách vịnh Twofold - Bay năm mươi dặm.

Đến trưa, sau bữa ăn sáng các nhà thám hiểm đáp chuyến xe thư do năm con ngựa khỏe kéo từ Delegete ra vùng duyên hải. Người xà ích được hứa hẹn một món tiền thưởng lớn nên gắng sức thúc ngựa phóng như bay. Vả lại, đường cũng tốt.

Cứ thế, với tốc độ sáu dặm một giờ, các nhà thám hiểm đã đi suốt ngày đêm. Hôm sau, đúng lúc hừng đông, họ đã nghe thấy tiếng sóng vỗ ầm ầm báo hiệu biển gần lắm rồi. Và khi ra tới biển, mọi người đều dỗi mắt nhìn ra xa tìm Duncan. Nhưng, không thấy gì cả. Mặt biển mênh mông không gợn cánh buồm nào.

- Đi Eden! - Glenarvan ra lệnh.

Chiếc xe thư quẹo phải và lao đi trên đường dọc theo bờ vịnh, đến một thị trấn nhỏ Eden, cách đó năm dặm.

Người xà ích cho dừng xe gần cây hải đăng và chỉ đường vào cảng. Ở đấy có một số tàu đang đậu, nhưng không có một chiếc nào mang lá cờ của xứ sở Malcolm.

Mười lăm phút sau một bức điện được đánh đi cho nhân viên môi giới tàu biển ở Melbourne. Sau đó, Glenarvan ra lệnh cho người xà ích đi đến khách sạn Victoria.

Hai giờ chiều, huân tước Glenarvan nhận được bức điện trả lời với nội dung như sau:

"Kính gửi huân tước Glenarvan, L'đen - Twofold - Bay, tàu Duncan đã ra khơi ngày 18 tháng này, không rõ hướng.

J. Andrew

Nhân viên môi giới tàu biển.

Bức điện tuột khỏi tay Glenarvan. Không còn mấy may nghi ngờ gì nữa! Chiếc tàu buồm của xứ Scotland hiền hòa ấy đã rơi vào tay bọn Ben Joyce và trở thành chiếc tàu cướp biển rồi.

14, TRONG TAY NHỮNG NGƯỜI MAORI

Trong tình cảnh vô cùng đau đớn như vậy, Mary Grant đã dũng cảm không nhắc đến tên cha. Cô cố kiềm chế nỗi đau trong lòng, khi nghĩ đến đoàn thủy thủ Duncan không may đã hy sinh. Bây giờ cô lại an ủi huân tước phu nhân Helena là người trước đây đã từng an ủi cô. Mary là người đầu tiên nói đến việc trở về nước Scotland. Thấy cô gái dám dũng cảm chấp nhận số phận John Mangles rất khâm phục cô.

Ngày hôm ấy, đoàn thám hiểm quyết định dứt khoát trở về nước và đi ngay đến Melbourne. Sớm hôm sau, John Mangles đã đi hỏi xem có tàu nào chạy về hướng đó không. John dự đoán giữa Eden và tỉnh ly, Victorya thường xuyên có tàu qua lại.

Nhà địa lý cũng đã ra bến cảng Twofold Bay và biết rằng ở đó không có tàu đi Melbourne và Sydney. Nhưng có một chiếc tàu buồm đậu ở cảng đang chuẩn bị đi Auckland, tỉnh ly tỉnh Ika na Maoui, thuộc đảo bắc New Zealand. Paganel đề nghị thuê chiếc tàu ấy đi Auckland, rồi từ đó sẽ dễ dàng

trở về châu Âu, vì cảng này có nhiều tuyến đường thường xuyên đi về đó.

John Mangles ủng hộ đề nghị của Paganel. Anh ta khuyên mọi người nên chấp nhận ý kiến ấy, bởi vì không biết sẽ phải chờ đợi ở Towfold Bay bao lâu nữa mới có tàu đi Anh. Anh ta thấy cần phải lên chiếc tàu buồm mà Paganel nói đến ấy. Và thế là, Glenarvan, thiếu tá Paganel, Robert và viên thuyền trưởng trể lên một chiếc xuồng bơi tới ngay chiếc tàu hai cột buồm đỏ.

Đó là chiếc tàu buồm có sức chở hai trăm năm mươi tấn mang tên Macquarie, thường chạy trên các tuyến đường giữa các cảng khác nhau của Australie và New Zealand.

Họ nhanh chóng thỏa thuận việc lấy chỗ cho chín người của đoàn thám hiểm, trong đó có hai phụ nữ.

Trưa hôm sau mọi người lên tàu. Tàu không có phòng riêng, và hành khách phải hoàn toàn tự lo liệu việc ăn uống.

Trước khi rời cảng, Glenarvan đã nghĩ đến việc tranh thủ những thì giờ còn lại để một lần nữa đi đến vùng duyên hải nằm trên vĩ tuyến 17. Ông có hai lý do để làm việc ấy. Ông muốn xem lại nơi có thể xảy ra tai nạn đắm tàu Britania theo lời của Ayrton đã nói. Thật là nông nổi nếu vĩnh viễn rời khỏi đất

nước này mà lại không khảo sát kỹ nơi ấy. Rồi nữa, nếu ở đây không thấy *Britania* thì liệu Duncan có bị bọn phạm tội cướp mất vùng biển ấy không? Rất có thể tại đây đã xảy ra một cuộc chiến đấu lẫm. Biết đâu lại không tìm thấy nơi đây dấu vết của một cuộc chiến đấu, một cuộc kháng cự cuối cùng? Nếu như đoàn thủy thủ đã hy sinh trên biển thì lẽ nào sóng biển lại không cuốn họ giạt vào bờ?

Và Glenarvan cùng John Mangles đi khảo sát. Viên chủ khách sạn *Victoria* dành cho họ sử dụng hai con ngựa, và họ đi về phía bắc theo con đường bao quanh vịnh *Twofold - Bay*.

Cuộc khảo sát thật đáng buồn. Họ không bỏ sót một eo biển nhỏ nào, bãi cát hay bãi đất bồi nào, nhưng không đâu thấy có mảnh tàu vỡ cả. Tuyệt nhiên không thấy một cái gì có thể làm cơ sở để bắt đầu những cuộc tìm kiếm mới. Dấu tích của *Britania* lại bị mất.

Họ cũng không thấy dấu tích của Duncan đâu. Cả vùng duyên hải phía đông *Australie* này vắng ngắt. Tuy vậy, John Mangles đã thấy ở gần bờ dấu vết của một lán trại nào đó, những thanh củi mới đun trong bếp. Có lẽ mấy hôm trước, một bộ lạc thổ dân nào đây mới di cư qua đây? Không, Glenarvan nghĩ ngay rằng đây chắc là tung tích của bọn tội phạm đó thôi.

Họ còn tìm thấy dưới gốc cây một chiếc

áo rách đã được vá, màu vàng xám, ở chỗ rách vẫn nhìn rõ số tù của trại cải huấn Perth. Tên tội phạm không còn ở đây, nhưng chiếc áo rách đã chứng tỏ hắn ở đây...

- Thấy không, John. Glenarvan nói - Bọn tội phạm đã đến đây rồi. Thế còn những người bạn tội nghiệp của chúng ta trên tàu Duncan thì đâu?

- Đúng, thuyền trưởng trẻ đáp, giọng trầm ngâm, rõ ràng là họ đã không lên bờ và hy sinh rồi!...

- Bọn bắt nạt dê tiện! Chúng mà vào tay ta thì ta sẽ trả thù chúng để thanh toán món nợ cho đoàn thủy thủ của ta, Glenarvan kêu lên.

Nỗi đau đớn làm cho nét mặt của Glenarvan thêm khắc khổ.

Còn phải làm một thủ tục nữa là báo cho cảnh sát biết về tất cả những gì đã xảy ra... Glenarvan làm xong xuôi việc ấy, rồi trở về khách sạn Victoria. Đêm cuối cùng của các nhà thám hiểm ở Australie trôi qua một cách buồn rầu. Paganel ở trong tình trạng bị xúc động mạnh. John Mangles đã để ý theo dõi Paganel ngay từ khi xảy ra biến cố trên bờ sông Snowy. Anh cảm thấy nhà địa lý có điều gì đó nửa muốn nói, nửa lại không. Đã nhiều lần John gắng hỏi, nhưng Paganel không nói.

Buổi tối, khi tiễn nhà bác học về phòng nghỉ, John đã hỏi vì sao hôm nay ông lại lo lắng, bồn chồn đến như thế.

- John, anh bạn của tôi ơi! Nhà địa lý trả lời một cách quanh co, thần kinh của tôi vẫn bình thường mà!

- Ông Paganel, John chưa chịu thôi, có điều gì bí mật đang giằng vò ông thì phải?

- Nhưng, tôi biết làm gì được với cái điều ấy? - Nhà địa lý vung tay nói, về bất lực.

- Ông đang nói về điều gì vậy?

- Về niềm vui sướng và nỗi thất vọng?

- Ông vừa vui sướng lại vừa thất vọng?

- Vâng, tôi vừa vui sướng cũng lại vừa thất vọng, khi tôi đặt chân lên đất New Zealand.

- Ông lại có những dự kiến mới nào đó phải không? John Mangles nhanh nhẩu hỏi. Ông lại lần ra được dấu tích của thuyền trưởng Grant phải không?

- Không, John ạ! Họ không trở về từ New Zealand đâu. Nhưng mà... Tóm lại, như anh đã biết, bản tính của con người ta là còn thỏ thẻ còn hy vọng.



Tàu Macquarie đi chậm chạp. Chủ tàu gần như lúc nào cũng say khướt, không mấy

khi bước ra khỏi phòng. Mọi công việc ông ta phó thác cho đoàn thủy thủ năm người của ông ta. Đến ngày thứ sáu, nghĩa là đáng lẽ đến cảng Auckland được ba mươi sáu giờ rồi, thế mà Macquarie vẫn lênh đênh trên mặt biển. Tối thứ sáu trời bỗng nổi cơn bão, mưa ập xuống. Tàu Macquarie bất ngờ bị mắc cạn, nghiêng hẳn về một bên. Chủ tàu Halley và cả đoàn thủy thủ năm người của hắn bí mật hạ thủy chiếc xuồng nhỏ và trốn mất tiêu.

Đoàn thám hiểm bị chơi vơi giữa biển khơi. Sau những giờ phút đầy lo âu trong đêm tối, sớm hôm sau, họ kéo lên boong tàu, nhìn về tứ phía. Sương mù tan dần. Xa xa, một ngọn núi lộ ra dưới ánh nắng sớm. Đất liền chỉ còn cách họ chưa đầy chín hải lý nữa... Nhưng làm sao vào được đó bây giờ? John Nangles chỉ huy mọi người chĩa cột buồm tàu, đóng một chiếc bè kiên cố, chất vũ khí và lương thực lên, rồi bơi vào bờ. Đây là một vùng đất New - Zealand hoang vắng.

Sớm hôm sau, Paganel xác định tọa độ cẩn thận rồi đề nghị đoàn đi về phía bắc dọc theo bờ biển Aotea đến Auckland.

Chiều tối hôm ấy, đến một cửa rừng, họ quyết định nghỉ lại. Gần nửa đêm, tai họa bất ngờ ập đến. Tất cả các nhà thám hiểm đều bị bắt, trói chân và đưa lên thuyền.

Hóa ra hồi chiều tối, vì bị sương mù dày

đặc, nên họ đã dừng chân đúng ngay nơi trại của bộ lạc người Maori mà không biết. Qua câu chuyện của họ bằng tiếng Anh, những người bị bắt được biết quân của thổ dân Maori bị quân đội Anh đánh tan phải chạy về thượng nguồn sông Waikato. Thủ lĩnh của họ, sau khi chống cự quyết liệt với trung đoàn 42 và bị thiệt hại khá nhiều binh lính tinh nhuệ, bây giờ quay trở về chiêu mộ binh lính mới ở các bộ lạc vùng ven biển để tiếp tục hợp đồng với các đơn vị khác vẫn đang chiến đấu chống bọn xâm lược Anh. Viên thủ lĩnh có cái tên rất hung tợn là Kai Koumou, tiếng thổ dân có nghĩa là "Người ăn thịt địch thủ của mình". Binh lính Anh biết rõ cái tên ấy và viên toàn quyền Anh ở New - Zealand mới đây đã treo giải bằng tiền cho ai lấy được đầu của ông ta.

Đòn khủng khiếp ấy đã giáng xuống đầu của Glenarvan đúng ngay lúc ông chỉ còn cách Auckland không bao xa nữa, từ đây có thể trở về châu Âu một cách dễ dàng.

Nhưng nhìn vẻ mặt bình tĩnh, lạnh lùng của ông, không ai đoán nổi ông đang bị bao nỗi khổ giày vò, Glenarvan cố giữ vững tinh thần để làm gương cho vợ và những người cùng đi, và sẵn sàng nếu cần thì hy sinh trước tiên để cứu mọi người.

Những người bạn đồng hành của Glenarvan tỏ ra rất xứng đáng. Họ nhất trí

với nhau phải cư xử đàng hoàng để buộc quân lính Maori không thể đối xử thô bạo với họ.

Glenarvan đánh bạo hỏi viên thủ lĩnh New - Zealand bằng tiếng Anh:

- Ông đưa chúng tôi đi đâu, thưa thủ lĩnh?

Kai Koumou lạnh nhạt nhìn Glenarvan không nói gì.

- Ngài định làm gì chúng tôi? - Glenarvan hỏi lại.

Thủ lĩnh Kai Koumou trợn mắt lên, đáp với vẻ quan trọng:

- Đánh đổi, nếu người của bọn mi ưng nhận mi. Giết, nếu bọn chúng không nhận.

Con thuyền vẫn lướt nhanh về phía thượng nguồn.

Kai Koumou ra lệnh cho những người bị bắt lên bờ. Máy người đàn ông bị trói tay, còn phụ nữ thì tự do. Tất cả họ bị nhốt ở giữa trại, chung quanh đốt lửa làm thành một hàng rào không sao thoát được.

Trước khi Kai Koumou nói cho những người bị bắt biết được ý định trao đổi tù binh của hắn, Glenarvan và John Mangles đã bàn cách chạy trốn. Trong lúc thuyền đang bơi trên sông, việc đó không thể làm được, nhưng họ hy vọng khi lên bờ nghỉ lại, trời tối sẽ dễ trốn hơn.

Nhưng sau khi nghe Glenarvan nói chuyện với viên thủ lĩnh New - Zealand, họ quyết định tốt hơn cả là từ bỏ mọi ý đồ ấy. Cần phải chuẩn bị tinh thần chịu đựng. Như thế sẽ tốt hơn.

Mấy ngày sau đó, các nhà thám hiểm bị bắt, bị chở thuyền ngược dòng đưa đến bản doanh của quân Maori bên bờ hồ Taupo, viên thủ lĩnh ra lệnh cởi trói cho từng người một và đưa họ vào giam trong một căn nhà rộng bốn bề kín mít.

Ở đây họ tạm thời được an toàn, không bị những thổ dân phần nộ, nguyên rủa, đòi giết vì tưởng lầm họ là những người Anh xâm lược đã sát hại chồng con của họ ngoài mặt trận.

Những tên lính vừa khóa cửa trại giam đi khỏi, Robert liền trèo lên vai Wilson, thò đầu vào khe hở giữa mái và tường nhà, nhìn ra ngoài, quan sát chung quanh.

- Họ đang tụ tập quanh thủ lĩnh, - chú bé thì thảo - Kai Koumou định nói gì đó...

Robert im lặng mấy phút, rồi nói tiếp:

- Kai Koumou đang nói gì đó... các thổ dân im lặng nghe ông ta.

- Có lẽ, viên thủ lĩnh không phải vô cớ mà tha chết cho chúng ta đâu, - thiếu tá nhận xét. - Hắn muốn đổi chúng ta lấy những thủ

lính của bộ lạc đã bị bắt, nhưng liệu quân lính có đồng ý trao đổi không?

- Đúng rồi! - Chú bé lại nói xuống. - Họ tuân lệnh và giải tán. Người thì đi vào các lán, người thì đi vào chòi canh.

- Đúng không? - Thiếu tá hỏi.

- Đúng mà, ông Mac Nabbs, - Robert đáp. - Chỉ còn mấy người lính cùng đi trên thuyền ở lại với ông ta thôi... A, có một người đi đến chỗ ta...

- Xuống mau, Robert! - Glenarvan nói.

Đúng lúc ấy huân tước phu nhân Helena ngồi chồm dậy nắm tay chồng.

- Edward, - Helena nói bằng giọng cứng rắn, - chúng nào còn sống thì cả em lẫn Mary đều không thể để sa vào tay bọn người ấy!

Vừa nói, - Helena vừa đưa cho Glenarvan khẩu súng lục đã lên đạn. Glenarvan mất sáng ngời.

- Súng! - Ông ta kêu lên.

- Vâng! - Bọn Maori không dám khám xét phụ nữ. Nhưng anh Edward, khẩu súng này không phải để họ mà để cho chúng ta.

- Hãy giấu súng đi, chú Glenarvan, - Mac Nabbs vội vàng nói. - Chưa đến lúc cần đến.

Khẩu súng lục được lặn vào quần áo của Glenarvan.

Chiếc chiếu treo chắn cửa ra vào được vén lên. Một người thổ dân bước vào. Anh ta làm hiệu cho những người bị bắt đi theo anh ta. Glenarvan cùng những người bạn của mình đi sát bên nhau, qua một cái sân đến cạnh KaiKoumou.

Mấy người lính bộ lạc đứng quanh thủ lĩnh của họ. Kai Koumou bắt đầu hỏi Glenarvan:

- Mày là người Anh?

- Phải, - Glenarvan trả lời không chút do dự, biết rằng câu trả lời ấy có thể làm cho việc trao đổi dễ dàng hơn.

- Còn các bạn của mày?

- Các bạn tôi cũng là người Anh như tôi... Chúng tôi là những người đi du lịch, tàu bị tai nạn. Ông nên biết chúng tôi không ai tham chiến cả...

- Bất kỳ người Anh nào cũng có thể là kẻ thù của chúng tao! - Một tên khác ngồi kế bên Kai Koumou là KaraTété nói cắt ngang.

- Hãy nghe đây! - Kai Koumou nói tiếp, - Tohonga, tư tế tối cao của thần Noui Atoua của ta, đã bị quân bay bắt làm tù binh. Thần ban lệnh cho ta phải chuộc Tohonga. Ta muốn móc tim mày ra, muốn lấy đầu mày và lũ bọn bây cầm cọc rào... Nhưng thần Noui Atoua đã rủ lòng thương!

Kai Koumou run lên vì giận dữ, mặt ông ta bùng bùng phẫn nộ. Rồi ông ta lại nói tiếp:

- Màý nghĩ sao, liệu người Anh có đồng ý đổi màý, trả Tohonga cho chúng tao không?

- Không. - Glenarvan đáp, - ở nước tôi, tôi không phải là thủ lĩnh, cũng không phải là tư tế.

Paganel ngạc nhiên trước câu trả lời ấy, sững sốt nhìn Glenarvan. Kai Koumou dường như cũng ngạc nhiên:

- Nghĩa là, màý còn hoài nghi?

- Tôi không biết.

- Vậy các bạn của màý cũng không đồng ý đổi màý lấy Tohonga của chúng tao?

- Đối mình tôi thì không, nhưng đối tất cả thì đồng ý.

- Người Maori của chúng tao chỉ có luật là đổi một lấy một thôi.

- Thế thì tốt hơn cả, ông hãy đề nghị trao đổi tư tế của ông lấy hai người phụ nữ này, - Glenarvan chỉ Helena và Mary.

- Hai người phụ nữ này, - Glenarvan nói tiếp, kính cẩn cúi đầu trước Helena và Mary, - đều giữ những địa vị cao trong nước tôi.

Huân tước không đánh lừa được Kai Moumou. - Màý tướng Kai Koumou không biết hiếu lòng người sao? - Viên thủ lĩnh chỉ vào Helena nói: - Đây là vợ của màý?

- Không, đây là vợ của ta! - Kara Tété kêu lên và gạt những người bị bắt khác ra, đặt tay lên vai Helena.

Sự đụng chạm ấy làm cho Helena tái mét người đi và khiếp sợ kêu lên:

- Anh Edward!...

Glenarvan lạng lẽ đuôi thẳng tay ra. Một phát súng vang lên. Kara Tété bổ nhào xuống đất chết.

Nghe tiếng nổ, thổ dân trong các lều ào ra. Đám đông đứng chật ních cả bãi đất. Hàng trăm cánh tay giơ lên đe dọa những tù binh khốn khổ. Glenarvan bị tước mất súng lục. Kai Koumou ném về phía ông một cái nhìn lạ lùng, rồi một tay che xác chết, tay kia ông ta giơ lên ngăn đám đông đang định xông vào "bọn người Âu đáng nguyên rủa".

Sau khi đã dẹp được đám đông, ông ta nói to lên:

- Tabou! Tabou!

Nghe tiếng ấy đám đông thổ dân đứng lạng đi trước Glenarvan và những người cùng đi với ông, dường như có một sức mạnh siêu nhân nào đó đã ngăn họ lại.

Mấy phút sau, các tù binh được dẫn vào thánh đường dùng làm nơi giam họ. Nhưng cả Robert và Paganel đều không thấy đâu cả.

15. NHỮNG GIỜ CUỐI CÙNG

Glenarvan và những người cùng đi trải qua một đêm khủng khiếp biết bao. Robert tội nghiệp và Paganel dửng dưng cảm thế là mất tích. Hẳn là họ trở thành những người đầu tiên hy sinh trong tay những người thổ dân ưa báo thù này rồi. Mọi hy vọng cũng đã tiêu tan nơi Mac Nabbs, một người không dễ gì chịu buồn nản. Còn John Mangles, nhìn cảnh Mary đau khổ, u sầu vì mất đứa em trai, cảm thấy mình như sắp điên lên. Glenarvan nghĩ đến lời yêu cầu thâm hiểm của Helena muốn được tự tay chồng giết mình để khỏi bị nhục hình nô lệ. Liệu ông có đủ lòng can đảm đáng sợ để làm việc ấy không?

“Còn Mary, mình có quyền được giết nàng theo yêu cầu của nàng?” - John Mangles nghĩ, trong lòng vô cùng đau đớn.

Việc chạy trốn chắc không thể được rồi. Mười tên lính vũ trang đến tận rằng đang đứng gác trước thánh đường.

Đã sang ngày 12 tháng hai. Các thổ dân không đến gần những người tù Tabou nữa. Trong thánh đường có vài thức ăn gì đó, nhưng những người bất hạnh chỉ động đến

qua loa. Nỗi đau thương đã át cả cái dối. Một ngày trôi qua, không đem lại sự thay đổi hay niềm hy vọng nào. Chắc là việc chôn cất tên thủ lĩnh bị giết và việc xử tử người đã giết hắn sẽ diễn ra cùng một lúc.

Glenarvan tin chắc rằng Kai Koumou đã bỏ ý định trao đổi với những người tù. Mac Nabbs thì vẫn còn hy vọng mỏng manh về điều ấy.

- Biết thế nào được, ông ta nói với Glenarvan biết đâu trong tim đen Kai Koumou lại không cho rằng chúng ta đã giúp hắn.

Nhưng dù Mac Nabbs nghĩ thế nào thì Glenarvan vẫn không muốn tin vào điều gì nữa. Thêm một ngày lại trôi qua, mà không thấy có sự chuẩn bị gì cho việc xử tử cả. Sang ngày thứ ba, cánh cửa phòng giam đã mở. Máy trăm thổ dân, đàn ông, đàn bà, trẻ con tất cả tụ tập ngoài sân trại. Họ bình tĩnh và im lặng.

Kai Koumou ra khỏi nhà và bước lên một nền đất cao đắp chính giữa sân. Đám thổ dân đứng thành hình bán nguyệt lui về phía sau một chút. Tất cả im phăng phắc.

Kai Koumou ra hiệu và một người lính đi vào trại giam.

- Anh nhớ nhé! - Huân tước phu nhân Helena nói với chồng.

Glenarvan lặng lẽ ôm ghì vợ vào tim mình. Lúc ấy Mary Grant cũng đến bên John Mangles và nói:

- Huân tước và huân tước phu nhân đồng ý với nhau là nếu chồng có thể giết vợ mình để tránh cho sự nhục nhã, thì chồng chưa cưới cũng có quyền giết vợ chưa cưới. John trong giờ phút cuối cùng này, lẽ nào em lại không dám nói rằng từ lâu, tận đáy lòng mình anh đã coi em là vợ chưa cưới của anh: Anh John yêu quý, liệu em có thể hy vọng vào anh như huân tước phu nhân hy vọng vào Glenarvan không?

- Mary! Chàng thuyền trưởng trẻ bối rối kêu lên, Mary, Mary thân yêu!

Các người tù được dẫn đến chỗ Kai Koumou. Hai người phụ nữ sẵn sàng chấp nhận cái chết. Những người đàn ông được che dấu nỗi khổ tâm dưới cái vẻ bề ngoài bình tĩnh, nói lên sức mạnh siêu phàm của ý chí con người.

Những người tù đối diện trước thủ lĩnh New - Zealand. Bản án rất ngắn gọn:

- Mày đã giết Kara Tété? - Viên thủ lĩnh hỏi Glenarvan.

- Phải. - Glenarvan đáp.

- Sớm mai mày sẽ bị chết.

- Một mình tôi?

- Ô, nếu như mạng sống của Tohonga không quý hơn mạng sống của đồng bọn mày!
- Kai Koumou nói với vẻ thương tiếc tàn bạo.

Vừa lúc ấy có một người lính rẽ đám đông bước ra. Kai Koumou nói ngay với anh ta bằng tiếng Anh cốt để cho các tù binh cũng nghe câu chuyện.

- Mày ở trại của bọn Anh mới về?

- Vâng. - Người lính đáp.

- Mày có gặp tù binh Tohonga của ta?

- Vâng.

- Ông ấy còn sống?

- Ông ấy chết rồi. Người Anh đã bắn ông.

Thế là số phận của Glenarvan và những người cùng đi đã được quyết định.

- Sáng mai, tất cả bọn bây đều sẽ phải chết! - Kai Koumou kêu lên.

Vậy là một sự trùng phạp giống nhau đang đợi những người bất hạnh. Huân tước phu nhân Helena và Mary Grant nhìn lên trời cầu nguyện... Họ được đưa vào nhà giam khi mặt trời lặn sau những sườn núi bên kia hồ Taupo và sẽ ra khỏi đây lúc sớm mai, khi những tia nắng đầu tiên nhuộm vàng những đỉnh núi ấy.

Đây là đêm cuối cùng của họ trước khi chết. Mặc dù kiệt sức, mặc dù trải qua những

giờ phút khủng khiếp họ vẫn cùng ngồi ăn tối với nhau...

- Chúng ta cần có sức để dũng cảm nhìn vào cái chết, Glenarvan nói. Cần phải chúng ta tỏ cho những người dã man này thấy, chúng ta biết chết như thế nào?

Ăn xong, Helena đọc kinh tối. Những người khác cũng làm theo.

Rồi Grant Mary và Helena nằm sát bên nhau trên một chiếc chiếu trong góc nhà giam. Họ cố quên đau khổ nhắm mắt lại...

Glenarvan kéo những người cùng đi sang một phía nói:

- Các bạn thân mến, nếu ngày mai phải chết, thì chúng ta sẽ chết như những người dũng cảm, có trời chúng giám cho chúng ta. Chúng ta những mong hướng đến mục đích cao thượng. Dù sao tôi cũng không than tiếc gì. Nhưng nếu chỉ có chúng ta thôi, thì tôi có thể hô các bạn "hãy xông vào bọn bất nhân này, rồi tìm cách chạy trốn đi!" Nhưng còn vợ tôi, còn Mary...

John Mangles khê vén chiếc chiếu lên và bắt đầu đếm số lính gác ngoài cửa. Chúng có hai mươi lăm tên. Đứa nằm, đứa ngồi quanh đống lửa. Nhưng đứa nào cũng chăm chăm nhìn về phía trại giam mà chúng được giao canh giữ.

Nhà giam ấy sát núi và chỉ có một lối vào thông với con đường nhỏ đi ra sân doanh trại. Hai tường bên của nhà giam đều quay về sườn dốc đứng, dưới đó là vực sâu hàng trăm mét, không thể xuống được. Cũng không thể nghĩ đến việc chạy trốn ở phía tường sau, bởi vì bức tường này tựa lưng vào một vách đá rất lớn. Lối thoát duy nhất là cửa ra vào trại, nhưng bọn lính lại đã canh gác chặn đường. Thế là không thể chạy trốn được. Glenarvan, sau khi nghiên cứu những bức tường của trại giam có đến hai mươi lần, buộc phải thừa nhận như vậy.

Trong khi đó, cái đêm đầy đau đớn, giày vò cứ từng giờ, từng giờ trôi qua.

Khoảng gần bốn giờ sáng, bỗng có tiếng sột soạt nào đó từ chân tường sau, kề sát vách đá, vẳng đến, khiến thiếu tá chú ý.

Thoạt đầu, Mac Nabbs không quan tâm đến tiếng động ấy. Nhưng tiếng động vẫn không dứt. Thiếu tá bắt đầu lắng nghe, rồi thấy lạ, ông áp tai xuống đất để nghe cho rõ hơn. Ông thấy dường như có ai đang đục tường đào đất.

Khi Mac Nabbs tin chắc không bị đánh lừa, ông khẽ bước đến chỗ Glenarvan và John Mangles, kéo họ ra khỏi những suy nghĩ đau khổ, dẫn cả hai người đi sâu vào phía trong nhà giam.

- Hãy lắng nghe coi! - Thiếu tá nói thầm, làm hiệu bảo họ cúi xuống.

Tiếng động nghe mỗi lúc một rõ hơn.

- Một con thú đang đào hang, - John Mangles nói.

Glenarvan đột nhiên vỗ vào trán mình:

- Biết đâu đấy! - Ông nói, - lẽ đó là người thì sao?

- Bây giờ ta sẽ thấy rõ là người hay là thú, - thiếu tá nói.

Wilson và Oblinett cũng đã đến chỗ họ và cả bốn người cùng đào dưới chân tường. John Mangles dùng dao găm (anh đã nhanh trí lấy được của tên Kara Tété khi hấn bổ nhào xuống đất), còn những người khác thì dùng đá cạy dưới đất lên hoặc dùng tay không. Mulrady nằm dài trên nền nhà, vén chiếu quan sát đám lính thổ dân.

Chúng ngồi bất động bên đồng lửa và không hay biết việc xảy ra cách chúng hai mươi bước.

Chỗ những người tù đang đào là đá tốp, có lớp đất xốp phủ trên. Nhờ vậy, mặc dù không có đủ dụng cụ họ vẫn nhanh chóng đào được một cái hố khá sâu. Chẳng bao lâu, đã bắt đầu biết rõ, có một hoặc mấy người nào đó đang đào ngạch từ phía bên ngoài vào nhà giam.

Những người tù cố gắng đào gấp đôi

trước. Mặc dù các ngón tay bị bật máu, nhưng họ vẫn cứ đào và đào, tiếng động từ phía ngoài dội đến mỗi lúc một rõ hơn, có lẽ những người đào chỉ còn cách nhau một lớp mỏng. Máy phút nữa trôi qua, bỗng tay của thiếu tá đụng phải một lưỡi nhon nào đấy và bị thương. Ông giật tay lại, cố giữ để khỏi bật ra tiếng kêu. John Mangles dùng dao găm của mình hất sang bên cạnh một mũi dao khác vừa thò từ dưới đất lên và nắm ngay lấy bàn tay cầm dao ấy. Đó là tay của phụ nữ hay trẻ con không biết, nhưng chắc chắn là tay của một người Âu.

Cả bên trong và bên ngoài không ai nói một lời, rõ ràng cả hai bên đều tránh tiếng động.

- Có phải Robert đấy không? - Glenarvan nói thầm.

Mặc dù Glenarvan nhắc đến cái tên ấy rất khẽ, nhưng Mary Grant vừa bị tiếng động trong nhà giam thức tỉnh và lén ngay đến chỗ ông, nắm lấy bàn tay dính đầy đất kia hôn lấy hôn để.

- Em! - Cô gái thì thào (bởi vì cô không thể nhăm lén được). - Em Robert của chị!

- Vâng, chị ơi, em đây! - Tiếng Robert nói. - Em đến cứu mọi người đây nhưng phải im lặng!

- Thật là một chú bé dũng cảm!... -
Glenarvan nhắc lại.

- Hãy coi chừng bọn lính ở cửa, - tiếng chú bé vọng vào, và đào ngạch rộng thêm ra.

Mulrady, sau giây phút xao lãng vì chuyện Robert trở về, đã trở lại ngay vị trí quan sát của mình.

- Mọi việc ổn cả, - anh ta nói, - chỉ có bốn đứa thức còn lại ngủ hết trơn.

- Hãy dũng cảm lên! - Wilson nói.

Chỉ trong một phút, lỗ đào đã được mở rộng và Robert lần lượt sa vào lòng ôm chị, rồi của huân tước phu nhân Helena. Chú bé cuốn quanh thắt lưng một sợi dây gai dài.

- Cháu bé, cháu bé của cô, - huân tước phu nhân thầm thì, thế là cháu đã không bị người dã man sát hại.

- Không, cháu không biết thế nào, nhưng trong lúc mọi người náo động, cháu chuồn ngay. Cháu thoát ra khỏi khu vực trại và trốn hai ngày trong bụi cây, đêm mới mò ra. Cháu muốn tìm cách cứu thoát cả đoàn. Trong lúc thổ dân bộ lạc lo liệu chôn cất tên thủ lĩnh bị giết, cháu quan sát khu trại, nơi mọi người bị giam, và thấy cháu có thể đến đó được. Cháu vớ được ở căn nhà vắng một con dao và một sợi dây này, rồi trèo luôn lách qua các bụi cây, dám cõ để đến đây. May sao, tảng đá

làm nên xây nhà này có một cái hang, từ đó cháu chỉ việc đào thêm hai chục phân đất xấp nữa thôi. Thế là cháu gặp được tất cả!

Hai chục cái hôn thâm lặng đáp lại lời của Robert.

- Ta đi thôi! - Chú bé giọng kiên quyết.

- Còn Paganel ở đó à? - Glenarvan hỏi.

- Ông Paganel? - Robert ngạc nhiên hỏi.

- Ừ. Ông ấy đang đợi chúng ta chứ?

- Không đâu, thưa huân tước, chẳng lẽ ông Paganel lại không có ở đây sao?

- Ông ấy không có ở đây, Robert ạ, - Mary Grant trả lời.

- Cháu không thấy ông ấy à? - Glenarvan hỏi. Vậy không phải hai người cùng chạy với nhau sao?

- Không, thưa huân tước, - chú bé đáp, buồn rầu trước cái tin mất tích Paganel.

- Ta đi thôi! - Thiếu tá nói. - Không nên để mất một giây nào hết. Dù Paganel ở đâu thì ông ấy cũng không lâm vào tình trạng tồi tệ như chúng ta ở đây. Ta đi nào!

Cuộc chạy trốn bắt đầu. Mọi người hành động hết sức thận trọng. Người nọ tiếp theo người kia, những người tù đã chui qua cái ngạch hẹp thông ra hang núi. John Mangles, trước khi rời thánh đường, đã xóa tất cả

những dấu vết đào, rồi sau đó, lấy chiếc chiếu che kín ngạch ra. Bây giờ thì đường hào hoàn toàn không thể phát hiện được.

Tiếp đến, phải leo từ trên vách núi dựng đứng xuống. Muốn leo núi phải có sợi dây của Robert mang theo. Sợi dây được gỡ ra, một đầu được buộc vào mỏm đá, còn đầu kia thả xuống dưới.

- Sợi dây này chịu được không quá hai người, - John nói, - vì vậy chúng ta sẽ làm như sau, để huân tước và huân tước phu nhân xuống trước. Khi xuống đến chân núi, huân tước giật sợi dây ba lần báo hiệu những người khác có thể xuống tiếp.

- Nhưng trước hết, cháu xuống đã, - Robert tuyên bố. - Cháu tìm được ở dưới đó một cái hõm làm chỗ trú cho những người xuống trước.

- Cháu xuống đi, bé cưng của ta! - Glenarvan nói, siết tay Robert.

Chú bé tụt xuống. Một phút sau, có tín hiệu ba lần giật dây cho biết chú đã xuống an toàn. Huân tước và huân tước phu nhân lập tức ra khỏi hang. Trời còn tối mù, nhưng những đỉnh núi nhô lên ở phía đông đã bắt đầu hiện lên màu xám.

Cái lạnh đột ngột buổi sớm mai làm cho người thiếu phụ sáng khoái hơn. Đầu tiên là

Glenarvan, kể đến là huân tước phu nhân, leo từ trên mỏm đá xuống sườn núi. Từ đây, Glenarvan dìu vợ đi xuống mé dưới. Ông rờ những bụi cỏ, lùm cây, thử thấy chắc chắn mới cho Helena đặt chân lên. Vài chú chim nào đó hoảng hốt bay vụt lên. Những người chạy trốn rừng mình mỗi khi có hòn đá dưới chân lăn ầm xuống tận chân núi.

Hai người đã tới lưng chừng sườn núi, bỗng từ trên hang có tiếng John Mangles khẽ nói xuống:

- Dừng lại đã!

Glenarvan một tay bám vào bụi cây, tay kia dìu vợ đứng lặng tại chỗ.

Wilson báo hiệu cho John biết có một tên lính đã nghe tiếng động lạ và đứng dậy, đi vào nhà giam. Đứng cách nhà giam hai bước, hắn cúi đầu lắng nghe. Hắn đứng như vậy chừng một phút mà Wilson cảm thấy như hàng giờ. Sau đó, hắn hất đầu lên như hiểu ra mình đã lầm và trở lại chỗ cũ với đồng bọn bên đồng lửa.

- Thế là ổn rồi! - Wilson báo cho John biết.

John ra hiệu cho Glenarvan trèo xuống tiếp. Glenarvan di động một cách thận trọng và chẳng bao lâu ông và Helena đã xuống đến con đường hẹp có Robert chờ sẵn ở đó.

Sợi dây lại giật ba lần và sau đó đến lượt John Mangles và Mary Grant đi vào con đường nguy hiểm. Họ cũng đã xuống đến mặt đất một cách nhẹ nhàng và gặp vợ chồng huân tước mà Robert đã chỉ.

Sau chừng năm phút, tất cả những người chạy trốn may mắn thoát khỏi thánh đường và rời khỏi nơi trú ẩn tạm thời trong hốc đá. Họ đi thật nhanh theo con đường mòn dẫn sâu vào núi, những mong tránh xa nơi người ở để không ai nhìn thấy họ. Họ im lặng lướt đi giữa các bụi cây như những cái bóng.

Bởi vậy, những người chạy trốn cố đi thật xa để bọn lính dã man không đuổi theo kịp. Nhưng đường dốc, họ đi khá chậm chạp. Glenarvan không phải dắt ngựa, mà đúng hơn là công vợ. Mary Grant thì vịn vào tay John Mangles mà đi, đi dẫn đầu đoàn. Hai chàng thủy thủ đi khóa đuôi. Chỉ nửa giờ nữa, từ sau phía chân trời mù sương kia, mặt trời sẽ mọc, thế mà những người chạy trốn cứ phải đi hú họa, bởi vì họ không còn có Paganel dẫn đường nữa. Điều này làm cho họ lo âu như một bóng đen đè lên hạnh phúc của họ. Tuy nhiên, họ vẫn cố gắng đi về phía đông, đón ánh bình minh kỳ diệu vừa ló rạng. Chẳng bao lâu, họ đã ở trên độ cao cách mặt hồ Taupo 150 mét.

Bỗng có tiếng gầm rú khủng khiếp vang lên

- lần trong đó là tiếng la hét của hàng trăm cái họng. Tiếng gầm rú từ khu trại dẫn đến, nhưng đích xác từ chỗ nào thì Glenarvan không hình dung được. Sương mù dày đặc vẫn còn bao phủ những thung lũng trải dài bên dưới.

Những người chạy trốn hiểu rằng việc biến mất của họ đã bị phát hiện.



Những tiếng hô hoán nghe mỗi lúc một gần, và những người chạy trốn cố sức rảo bước. Số lính đuổi theo đã chạy gần đến chân núi.

- Dừng cảm lên! Cố gắng lên các bạn! - Glenarvan động viên và tự mình làm gương.

Không đầy năm phút những người chạy trốn đã lên đến đỉnh núi. Từ đây, họ nhìn chung quanh, phân tích tình hình và lựa đường đi để đánh lạc hướng bọn Maori.

Glenarvan hiểu rằng không thể nấn ná thêm giây phút nào nữa. Dù mệt đến đâu họ cũng phải chạy để khỏi phải sa vào tay những kẻ đang truy đuổi.

- Ta đi xuống núi mau! - Ông hét lên. - Nhanh nhanh, kéo chúng cắt đường mất.

Nhưng khi hai người phụ nữ kiệt sức, cố lấy hết sức bình sinh để đứng dậy thì Mac Nabbs đã ngăn họ lại.

- Làm vậy là thừa, Glenarvan. - Ông ta nói. - Hãy nhìn kia!

Quả thật, trong cách phản ứng của người Maori đã có sự thay đổi khó hiểu. Cuộc tấn công lên núi bỗng nhiên chững lại như làn sóng biển bị núi đá ngăn cản.

Có chuyện gì xảy ra thế? Có sức mạnh vô hình nào kìm các chân thổ dân? Những người chạy trốn thấy vậy mà không hiểu gì cả.

Bỗng John Mangles bật kêu lên. Những người cùng đi nhìn anh ta. Anh ta chỉ cho họ nhìn lên một pháo đài nhỏ nhô cao trên núi.

- Đó là mộ của thủ lĩnh Kara Tété đấy mà! - Robert nói.

- Cháu chắc vậy hả Robert? - Glenarvan hỏi.

- Vâng, thưa huân tước, đúng đó, cháu biết mà...

Glenarvan, thiếu tá, John Mangles, Robert vào bên trong. Họ thấy trong đó có một tên Maori mặc chiếc áo tơi dài bị bóng hàng rào che khuất nên không nhìn rõ mặt hắn ta. Hình như hắn tỏ ra rất bình tĩnh và đang ăn sáng với vẻ ung dung lắm.

Glenarvan đã định bắt chuyện thì tên thổ dân đã lịch thiệp nói trước bằng một giọng tiếng Anh rất chuẩn:

- Xin mời ngồi, thưa huân tước thân mến! Bữa điểm tâm đang đợi ngài đây!

- Paganel!

Nghe giọng nói của ông, mọi người lao vào khu mộ và bắt đầu ôm nhà địa lý vô cùng quý giá. Paganel tài trí thật! Đây chính là sự bảo đảm cứu nguy cho mọi người! Ai cũng muốn hỏi, muốn biết ông ta làm thế nào và tại sao lại lên được đỉnh núi này. Glenarvan đã cắt ngang sự tò mò không đúng lúc ấy bằng một lời ngắn gọn:

- Bọn dã man?

- Bọn dã man! - Paganel nhún vai nhắc lại. - Đó là bọn mà tôi hoàn toàn coi khinh.

- Nhưng chẳng lẽ họ lại không thể. - Huân tước thắc mắc.

- Bởi vì rằng thủ lĩnh của họ chôn ở đây, núi này đã yểm bùa "Tabou"!

- Bùa "Tabou"?

- Đúng, các bạn của tôi ạ! Chính vì thế mà tôi đã lên đây như vào một nơi cư ngụ của những người trung cổ.

- Có trời phù hộ cho ông đó! - Huân tước phu nhân thốt lên khoác tay chỉ lên trời.

- Thật vậy, uy lực thiêng liêng của bùa "Tabou" làm cho những kẻ mê tín dị đoan không dám bén mảng lên đây.

- Còn bây giờ, các bạn tôi, - Paganel nói, - nếu bọn chúng định thi gan với chúng ta thì chúng nhảm to. Không đầy hai ngày nữa chúng ta sẽ thoát khỏi nơi đây.

- Chúng ta sẽ thoát khỏi nơi đây! -
Glenarvan nhắc lại. - Nhưng bằng cách nào?

- Hiện tôi chưa biết đi như thế nào,
nhưng chúng ta phải đi thôi.

Đến đây mọi người đề nghị nhà địa lý kể
cuộc phiêu lưu của mình.

Khi mọi người đã ngồi quanh hàng rào
khu mộ, Paganel đã kể như sau:

- Lúc Kara Tété bị giết, ông cũng như
Robert đã lợi dụng cảnh lộn xộn trốn thoát.
Thật không may ông bị sa vào làng Maori
khác. Ba ngày ròng rã ông bị buộc làm tù
binh. Chúng chưa kịp xử tử ông.

May sao, đêm hôm ấy, Paganel đã khôn
khéo cắt đứt được sợi dây trói và trốn thoát.
Từ xa ông đã nhìn thấy đám tang của Kara
Tété như thế nào. Bây giờ ông đã biết trên
núi Maunganamu có chôn cất viên thủ lĩnh,
do đó núi đã bị yểm bùa "Tabou". Paganel
không muốn phải xa rời những người bạn đã
bị bắt làm tù binh, nên đã quyết định ẩn náu
tại núi. Ông đã thực hiện được ý đồ táo bạo
của mình. Đêm qua, ông đã lên được khu mộ
của Kara Tété.

Tình cảnh của những người chạy trốn
đang còn gay go lắm. Thật vậy, tuy thổ dân
Maori không lên núi, nhưng họ trừ tính cái
đói và cái khát sẽ buộc những người tù binh

trở lại tay họ. Vấn đề chỉ là thời gian, mà dân này thì đủ kiên nhẫn chờ đợi lâu dài.

Glenarvan không gây cho mình những ảo tưởng, nhưng ông quyết định đợi dịp thuận tiện, mà nếu cần thì tạo ra việc ấy. Trước hết, ông xem xét tỉ mỉ núi Maunganamu để tìm cách thoát khỏi đây. Bởi vậy, Glenarvan, thiếu tá và John Mangles, Robert và Paganel đã tìm hiểu kỹ lưỡng hướng đi và độ dốc của từng lối mòn. Đỉnh núi dài một dặm nối liền với dãy núi Wahiti chạy thấp dần xuống đồng bằng. Đỉnh núi này hẹp và ngoằn ngoèo, là lối duy nhất có thể chạy thoát về ban đêm.

Nhưng con đường ấy không phải ít nguy hiểm. Ở phía dưới, đỉnh núi nằm trong tầm súng của lính gác thổ dân, khó ai vượt nổi.

Khi Glenarvan và các bạn của ông đánh liều bước vào đoạn đường nguy hiểm này, lập tức họ bị lính Maori bắn "chào" như mưa. Nhưng không có viên đạn nào bắn tới cả.

Họ quay lại tiếp tục theo các lối mòn lên đỉnh núi, đến mộ của viên thủ lĩnh.

- Anh Edward thân yêu, - Helena nói với chồng khi ông trở về. Các anh đã thăm dò được gì rồi? Chúng ta có thể hy vọng được không hay đáng lo ngại?

- Có nhiều hy vọng, Helena thân yêu ạ, Glenarvan đáp. Bọn Maori không dám lên

sườn núi và như vậy là chúng ta có thời gian để tìm cách chạy...

- Nào bây giờ chúng ta đi vào khu mộ! - Paganel vui vẻ nói. - Đây là pháo đài, đây là nhà ăn, là nơi làm việc của chúng ta. Ở đây không ai quấy rầy chúng ta cả. Thưa quý bà, quý cô, cho phép tôi được tiếp đãi nồng hậu quý bà, quý cô, tại nơi tuyệt diệu này.

Huân tước phu nhân, Mary và những người cùng đi tin chắc rằng sự mê tín của thổ dân Maori còn vượt quá sự tàn bạo của họ, nên cứ thản nhiên đi vào khu mộ.

Trên mộ còn để cả súng và rìu, đầy đủ đạn và thuốc súng sẵn cho cả "một đời người" nơi chín suối.



Đêm tối đã phù hộ cho những người chạy trốn. Họ lợi dụng ban đêm để thoát khỏi bờ hồ Taupo. Paganel dẫn họ đi theo những lối mòn hiện lên lơ mờ trong đêm.

Cứ thế mà họ thoát khỏi khu mộ và mãi miết đi cho tới sáng. Nghỉ ngơi đôi chút rồi họ lại nhắm hướng đông tiến tới. Mãi ngày 23 tháng hai, những người thám hiểm mới đi tới cách núi Maunganamu được năm mươi dặm và đến chân ngọn núi không tên. Chung quanh núi trải rộng những cánh đồng và xa tận chân trời, lại thấy xuất hiện những cánh

rừng lớn. Chiều tối ngày 1 tháng ba, đoàn thám hiểm ra khỏi khu rừng lớn, hạ trại dưới chân núi Ikirangi cao chừng một ngàn sáu trăm bảy mươi mét.

Từ núi Maunganamu đến đây, chặng đường đã đi được khoảng một trăm dặm, tới vùng duyên hải còn chừng ba mươi dặm nữa. Khi John Mangles hy vọng kết thúc chặng đường này, chàng vẫn chưa hy vọng nổi đường đi khó khăn đến mức nào.

Hóa ra những chặng đường đi vòng, những chương ngại khác nhau và việc xác định sai tọa độ đã kéo dài cuộc hành trình thêm một phần đường nữa. Và các nhà thám hiểm đã đến được núi Ikirangi trong trạng thái hoàn toàn kiệt sức.

Muốn ra tới vùng duyên hải còn phải vượt hai ngày đường căng thẳng. Hai ngày liền họ vừa đi vừa phải chặt, phá những cây leo chằng chịt với nhau để mở lối. Đó là thứ cây mà Paganel thích thú xếp vào loại thực động vật Zoofyte.

Trên những cánh đồng này không thể săn bắn được gì. Lương thực, thực phẩm đã cạn mà không có gì bổ sung thêm. Nước đã hết. Họ càng ngày càng mệt lại càng khát. Họ đã trải qua những sự giày vò khủng khiếp và lần đầu họ thấy gần như “lực bất tòng tâm”.

Cuối cùng không bước được nữa, các nhà thám hiểm chỉ còn biết đi theo bản năng và họ cũng đến được bờ biển. Bỗng nhiên, cách họ một dặm, xuất hiện một tốp thổ dân. Chúng vừa đuổi theo vừa vung vũ khí lên. Không còn biết chạy đi đâu nữa, đằng trước là biển hồ. Glenarvan định dồn hết sức còn lại ra lệnh tự vệ, thì John Mangles kêu to:

- Có thuyền! Có thuyền kia!

Đúng là trên bờ cát phẳng, cách những người chạy trốn chừng hai mươi bước, có một chiếc thuyền với sáu mái chèo đã được kéo lên bờ. Việc đẩy thuyền xuống nước, nhẩy lên và bơi khỏi bờ chỉ mất một phút. John Mangles, Mac Nabbs, Wison và Mulrady ngồi bơi, Glenarvan lái, hai người phụ nữ, Oblinett, Paganel và Robert ngồi phía sau thuyền. Sau mười phút, chiếc thuyền đã ra khỏi bờ một phần tư dặm. Biển lúc đó đã im.

- Ra khơi! - Viên thuyền trưởng trẻ hô to.

Thà chết ngoài biển khơi còn hơn. Bốn người gò mình chèo và chiếc thuyền lướt ra biển khơi. Nửa giờ sau, khoảng cách giữa họ và những người thổ dân truy bắt không rút ngắn lại, nhưng những người chạy trốn bất hạnh đã kiệt sức, yếu đi và thuyền của đối phương xấp lại gần. Khoảng cách giữa họ còn không đầy hai hải lý. Như vậy, chắc chắn các thổ dân sẽ tấn công. Kìa, chúng đã giương

những khẩu súng dài ngắm bắn! Glenarvan đứng trên mạn lái nhìn về phía chân trời với niềm hy vọng mãnh liệt vào một cái gì đấy...

Bỗng mắt ông ngời lên, tay đưa về phía trước, chỉ vào một cái gì đó đằng xa.

- Tàu! - Ông kêu to. - Tàu kia, các bạn của tôi ơi hãy chèo đi! Chèo mạnh lên!

Không có ai trong số bốn tay chèo ngoài lại để nhìn con tàu xuất hiện đột ngột ấy, không thể bỏ lỡ một nhịp chèo nào được. Chỉ có riêng Paganel đứng dậy, hướng ống nhòm về phía Glenarvan chỉ.

- Đúng! - Nhà địa lý nói. - Đằng ấy có chiếc tàu. Tàu chạy bằng hơi nước, đang mở hết tốc lực! Chạy về phía chúng ta!

Glenarvan đẩy tay lái cho Robert, chộp chiếc ống nhòm của Paganel chăm chú nhìn dõi theo từng chuyển động của con tàu.

- Duncan! - Glenarvan gằn như thét lên. - Duncan và tội phạm.

- Duncan! - John Mangles cũng kêu lên buông tay chèo đứng dậy.

- Thôi chết rồi! Thần chết đã rình đón chúng ta từ cả hai phía. - Glenarvan thất vọng.

Mọi con đường đều đã bị cắt đứt. John Mangles không biết bơi thuyền đi đâu nữa. Hai người phụ nữ vô cùng khiếp sợ. Quỷ sụp

xuống và bắt đầu cầu nguyện. Số thổ dân bắn dồn dập, đạn găm như mưa quanh chiếc thuyền. Bỗng trên tàu buồm găm lên một tiếng súng và viên đạn đại bác vèo vèo bay qua đầu những người chạy trốn. Ở giữa hai làn đạn, họ lạng người đi. John Mangles sau khi hoàn hồn, đã cầm chiếc rìu. Anh định bổ vỡ đáy thuyền cho nó đắm cùng với tất cả mọi người, nhưng Robert ngăn lại.

- Tom Austin! Tom Austin! - Chú bé gào to. - Chú ấy ở trên boong tàu! Cháu nhìn thấy chú ấy rồi! Chú ấy nhận ra chúng ta rồi! Chú ấy đang vẫy mũ kia!

Chiếc rìu của John vừa vung lên liền dừng phắt ngay lại. Viên đạn thứ hai rít qua đầu họ, rơi trúng chiếc thuyền thổ dân gần nhất, phá vỡ làm đôi. Trên tàu Duncan vang lên tiếng hoan hô. Các thổ dân hoảng sợ quay thuyền lại, chạy thục mạng vào bờ.

- Lại đây! Lại đây, Tom! - John Mangles lớn tiếng gọi.

Mấy phút sau những người chạy trốn đã được an toàn lên tàu Duncan, mặc dù chưa hiểu chuyện gì đã xảy ra.

16. GIẢI THÍCH HẢI TRÌNH CỦA TÀU DUNCAN

Không thể nào tả xiết tình cảm của Glenarvan và những người bạn của ông. Lúc đặt chân lên boong tàu Duncan, người lính kèn hơi đã chơi bài thiếu của xứ sở Malcolm xa xưa, và những tiếng đồng thanh hoan hô vang lên chào đón huân tước trở về với con tàu của mình.

Glenarvan, John Mangles, Paganel, Robert và thậm chí cả thiếu tá nữa, ai nấy nước mắt rưng rưng ôm nhau thắm thiết. Thật là một trận vui sướng đến phát điên lên. Nhà địa lý hoàn toàn mất trí, ông nhảy múa như điên và lúc nào cũng chìa ống nhòm về phía những chiếc thuyền thổ dân còn nguyên vẹn đang bơi vào bờ.

Mặc dù vậy, Glenarvan chưa nghĩ đến việc nghỉ ngơi, ăn uống. Trước hết, ông lo hỏi chuyện Tom Austin đã.

Người thủy thủ già trả lời Glenarvan.

- Thế bọn tội phạm đâu? - Glenarvan hỏi.
- Các anh đã đối phó với bọn tội phạm như thế nào?

- Bọn tội phạm nào? - Tom Austin ngạc nhiên hỏi lại.

- Cái bọn bất nhân đã tấn công lên tàu ấy mà!

- Tàu nào? Tàu của ta phải không, thưa huân tước?

- Ừ, đúng rồi, tàu Duncan ấy! Vì tên Ben Joyce đã đến gặp anh kia mà!

- Tôi không biết tên Ben Joyce nào cả, tôi chưa hề nhìn thấy hắn bao giờ.

- Sao? ...Chưa bao giờ à? - Glenarvan ngạc nhiên trước câu trả lời của người thủy thủ già.

- Vậy thì Tom, anh hãy nói cho tôi biết, tại sao Duncan lại chạy dọc theo bờ biển New Zealand?

- Nhưng Duncan chạy ở đây là theo lệnh của ngài đấy chứ, thưa huân tước. - Tom bình tĩnh trả lời.

- Theo lệnh của tôi?... - Glenarvan ngăn người ra.

- Đúng thế, thưa huân tước, tôi chỉ thực hiện theo lệnh của ngài viết trong thư ngày 14 tháng giêng.

- Theo lệnh của tôi? Theo thư của tôi à? - Glenarvan thét lên.

Lập tức cả chín người du hành vây quanh Tom Austin và nhìn anh ta chăm chú? Có

nghĩa là lá thư viết ở bờ sông Snowy anh ta vẫn nhận được?

- Vâng, ở Melbourne, đúng lúc tôi vừa hoàn tất việc sửa chữa tàu.

- Thế cái thư ấy thế nào?

- Thư không phải do huân tước viết, nhưng chữ ký là của huân tước.

- Đúng thế. Và cái thư ấy là do tên tội phạm Ben Joyce đưa anh phải không?

- Không, thưa huân tước, do một thủy thủ tên là Ayrton, hoa tiêu trên tàu Britannia đưa.

- À ra thế! Ayrton và Ben Joyce cũng là một mà thôi! Vậy trong thư nói gì?

- Trong thư có lệnh rời Melbourne và đi về vùng duyên hải phía đông...

- ... Australie? - Glenarvan nóng nảy kêu lên, khiến người thủy thủ già lúng túng.

- Australie à? - Tom ngạc nhiên hỏi lại, mắt trố ra. - Không, phía đông New Zealand chứ!

- Anh cứ bình tĩnh Tom, - huân tước phu nhân dịu dàng nói. - Đó là ý trời đã định.

Anh ta bối rối đỏ mặt lên:

- Không đâu ạ, xin lỗi huân tước phu nhân, - người thủy thủ nói, - không thể thế được, tôi không nhầm đâu! Ayrton cũng đã đọc lá thư ấy đúng như thế. Và chính hắn,

còn muốn tôi cưỡng lệnh, cho tàu đi đến bờ biển Australie mà.

- Ayrton à? - Glenarvan hỏi.

- Chính hẳn. Ayrton đã cam đoan rằng như vậy là sai lầm, rằng nơi hẹn gặp nhau là Twofold - Bay kia!

Riêng thiếu tá nhìn Paganel chăm chăm, rồi hai tay khoanh chéo trước ngực, ông nói:

- Này, anh biết không Paganel, như vậy thì thực là quá dỗi!

- Hả, anh nói sao? - Nhà địa lý lúng túng.

Austin quay trở lại, anh ta cầm lá thư do Paganel viết và Glenarvan ký.

- Xin mời huân tước đọc. - Austin nói.

Glenarvan cầm lá thư và bắt đầu đọc:

"Tôi ra lệnh cho Tom Austin nhổ neo ra khơi và đưa Duncan theo vĩ tuyến 37, đến vùng duyên hải phía đông New Zealand..."

- New Zealand! - Paganel kêu lên. Ông ta giằng lấy lá thư trong tay Glenarvan, lau mắt, đẩy chiếc kính xuống mũi và đọc thư một mình.

- New Zealand! - Ông ta nhắc lại bằng một giọng khó tả và đánh rơi lá thư.

Đúng lúc ấy ông cảm thấy có bàn tay của ai đó đặt lên vai của ông. Ông ngẩng đầu lên, trước mặt ông là thiếu tá.

- Biết làm sao được, ông Paganel đáng kính. - Mac Nabbs nói bằng một giọng điềm tĩnh. - Vẫn còn may là ông chưa phái Duncan đi Đông Dương!

Câu nói đùa ấy thật là tai hại cho nhà bác học tội nghiệp. Mọi người bật lên một chuỗi cười thân ái giòn như pháo nổ, Paganel, như người điên, cứ đi tới đi lui, tay ôm đầu và bứt tóc. Chính bản thân ông cũng không biết ông đang làm gì... Ông rời tầng lầu đi xuống cầu thang và bước đi băng quơ, dừng hết ở boong dưới rồi lại lên mũi tàu...

Khi nhà bác học bình tĩnh lại, Glenarvan nói với ông:

- Bây giờ, Paganel, ngài hãy trả lời tôi một cách thành thực nhé. Tôi thừa nhận sự nhầm lẫn của ngài hóa ra lại may. Giá như không có ngài thì Duncan không còn nghi ngờ gì nữa, đã rơi vào tay bọn tội phạm. Giá như không có ngài thì những thổ dân man rợ đã lại bắt được chúng ta. Nhưng lạy chúa, xin ngài cho biết, cái điều quái gở nào đã khiến ngài, thay vì viết "Australie", lại viết thành "New Zealand"?

- Ô, quý thật, - Paganel kêu lên, - đó là vì... Nhưng vừa đến đây, mắt ông dừng lại nơi Robert và Mary Grant. Ông nghẹn lời.

Paganel thôi không nói nữa. Sự xuất hiện

bí mật của Duncan đã giải thích tất cả. Các nhà du hành được cứu thoát một cách kỳ diệu ấy trở về căn phòng ấm cúng của mình, sớm muốn được ăn...

Huân tước phu nhân Helena, Mary Grant, thiếu tá, Paganel và Robert vừa đi khỏi, còn Glenarvan và John Mangles vẫn nán lại trên tàu, muốn được hỏi han thêm Tom Austin.

- Nào, bây giờ anh Tom già của tôi, - Glenarvan nói, - anh cho tôi biết điều này nhé! Lệnh cho tàu chạy dọc theo bờ biển New Zealand không làm cho anh thấy lạ sao?

- Vâng, thưa huân tước, thừa nhận rằng, lúc ấy tôi rất ngạc nhiên, - người thủy thủ trả lời, - nhưng tôi không quen bàn luận những mệnh lệnh nhận được và đã thi hành.

- Nhưng, lúc ấy anh nghĩ gì? - Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước, lúc ấy tôi đã nghĩ rằng, vì lợi ích của Harry Grant cần phải đến nơi mà huân tước đã ra lệnh, rằng kế hoạch của huân tước đã thay đổi và huân tước đã đi New Zealand trên một chiếc tàu nào đó. Còn tôi thì tôi phải đợi huân tước ở vùng duyên hải phía đông. Khi rời Melbourne thậm chí tôi không nói cho ai biết mình đi đâu và mãi khi chúng tôi ra đến ngoài khơi và bờ biển Australie đã khuất tầm mắt thì đoàn thủy thủ

mới được biết điều đó. Nhưng lúc ấy đã xảy ra điều mà tôi không ngờ.

- Chuyện gì thế, Tom? - Glenarvan hỏi.

- Chuyện là, ngày hôm sau, khi rời khỏi Melbourne thì hoa tiêu Ayrton đã biết tàu Duncan đi đâu.

- Ayrton! - Glenarvan kêu lên. - Vậy hắn đang ở trên tàu à?

- Vâng, thưa huân tước.

- Hắn đâu? - Glenarvan hỏi.

- Bị giam trong phòng, dưới mũi tàu - Tom Austin đáp.

- Tại sao anh lại giam hắn?

- Vì khi Ayrton biết tàu đi New Zealand thì hắn tức giận, định bắt tôi phải thay đổi hướng đi của tàu. Hắn đã hăm dọa và cuối cùng xúi giục đoàn thủy thủ nổi loạn. Tôi hiểu rằng đó là một tên nguy hiểm và buộc phải cảnh giác cách ly hắn.

- Và từ đó đến nay...

- Và từ đó đến nay hắn ngồi trong phòng giam.

- Tốt lắm, Tom.

Đến đây, Glenarvan và John Mangles được mời lên phòng chung. Bữa ăn sáng đã được dọn sẵn, sau khi tất cả những người du hành đã tỉnh táo lại và tập hợp trên boong,

Glenarvan báo cho họ biết là tên hoa tiêu Ayrton đang ở trên tàu Duncan. Ông nói thêm rằng ông muốn hỏi cung hắn trước mặt mọi người.

- Có thể cho em miễn dự cuộc hỏi cung được không?. Huân tước phu nhân hỏi. Edward thân yêu, em rất khó chịu khi nhìn thấy tên bất lương này.

- Đây sẽ là một cuộc đối chất Helena ạ, Glenarvan trả lời. Anh rất mong em ở lại. Cần phải để cho tên Ben Joyce đối mặt với tất cả những nạn nhân của hắn.

Điều ấy đã thuyết phục được Helena. Nàng và Mary Grant ngồi xuống cạnh Glenarvan. Còn chung quanh họ là thiếu tá, Paganel, John Mangles, Robert, Wilson, Mulrady, Oblinett, tất cả những ai đã từng phải chịu đựng những nỗi đau thương do sự phản bội của tên tội phạm gây ra. Đoàn thủy thủ của tàu chưa biết hết tầm quan trọng của sự kiện này, họ hoàn toàn im lặng.

- Dẫn Ayrton ra đây! - Glenarvan ra lệnh.

17. BẢN GIAO KÈO

Những người thủy thủ dẫn gã hoa tiêu đến rồi lập tức đi ngay.

- Ayrton - Glenarvan bắt đầu. - Thế là bây giờ chúng ta, đang ở trên tàu Duncan mà người định cướp đoạt.

Rồi gã hoa tiêu run run, gã không nói gì cả. Trông gã rất bình tĩnh. Glenarvan cho mời thiếu tá và Paganel đến phòng chung. Họ chăm chú nhìn gã. Ayrton có lẽ lưỡng lự. Sau vài phút sắp xếp ý. Gã nói:

- Tôi có thể đề xuất cùng ông một bản giao kèo được không?

- Bản giao kèo là thế nào? - Huân tước hỏi.

- Ngài hãy cho tôi lên một hòn đảo hoang ở Thái Bình Dương và hãy cho tôi những gì cần thiết nhất.

Ở đó tôi sẽ tự lo liệu cuộc sống cho mình. Còn với thời gian thì biết đâu được. Rất có thể tôi sẽ ăn năn hối cải.

Glanarvan không lường trước được lời đề nghị như thế! Sau khi suy nghĩ ông nói với gã hoa tiêu:

- Nếu ta thực hiện yêu cầu của người thì người sẽ kể hết những điều ta cần biết chứ?

- Vâng! Thưa huân tước, nghĩa là tất cả những gì tôi biết về thuyền trưởng.

- Nói đi, Ayrton, - Glenarvan giục.

- Tôi vẫn chưa được các ông chấp nhận đề nghị của tôi kia mà. Vả lại, tôi xin khẳng định một cách không do dự rằng tôi biết về Harry Grant không bao nhiêu đâu.

- Không bao nhiêu! - Glenarvan thốt lên.

- Vâng, thưa huân tước. Những tình tiết tôi nói cho các ông biết đều liên quan đến cá nhân tôi. Không biết liệu có giúp gì cho các ông tiếp tục lần theo dấu tích đã mất không.

- Chúng tôi sẽ không hỏi nữa, - Glenarvan nói, - người hãy tự kể tất cả những gì người biết, và trước hết người hãy nói người là người như thế nào?

- Thưa các ngài, - Ayrton bắt đầu. - Tôi đích danh là Tom Ayrton, hoa tiêu của tàu Britannia. Ngày 12 tháng ba năm 1861, tôi rời cảng Glassgow trên chiếc tàu của Harry Grant. Mười bốn tháng trời chúng tôi cùng ông ta rẽ sóng Thái Bình Dương đi tìm một nơi thích hợp để làm vùng di dân Scotland. Harry Grant là một người sinh ra để làm nên những sự nghiệp lớn, nhưng tôi và ông ta thường có những cuộc đụng độ nghiêm trọng.

Tính cách của ông ấy không hợp với tôi. Tôi đã có lần dám đứng lên chống lại ông ta. Tôi định gây loạn trong đoàn thủy thủ và chiếm đoạt tàu. Tôi làm như vậy đúng hay sai, điều ấy không quan trọng. Dầu sao thì ngày 8 tháng tư năm 1862, Harry Grant cũng đã đẩy tôi lên vùng duyên hải phía tây Australie. Thế là tôi lủi thủi một mình trên bờ biển gần như hoang vắng, nhưng chỉ cách trại giam Perth vền vện hai mươi hải lý. Trong khi lang thang trên bờ tôi gặp một toán phạm nhân vừa trốn trại và tôi đã nhập vào bọn họ. Tôi xin phép các ông không kể về đời tư của tôi trong hai năm rưỡi vừa qua. Tôi chỉ xin nói rằng tôi núp dưới cái tên Ben Joyce và trở thành người cầm đầu băng cướp. Tháng 9 năm 1864 tôi đến trang trại của người Irlande nọ và vào làm công cho ông ta với cái tên thật là Ayrton. Tôi chờ đợi có dịp thuận lợi là cướp một chiếc tàu nào đó. Đó là ước mơ tha thiết của tôi. Hai tháng sau thì Duncan xuất hiện. Khi đến trang trại, ngài huân tước đã kể lại toàn bộ lai lịch về thuyền trưởng Grant. Qua đó tôi mới biết những gì mà trước đây tôi chưa biết, chẳng hạn như việc Britania đã đậu ở cảng Callao, những tin tức cuối cùng về chiếc tàu là vào tháng sáu năm 1862 (hai tháng sau khi tôi bị đẩy lên bờ biển), chuyện lá thư bỏ trong chai, chuyện

chiếc tàu bị đắm ở vĩ tuyến 37. Cuối cùng, tôi được biết các ông có kết luận xác đáng là cần phải đi tìm Harry Grant ở lục địa Australie. Tôi không lưỡng lự chút nào nữa, liền quyết định chiếm đoạt Duncan, một chiếc tàu tuyệt diệu, vượt xa cả những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội tàu Anh... Nhưng Duncan lúc ấy đang bị hỏng nặng. Tôi đã đề nghị đưa tàu đến Melbourne, còn bản thân tôi thì xin làm người dẫn đường cho các ông đến nơi tàu Britania bị đắm ở vùng duyên hải phía đông Australie. Bằng cách đó tôi có cơ dẫn đoàn thám hiểm của các ông đi qua tỉnh Victoria. Đồng bọn của tôi đã theo dõi các ông, lúc thì đi sau, lúc thì vượt lên trước. Chính bọn chúng đã gây nên tội ác ở cầu Camden. Nếu tàu Duncan mà đến được bờ biển phía đông Australie thì đã không thoát khỏi sa vào tay tôi, mà với một chiếc tàu như thế thì tôi đã trở thành bá chủ đại dương. Thưa ngài, đó là tất cả những gì tôi muốn nói. Rủi thay, những lời thú tội này không giúp ích các ngài tìm ra dấu tích của Harry Grant. Như các ngài thấy đó, việc giao kèo với tôi ít có lợi cho các ngài.

Thiếu tá hỏi gã hoa tiêu về một số mốc thời gian có liên quan đến tàu Britania.

- Như vậy là người đã bị dày lên bờ biển phía tây Australie ngày 8 tháng tư năm 1862?

- Đúng thế.

- Thế người có biết trong thời gian ấy Harry Grant có kế hoạch gì không?

- Đây là tất cả những gì mà tôi có thể nói cho các ngài, thuyền trưởng Grant đã dự tính đến New Zealand. Khi tôi còn ở tàu Britania thì những ý định đó ông ta chưa thực hiện. Như vậy, không thể loại trừ khả năng thuyền trưởng Grant khi rời cảng Callao đã đi thẳng New Zealand. Điều đó khớp với thời gian đắm tàu được nói ở trong thư là ngày 27 tháng sáu năm 1862.

- Hoàn toàn đúng như vậy. - Paganel lên tiếng.

- Nhưng mà không có từ nào trong lá thư nói đến New Zealand. - Glenarvan bác lại.

- Về điều này thì tôi không thể trả lời cho các ngài được! - Gã hoa tiêu nói.

Gã hoa tiêu ra khỏi phòng có hai thủy thủ đi kèm.

- Tên bất lương này có thể trở thành một người chân chính. - Thiếu tá nói.

- Đúng, - Glenarvan tán thành. - Hấn thông minh, kiên quyết, nhưng phải hướng hấn làm những điều thiện kia.

- Thế còn Harry Grant?

- Tôi sợ không thể tìm được ông ta. Tội

ngiệp cho những đứa con của ông ấy. Ai có thể nói được cha chúng bây giờ ở đâu?

- Tôi. - Paganel lên tiếng, - vâng, tôi...

- Ngài ư? Paganel? Ngài biết thuyền trưởng Grant đang ở đâu? - Huân tước kêu lên.

- Vâng, nói chung là có thể biết được, - nhà địa lý đáp.

- Làm sao ngài biết?

- Tất nhiên là từ bức thư ấy mà ra.

- À! - Giọng thiếu tá đầy vẻ nghi ngờ.

- Trước hết, ông hãy nghe đã, Mac Nabbs, rồi sau hãy nhún vai... - nhà địa lý nhận xét. - Tôi bấy lâu vẫn im lặng, biết rằng, dù sao ông vẫn không tin tôi. Vậy thì nói ra để làm gì? Nếu như bây giờ tôi quyết định nói ra điều ấy thì đó chỉ là những lời của Ayrton đã xác nhận giả định của tôi mà thôi.

- Nghĩa là thuyền trưởng Grant đang ở New Zealand sao? - Glenarvan hỏi.

- Xin ngài hãy nghe tôi, rồi sau đó ngài tự xác định, - Paganel trả lời. - Sự sơ suất trong lá thư cứu chúng ta ấy không phải là tình cờ đâu, có thể giải thích được. Khi tôi viết lá thư theo lời đọc của huân tước, thì từ "New Zealand" cứ ám ảnh tôi hoài. Hôm ấy thiếu tá đã đưa cho Helena tờ báo "Australian và New Zealand". Trong đó có bài tường thuật về tai

nạn xe lửa đó. Lúc tôi viết thư, tờ báo ấy nằm trên sàn xe, được gấp lại, tên tờ báo bằng tiếng Anh bị lấp đi, tôi chỉ còn trông thấy có hai âm tiết cuối cùng là "Aland". Thế là tôi bỗng thấy lóe lên một niềm hy vọng. Trong bức thư được viết bằng tiếng Anh cũng có y hệt từ "Aland" như thế. Trước nay ta vẫn cho rằng từ ấy có nghĩa là "lên mặt đất". Nhưng thực ra đó là đuôi của từ "Zealand".

- Có chuyện gì nữa đây? - Glenarvan ngạc nhiên bật dậy.

- Ôi! Sao mà khéo tưởng tượng thế, ngài Paganel. - Mac Nabbs nói - Sao ngài dễ quên những điều kết luận trước kia của ngài thế!

- Không đâu, thiếu tá, tôi sẵn sàng trả lời ngài về tất cả mọi điều.

- Thế thì xin ngài cho biết ngài giải thích như thế nào về từ "Austral"!

- Cũng vẫn như lúc đầu thôi. Nó có nghĩa là "ở phía nam".

- Hay lắm! Thế còn những chữ "indi" mà lúc đầu ngài giải thích là "indiens" - "những người da đỏ", sau đó lại giải thích là "indigènes" - "những người thổ dân"? Thế bây giờ ngài hiểu từ đó như thế nào?

- Lời giải thích thứ ba cũng là lời giải thích cuối cùng như sau: đó là những chữ đầu của từ indigence - "thiếu thốn".

- Còn từ "contin" có nghĩa là "lục địa" như cũ không? - Mac Nabbs hỏi.

- Không, tất nhiên rồi, vì New Zealand chỉ là đảo.

- Vậy thì thế nào? - Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước thân mến, bây giờ tôi xin đọc cho ngài nghe nội dung của lá thư theo cách giải thích mới, cách giải thích thứ ba rồi ngài sẽ tự hiểu.

Paganel chậm rãi và đọc đồng dục như sau:

"Ngày 27 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania đi từ cảng Glassgow, sau thời gian "hấp hối" kéo dài, đã bị đắm ở bờ biển phía nam, gần bờ biển New Zealand (theo bản tiếng Anh là Zealand). Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã thoát được lên bờ. Ở đây thường xuyên bị thiếu thốn cùng cực, họ đã thả bức thư này ở kinh độ... và vĩ độ 37° 11'. Hãy đến cứu giúp họ, hoặc là họ sẽ bị chết".

Paganel im lặng. Lời giải thích bức thư như vậy hoàn toàn có thể chấp nhận được. Nhưng chính vì nó tưởng như đúng sự thật nên nó vẫn có thể sai. Bởi vậy mà cả Glenarvan lẫn thiếu tá đều bài bác nó. Tuy nhiên, nếu dấu tích của Britania đã không được tìm thấy ở cả bờ biển Patagonia lẫn bờ

biển Australie, nơi vĩ tuyến 37 đi qua, thì tất nhiên có cơ hội tìm thấy ở New Zealand.

Khi nhà địa lý nói điều đó, các bạn của ông lấy làm ngạc nhiên.

- Paganel, xin ngài cho biết, - Glenarvan nói với ông, - tại sao suốt hai tháng qua ngài cứ giữ kín lời giải thích ấy?

- Là vì, lời giải thích của tôi, dù có đúng đi nữa, thì khi ấy cũng không thể giúp gì cho việc cứu thuyền trưởng.

- Tại sao ngài lại nghĩ như vậy?

- Vì rằng, nếu từ đó đến nay đã hai năm rồi, mà không thấy thuyền trưởng ở đâu, có nghĩa là ông đã mất, hoặc là trong vụ đắm tàu, hoặc là trong tay người New Zealand.

- Ngài nghĩ vậy?... - Glenarvan hỏi.

- Tôi nghĩ rằng, có thể là chúng ta tìm được dấu vết của Britannia, nhưng những người bị nạn thì chết mất rồi, không bao giờ trở lại.

- Các bạn của tôi, đừng nên nói ra điều này, - Glenarvan nói. - Hãy thu xếp cho tôi một dịp thích hợp, để tôi báo tin ấy cho những đứa con thuyền trưởng Grant.

18. TIẾNG KÊU TRONG ĐÊM

Chẳng mấy chốc cả đoàn thủy thủ Duncan đã biết rằng những điều thông báo của Ayrton không rọi thêm tia sáng nào cho số phận thuyền trưởng Grant. Ai nấy đều chán nản vô cùng.

Vậy nên con tàu vẫn trở về hướng cũ. Chỉ còn việc chọn một hòn đảo cho Ayrton lên đó.

Paganel và John Mangles đảm nhận việc này. Họ mang bản đồ hàng hải ra xem. Đúng trên vĩ tuyến 37 có một mảnh đất nhỏ có tên là mỏm đá ngầm Maria Thérésa. Đó là hòn đảo nhỏ chơi vơi giữa Thái Bình Dương, cách bờ biển châu Mỹ ba ngàn năm trăm hải lý và cách New Zealand một ngàn năm trăm hải lý. Phía bắc giáp vùng đất gần nhất là quần đảo Pomotou đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp. Phía nam không giáp hòn đảo nào, thông đến tận vùng nam cực. Tàu bè không khi nào ghé lại qua hòn đảo hoang vắng này.

Ayrton được chỉ cho biết vị trí của đảo trên bản đồ. Đó là đảo Maria Thérésa. Gã hoa tiêu chấp nhận sống một mình ở đó. Con tàu lúc đó đang trên đường thẳng từ vịnh Talcahuano đến Maria Thérésa.

Tám giờ tối Duncan còn cách đảo Maria Thérèse vùn vụt năm hải lý.

Mười giờ tối trên đảo nhỏ bùng lên một ngọn lửa khá sáng. Ngọn lửa tỏa sáng đều và bất động.

- Đúng là ngọn lửa thật, chứ không phải là hiện tượng của núi lửa hoạt động, Paganel nói. Hình như ngọn lửa cũng nhấp nháy giống như hải đăng.

- Ông nói đúng, John lên tiếng. Nhưng trên vùng bờ biển này không có hải đăng. Ô kìa! Anh ta reo lên. Lại có thêm một ngọn lửa nữa, đúng ngay trên bờ. Các ông nhìn kìa, ngọn lửa đang lay động, di chuyển!

John đã không lầm, đúng là một ngọn lửa khác vừa xuất hiện. Hình như lúc nó tắt đi, lúc lại cháy lên.

- Thế là đảo có người ở? - Glenarvan hỏi.

- Có lẽ thổ dân, - Paganel trả lời. - Nhưng nếu vậy thì chúng ta không thể cho gã hoa tiêu lên bờ được.

- Tất nhiên là không. - Thiếu tá xen vào.

- Vậy thì chúng ta tìm một hòn đảo khác không có người ở. - Glenarvan nói.

Lúc ấy hai chị em Mary Grant và Robert lên boong tàu trên. Những đứa con của thuyền trưởng Grant chống khuỷu tay lên lan

can tàu, buồn bã nhìn biển lấp lánh dạ quang. Mary nghĩ về tương lai của Robert, Robert thì nghĩ về tương lai của chị. Và cả hai chị em cùng nghĩ tới cha.

Nỗi khổ đau làm cho chú bé trở thành người lớn trước tuổi. Chú đoán được những ý nghĩ đang làm cho chị lo âu.

- Chị Mary, - chú bé nắm tay chị, - đừng có bao giờ thất vọng chị ạ. Chị hãy nhớ, cha của chúng ta, đã dạy chúng ta những gì? Từ trước đến nay, chị đã làm việc vì em, còn bây giờ đến lượt em, em sẽ lao động vì chị.

- Em sẽ xa chị à? - Mary kêu lên, nắm chặt tay em.

- Vâng, chị ạ, em sẽ làm thủy thủ, giống như cha, giống như thuyền trưởng John! Chị Mary, chị Mary yêu quý, vì rằng thuyền trưởng John chưa mất hy vọng tìm thấy cha kia mà. Chị hãy tin vào lòng trung thành của chàng thủy thủ giỏi, và chúng ta sẽ cùng anh ấy đi tìm cha. Chị nói chị đồng ý đi. Trách nhiệm của chúng ta - trách nhiệm của em - là làm tất cả những gì mà cha đã làm cho chúng ta. Em chỉ có mục đích sống là tìm bằng được cha. Chị Mary yêu quý, cha của chúng ta nhân hậu biết bao!

Mary ôm em vào ngực và chú bé cảm thấy những giọt nước mắt của chị lăn trên trán chú.

- Chị Mary! Chị Mary! - Robert gọi. Một người như cha của chúng ta không thể chết nếu như chưa hoàn thành sự nghiệp của mình đến cùng!

Mary Grant không thể đáp lại điều gì, cô nghẹn ngào nức nở. Cô gái vô cùng xúc động trước ý định của chàng thuyền trưởng trẻ muốn tiếp tục tìm kiếm người cha của cô, và trước lòng chung thủy vô hạn của chàng.

- Thế nghĩa là John vẫn còn hy vọng? - Cô hỏi.

- Vâng, - Robert đáp. - John là anh của chúng ta và sẽ không bao giờ rời bỏ chúng ta. Và em cũng sẽ trở thành thủy thủ để cùng với anh ấy tìm cha chị nhé, chị Mary? Chị có đồng ý không?

- Tất nhiên là đồng ý chứ! Nhưng mà phải xa nhau... - cô gái khẽ nói.

- Chị không phải đơn độc đâu, chị Mary ạ! Anh John đã nói với em rằng huân tước phu nhân không chịu rời chị đâu. Chị là phụ nữ, là chị gái kia mà, vậy chị cần phải tiếp nhận sự giúp đỡ của bà ấy. Từ chối là vô ơn đấy. Còn em là đàn ông có nghĩa là em cần phải - như cha đã nhiều lần dặn dò em - tự rèn lấy số phận mình.

- Nhưng còn ngôi nhà thân yêu của chúng ta ở Dundee thì sao? Biết bao nhiêu kỷ niệm đã gắn bó chúng ta với ngôi nhà ấy!

- Chúng ta giữ nguyên nó chị ạ! Mọi việc sẽ ổn hết. Anh John của chúng ta và huân tước Glenarvan đã nghĩ hết mọi điều rồi. Chị sẽ sống với ông bà huân tước Glenarvan ở lâu đài Malcolm như con gái của ông bà. Tự huân tước đã nói với anh John như vậy, anh ấy nói lại cho em biết. Chị sẽ ở đó với ông bà cũng như ở nhà thôi và chị sẽ có người để mà tâm sự về cha. Rồi một ngày nào đấy em và John sẽ đưa cha về với chị! Ô, như thế kỳ diệu biết bao! Robert nói vẻ đắc chí.

- Em trai của chị, thằng bé con của chị, cha sẽ hạnh phúc biết bao nếu cha được nghe em nói! - Mary nói.

- Robert yêu quý, sao em giống cha thân yêu của chúng ta đến thế! Khi nào trở thành một người đàn ông, em sẽ giống cha như đúc!

- Ôi, chị Mary! - Chú bé nói, đỏ mặt lên vì tự hào của một đứa con có hiếu.

- Nhưng chúng ta biết lấy gì tạ ơn ông bà huân tước Glenarvan? - Mary nói.

- Ô, điều đó chẳng khó gì đâu! - Robert tuyên bố với lòng tự tin của một chàng trai trẻ. Chúng ta sẽ yêu kính ông bà, sẽ nói cho ông bà biết như thế, còn đến khi nào cần thì chúng ta sẽ hy sinh đời mình vì ông bà ấy!

Vừa lúc ấy một cái gì đó rất lạ xảy ra. Đường như có một lực nam châm nào đó hút

hai chị em lại, cùng lúc gây cho chúng có chung một ảo giác giống nhau. Bỗng chúng thấy như từ trong lòng những lớp sóng biến hóa, lúc thì đen, lúc lại sáng lóa, có tiếng ai đó vang lên. Và tiếng kêu đau khổ sâu xa đã vào tận đáy lòng chúng.

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!... - Tiếng kêu vọng lên.

- Chị Mary có nghe thấy không, có nghe thấy không? - Robert hỏi.

- Hai chị em cúi vội người qua mạn tàu, bắt đầu lắng nhìn bóng đêm, nhưng không thấy gì cả - chỉ thấy bóng đêm trải dài vô tận trước mắt chúng.

- Robert, - Mary vội nói, - mặt tái nhợt đi vì hồi hộp, - chị cảm thấy... ừ chị cũng cảm thấy như em. Hai chị em mình đang mê sáng hay sao ấy, Robert yêu quý ạ!

Nhưng tiếng người kêu cứu lại vang lên, lần này lớn hơn đến nỗi hai chị em cùng bật ra tiếng kêu:

- Cha! - Cha!

Mary không thể kiềm chế được nữa. Cô xúc động ngất đi.

- Cứu tôi với! - Robert kêu lên. Chị! Cha!... Cứu tôi với.

Thủy thủ lái tàu đã lao đến nâng cô gái bị ngất xỉu dậy. Các thủy thủ trực phiên chạy

lại. John Mangles, vợ chồng huân tước Glenarvan bị tiếng ồn ào đánh thức, đã có mặt ngay.

- Chị cháu bị chết giấc! Còn cha cháu đang ở dưới kia! - Robert kêu lên chỉ tay xuống biển.

Không ai có thể hiểu được chuyện gì đã xảy ra.

- Vâng, vâng, - chú bé nhắc lại - Cha cháu đang ở dưới đó! Cháu nghe thấy tiếng kêu của cha cháu! Chị Mary cháu cũng nghe thấy mà...

- Vừa lúc ấy Mary tỉnh lại và trong cơn hoảng loạn ấy cô cũng kêu lên:

- Cha! Cha ở dưới biển!...

Cô bé tội nghiệp cúi qua mạn tàu như định lao xuống biển.

- Thưa huân tước! Thưa huân tước phú nhân Helena! Cháu xin nói với ông bà là cha cháu đang ở dưới biển đó! - Cô gái nắm chặt tay khẳng định. - Cháu xin đảm bảo với ông bà rằng cháu nghe thấy tiếng kêu của cha cháu! Tiếng kêu cha cháu từ dưới biển vọng lên giống như một lời cầu cứu...

Robert vẫn nhắc đi nhắc lại:

- Cha cháu, cha cháu ở dưới biển đó! Cháu tin chắc như vậy mà, thưa huân tước.

Những người chứng kiến cảnh đau lòng

ấy cuối cùng đã hiểu rằng những đứa con của thuyền trưởng Grant bị ảo giác đánh lừa. Nhưng nói thế nào cho chúng tin điều ấy?

Glenarvan đã định nói cho chúng biết. Ông nắm tay Robert hỏi:

- Cháu nghe thấy tiếng của cha cháu à?

- Vâng, thưa huân tước. Ở dưới biển ấy. Cha cháu kêu: "Cứu tôi với! Cứu tôi với!"

- Và cháu nhận ra tiếng của cha cháu?

- Cháu có nhận ra tiếng của cha cháu không ư? Ô! Cháu xin thề với huân tước mà! Cả chị cháu cũng nghe thấy và nhận ra tiếng của cha cháu mà! Không lẽ huân tước lại nghĩ rằng cả hai chị em cháu có thể nhầm được chăng? Thưa huân tước, cần phải cứu cha cháu! Hạ xuống xuống! Hạ xuống xuống!

Glenarvan thấy rằng không thể thuyết phục được chú bé tội nghiệp này. Ông đành thực hiện biện pháp cuối cùng là gọi người lái tàu đến.

- Hawkins, - ông nói với người lái, - lúc cô Mary bị ngất chú vẫn đứng yên bên tay lái chứ?

- Vâng. - Hawkins đáp.

- Và chú không trông thấy gì, không nghe thấy gì à?

- Không ạ.

- Đấy, cháu thấy chưa, Robert!

- Nếu đấy là cha của chú ấy thì chú ấy đã không nói rằng không nghe thấy gì cả. - Robert nóng nảy kêu lên. - Đây là cha của cháu, thưa huân tước, cha của cháu mà, cha ơi!

Robert nói nức nở. Chú tái người ngất lịm. Glenarvan đưa chú vào phòng nằm.

Ngày hôm sau mồng 8 tháng ba, lúc 5 giờ sáng, khi trời vừa ửng nắng, các hành khách trong đó có cả Robert và Mary - không thể nào giữ chúng trong phòng được, - tụ tập trên boong tàu Duncan. Ai nấy đều muốn nhìn mặt đất, dù chỉ thoáng qua thôi. Mọi người dán mắt vào chiếc ống nhòm để nhìn cảnh vật trên đảo cho thật rõ.

Bỗng Robert kêu to lên. Chú bé cam đoan đã nhìn thấy hai người chạy trên bờ, còn người thứ ba thì vẫy cờ.

- Cờ nước Anh! - John Mangles kêu lên, mắt vẫn nhìn qua ống nhòm.

- Đúng thế! - Paganel la to, quay phắt về phía Robert.

- Thưa huân tước, - chú bé nói giọng run run vì hồi hộp, - nếu huân tước không muốn cho cháu bơi vào bờ thì xin huân tước cho hạ xuống xuống. Cháu quý gối lạy huân tước, hãy cho cháu được lên bờ đầu tiên.

- Hạ xuống! - Ông ra lệnh.

Một phút sau, chiếc xuồng đã nổi lên mặt nước. Những đứa con của thuyền trưởng Grant, Glenarvan, John Mangles, Paganel lên xuồng. Chiếc xuồng lao nhanh về phía trước, dưới tay chèo gấp của sáu thủy thủ.

Cách bờ khoảng hai trăm mét Mary kêu to bằng giọng thống thiết.

- Cha!

Trên bờ, đứng cạnh hai người bạn là một người cao, thân hình chắc nịch, trên nét mặt gợi cảm của ông ta, hiền lành và dũng cảm, có những nét hao hao giống cả hai đứa trẻ Grant. Không nghi ngờ gì nữa, đấy chính là người mà Mary và Robert hằng mong nhớ. Trái tim đã không đánh lừa chúng - đó là cha của chúng, đó là thuyền trưởng Grant!

Thuyền trưởng nghe thấy tiếng kêu của Mary, ông đưa hai tay ra và ngã xuống như bị sét đánh.



Sự xúc động thường không làm cho ai chết cả. Ngay cả người cha lẫn những đứa con đều đã tỉnh lại, từ trước khi chiếc xuồng về đến tàu. Biết đâu là lời lẽ để miêu tả cảnh tượng này. Cả đoàn thủy thủ đều khóc, khi nhìn thấy ba người lạng áp sát vào nhau.

Harry Grant, khi bước lên tàu Duncan, nơi đối với ông ta là tượng trưng cho quê

hương Scotland thân yêu, đã tạ ơn trời cứu thoát mình. Sau đó bằng một giọng run run vì hồi hộp. Ông đã bày tỏ lòng biết ơn nồng nhiệt đối với Glenarvan và tất cả những người cùng đi với huân tước. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi chiếc xuồng bơi về tàu. Mary và Robert đã kịp kể vài lời cho cha nghe về cuộc thám hiểm của Duncan.

Ông đã bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với huân tước phu nhân Helena, người phụ nữ cao thượng và những người đi cùng với nàng.

Gương mặt dũng cảm của ông ngời lên vẻ sáng diệu hiền, khiến cả đoàn thủy thủ cảm thấy mình được khen thưởng quá nhiều về tất cả những gì mà họ đã vượt qua. Ngay đến thiếu tá vốn điềm tĩnh cũng không cảm lòng được và rơm rớm nước mắt. Còn Paganel thì đã khóc như một đứa trẻ, thậm chí không muốn dấu những giọt nước mắt của mình.

Harry Grant mắt không rời con gái. Ông cảm thấy tự hào về sắc đẹp duyên dáng của con. Quay sang con trai, ông phấn khởi khen con:

- Cu cậu lớn quá! Ra đáng đàn ông lắm!

Rồi ông hôn thắm thiết hai đứa con yêu quý.

Huân tước phu nhân Helena kể cho thuyền trưởng nghe về cuộc hành trình của

họ. Thuyền trưởng có thể tự hào về cậu em trai và cô con gái.

Sau khi huân tước phu nhân Helena, đến lượt John Mangles lên tiếng. Chàng đã hết lời ca ngợi Mary Grant. Những điều ấy ít nhiều Harry Grant đã được nghe qua lời kể của huân tước phu nhân Helena. Ông xúc động nắm tay con gái đặt vào tay chàng thuyền trưởng trẻ tuổi dũng cảm ấy. Rồi quay về phía vợ chồng huân tước Glenarvan, ông nói:

- Thưa huân tước và huân tước phu nhân, chúng ta cầu mong cho con cái chúng ta được hạnh phúc!

Glenarvan nói cho Harry Grant biết về Ayrton. Theo lời của thuyền trưởng Grant thì tất cả những gì viên hoa tiêu nói về việc hấn bị dầy lên bờ biển Australie đều đúng cả.

- Hấn là người can đảm, nhưng liều lĩnh, - ông nói thêm. - Những ham muốn cực độ đã lôi kéo hấn vào tội ác. Chúng ta tin tưởng rằng rồi hấn sẽ hồi tâm hối hận và trở lại với những tình cảm tốt đẹp.

Nhưng Harry Grant muốn trước khi dầy Ayrton lên đảo, được tiếp những người bạn mới tại nơi ở của mình trên đảo đã. Ông mời họ đi thăm căn nhà gỗ của mình và ăn cơm sau chiếc bàn Robinson nơi đại dương.

Glenarvan và những người cùng đi với ông vui vẻ nhận lời.

Paganel rất phấn khởi. Những ước mơ trở thành Robinson ngày cũ đã sống lại trong ông.

- Chẳng có gì phải thương xót cho tên Ayrton bịp bợm cả! Hòn đảo này là thiên đường thực sự! - Nhà địa lý thốt lên.

- Đúng nó là thiên đường đối với ba nạn nhân bị đắm tàu, - Harry Grant tán thành. - Nhưng tôi rất tiếc rằng Maria Thérèse không phải là hòn đảo rộng và màu mỡ, tôi muốn có sông, chứ không phải có suối và có cảng chứ không phải có một cái vịnh nhỏ.

- Bởi vì, nếu vậy thì tôi đã thành lập ở đây, trên biển Thái Bình Dương này, một vùng dân di cư Scotland rồi.

- Hóa ra thế, thuyền trưởng Grant! Hẳn là ông vẫn chưa từ bỏ cái ý định đã làm cho ông nổi tiếng khắp xứ sở chúng ta? - Glenarvan nói.

- Chưa, chưa từ bỏ đâu, thưa huân tước. Nhờ trời và các ông, tôi được cứu thoát chính là để thực hiện ý định ấy.

- Thôi, không sao thuyền trưởng ạ, - Glenarvan nói. - Tương lai nằm trong tay chúng ta! Chúng ta sẽ cùng nhau tìm những vùng đất mới ấy.

Harry Grant và Glenarvan bắt chặt tay nhau như để chứng thực cho lời hứa ấy.

Harry Grant vui vẻ kể:

- Câu chuyện của tôi, - ông bắt đầu, - đó là câu chuyện của tất cả những Robinson đã bị trôi giạt vào đảo hoang. Chỉ còn biết trồng cây vào trời và chinh bản thân mình. Họ hiểu rằng cần phải đấu tranh với chính lực lượng thiên nhiên để sống.

Đêm 26 rạng 27 tháng sáu năm 1862, Britannia bị mất tay lái trong trận bão kéo dài sáu ngày, bị va vào đá ngầm ở Maria Thérèse. Biển động dữ dội, đến mức không thể cứu được tất cả mọi người và đoàn thủy thủ không may của chúng tôi đã bị chết hết. Chỉ còn hai thủy thủ là Bob Learce, Joy Bell và tôi, sau nhiều lần vùng vẫy, đã thoát được lên bờ. Vùng đất mà chúng tôi nương thân hóa ra là một đảo nhỏ hoang vắng dài năm dặm, rộng hai dặm. Trên đảo có ba chục cây, vài bãi cỏ, có một nguồn nước may thay không bao giờ bị cạn. Cùng sống với hai thủy thủ của mình ở một nơi heo hút trên trái đất, tôi không hề bị mất tinh thần mà sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách. Bob và Joe, những người bạn cùng cảnh hoạn nạn với tôi đã tận lực giúp tôi.

Theo gương của Robinson chúng tôi bắt đầu thu nhặt những mảnh tàu vỡ, các dụng cụ, một ít thuốc súng, vũ khí, bao tải đựng những hạt giống quý.

Những ngày đầu rất khó khăn, nhưng

chẳng bao lâu việc săn thú và bắt cá đã đảm bảo cho chúng tôi có cái ăn, đảo đầy những đê rừng và biển có nhiều cá. Dần dần cuộc sống của chúng tôi ổn định.

Thoạt đầu tôi định rời khỏi đảo bằng chiếc thuyền đóng bằng những mảnh tàu vỡ, nhưng vùng đất gần nhất là đảo Pomotou cách chúng tôi những một ngàn năm trăm hải lý. Không có thuyền nào có thể bơi xa như vậy được. Suốt thời gian ở đây, đôi ba lần tôi thấy tận chân trời, cánh buồm xuất hiện nhưng rồi lại biến mất ngay. Tôi hiểu chỉ có sự ngẫu nhiên mới cứu chúng tôi thoát được thôi.

Cuối cùng, ngày hôm qua, tôi leo lên một tảng đá cao, bỗng thấy phía tây có một làn khói nhẹ, làn khói cứ lớn dần. Tôi nhanh chóng nhận ra một chiếc tàu. Hình như con tàu tiến về phía chúng tôi.

Ôi, sao cái ngày hôm qua lại khác khoải đến thế! Tim tôi như muốn vỡ ra trong lồng ngực. Các bạn của tôi đêm qua đã đốt lửa trên đỉnh núi. Nhưng không có dấu hiệu nào chứng tỏ người trên tàu đã nhận ra chúng tôi cả. Việc cứu thoát chúng tôi tùy thuộc vào con tàu ấy. Không lẽ chúng tôi bỏ lỡ cơ hội này được sao! Tôi không chần chờ nữa, bóng đêm dày hơn. Đêm nay con tàu có thể chạy vòng qua đảo đi mất. Tôi lao xuống nước và bơi lại phía

tàu. Niềm hy vọng thêm sức cho tôi. Tôi rẽ sóng bơi với sức mạnh phi thường. Chiếc tàu cách tôi sáu mươi mét thì bỗng nó đổi hướng. Lúc ấy tôi đã kêu lên những tiếng kêu cứu thất vọng mà chỉ có những đứa con của tôi mới nghe thấy. Sau đó tôi trở lại bờ, kiệt sức vì hồi hộp và mệt nhọc. Những người thủy thủ đã kéo tôi lên bờ trong tình trạng nửa sống nửa chết. Cái đêm cuối cùng trên đảo thật khủng khiếp...

Những lời cuối của thuyền trưởng đã chìm đắm trong những cái hôn và sự âu yếm mà Mary và Robert đã dành cho cha. Và mãi đến bây giờ thuyền trưởng mới biết là ông ta được cứu thoát là nhờ bức thư khó đọc mà ông đã để trong chai bỏ xuống biển sau khi xảy ra tai nạn được một tuần.

Paganel không kiềm chế được mình nữa. Ông nắm lấy tay Harry Grant.

- Thuyền trưởng, ông hãy cho biết, rốt cuộc thì nội dung bức thư bí ẩn đó ông nói gì?

Như các vị đã biết, vì muốn tăng thêm những cơ hội được cứu thoát, tôi đã để vào chai ba lá thư bằng những thứ tiếng khác nhau. Vậy các vị quan tâm đến lá thư nào?

- Chẳng phải ba lá thư giống nhau sao? - Paganel ngạc nhiên.

- Giống nhau, trừ một địa danh.

- Vậy thì ông hãy cho biết bản tiếng Pháp, - Glenarvan nói, - bản ấy ít bị nước biển ăn mòn hơn và các lời giải thích của chúng tôi chủ yếu dựa vào đó.

Bản ấy chính xác như sau:

"Ngày 27 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania đi từ cảng Glassgow đã bị nạn ở cách Patagonia một ngàn năm trăm hải lý, phía nam bán cầu. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã thoát lên đảo Tabor".

- Sao? - Paganel kêu to.

- Tại đây, - Harry Grant tiếp tục, - thường xuyên phải chịu đựng những thiếu thốn cùng cực, họ đã bỏ thư này ở kinh độ 153° và vĩ độ $37^{\circ} 11'$. Hãy đến cứu giúp họ hoặc là họ sẽ chết.

Sau khi nghe từ "Tabor", Paganel đứng bật dậy và nổi khùng lên:

- Sao lại là đảo "Tabor" được? Đây là đảo Maria Thérésa kia mà!

- Hoàn toàn đúng như vậy, thưa ngài Paganel, - Harry Grant trả lời. - Trên bản đồ bằng tiếng Anh và tiếng Đức thì là Maria Thérésa, còn trên bản đồ bằng tiếng Pháp thì đó là "Tabor".

Vừa lúc ấy có ai đó vỗ mạnh vào vai Paganel làm ông chúm xuống. Công bằng mà nói thì đây là lần đầu tiên mà thiếu tá đã vì

phạm nguyên tắc tế nhị nghiêm ngặt của mình và đã tặng Paganel cú đấm ấy.

- Thầy địa lý! - Mac Nabbs nói đầy vẻ coi thường.

Nhưng Paganel thậm chí đã không cảm thấy cú đấm ấy. Cú đấm ấy có nghĩa lý gì so với đòn đánh vào lòng tự trọng bác học của ông ta.

- Nhưng đằng nào cũng vậy thôi! - Paganel vò đầu bức tóc với vẻ thất vọng. Lẽ ra tôi không được quên cái tên có hai cách gọi ấy! Đây là một nhầm lẫn không thể tha thứ được, một sự nhầm lẫn không xứng đáng là thư ký của Hội địa lý! Tôi thật nhục nhã!

- Ngài Paganel, hãy bình tĩnh! - Huân tước phu nhân Helena an ủi nhà địa lý.

- Không, không! Tôi đích thị là một con lừa!

- Thậm chí không phải là một con lừa bác học nữa, - thiếu tá hài hước.

- Đúng là sự nhầm lẫn ấy không thể tránh được. - Huân tước nói - Bởi vì trên tất cả các bản đồ hàng hải của tàu Duncan đảo ấy đều được viết với cái tên Maria Thérèse.

Mọi người trở lại tàu Duncan. Glenarvan muốn rời khỏi đây ngay trong ngày hôm ấy, nên đã ra lệnh đưa gã hoa tiêu lên đảo. Ayrton được dẫn vào phòng Harry Grant.

- Ta ở đây, Ayrton. - Grant nói.

- Tôi thấy rồi, thưa thuyền trưởng, - gã hoa tiêu lên tiếng, không hề tỏ chút gì ngạc nhiên. - Biết nói sao bây giờ, tôi vui mừng thấy thuyền trưởng mạnh khỏe.

- Có lẽ, Ayrton, ta đã lắm khi đã đầy người lên nơi có dân.

- Có lẽ, thưa thuyền trưởng.

- Bây giờ người sẽ thế chỗ ta trên hòn đảo hoang này. Ta hy vọng rằng người sẽ ăn năn hối hận về những tội lỗi mà người đã gây ra cho mọi người.

- Mọi việc đều có thể. - Ayrton bình tĩnh đáp.

Glenarvan nói với gã hoa tiêu:

- Vậy là Ayrton, người vẫn muốn được đưa lên một hòn đảo không người như trước chứ?

- Vâng.

- Đảo Tabor được chứ?

- Hoàn toàn được.

Chiếc xuồng đã đậu sẵn. Ayrton xuống xuồng. John Mangles đã cho mang trước lên đảo mấy hộp đồ hộp, quần áo, dụng cụ, súng săn, cũng như thuốc súng dự trữ và đạn. Như vậy là gã hoa tiêu có thể làm việc và tự cải tạo trong lao động... Gã có đủ mọi điều kiện cần thiết, thậm chí cả sách trong đó có kinh thánh.

Giờ cuối cùng đã đến. Toàn đoàn thủy thủ và các hành khách tụ hợp trên boong. Nhiều người tim thất lại. Mary Grant và huân tước phu nhân không giữ nổi sự hồi hộp.

- Cần phải như vậy sao, anh? - Người vợ hỏi chồng. - Cần phải già từ ở đây một người bất hạnh sao, anh?

- Đúng, Helena ạ, cần phải như vậy, - Glenarvan đáp. - Đó là một sự chuộc tội.

Vừa lúc ấy chiếc xuồng theo lệnh của John Mangles rời tàu. Ayrton vẫn đứng đững như mọi khi, đứng bỏ mũ ra và cúi xuống với vẻ mặt trang nghiêm.

- Ta lên đường chứ ạ, thưa huân tước? - John Mangles hỏi.

- Lên đường, John, - Glenarvan đáp. Ông ngậm ngùi nhưng cố giữ không để lộ ra.

- Mở hết tốc lực, tiến lên! - Thuyền trưởng trẻ ra lệnh cho thủy thủ máy.

Hơi nước reo rào rào trong các đường ống. Chân vịt quay tít, tám giờ tối, những vách đá của đảo Tabor đã khuất trong bóng đêm.

19. THUYỀN TRƯỞNG GRANT TRỞ VỀ

Ngày 18 tháng ba, sau khi Duncan rời đảo Tabor mười một ngày, bờ biển châu Mỹ hiện lên trước mắt, và ngay hôm sau, con tàu đã thả neo tại vịnh Talcahuano. Duncan đã trở về đây sau năm tháng trời lênh đênh trên biển. Suốt thời gian ấy, nó đã bám sát vĩ tuyến 37 và đi vòng quanh trái đất. Những người tham gia cuộc thám hiểm đáng ghi nhớ và chưa có tiền lệ trong biên niên sử của câu lạc bộ các nhà du hành Anh đã đến Chili, các vùng thảo nguyên Nam Mỹ, Argentine, Đại Tây Dương, các đảo Tristan d'Acuna, Ấn Độ Dương, các đảo Amsterdam, Australie, New Zealand, đảo Tabor và Thái Bình Dương. Và những cố gắng của các nhà thám hiểm đã kết thúc thắng lợi, họ đã đưa được những người bị nạn trên tàu Britania trở về quê hương.

Sau khi dự trữ thêm than, Duncan di chuyển dọc theo bờ biển Patagonia và vòng qua mũi Horn, chạy trên Đại Tây Dương.

Cuối cùng ngày 9 tháng năm, sau năm mươi ba ngày rời khỏi vịnh Talcahuano, John Mangles đã nhận thấy những ngọn lửa ngọn

hải đăng của mũi Clear. Con tàu đi vào eo biển Georges, băng qua biển Irlande và ngày 10 tháng năm đã ở vịnh Clyd. Mười một giờ sáng, Duncan thả neo bên cảng Dumbarton, và hai giờ đêm, các hành khách và thủy thủ đã bước vào lâu đài Malcolm, trong tiếng hoan hô rầm trời của những người dân miền núi chào đón họ trở về.

Đúng như mọi điều đã dự tính, Harry Grant và hai người bạn của ông được cứu thoát. Mary Grant đã làm lễ thành hôn với John Mangles tại nhà thờ cổ kính Mungo và chính ông Paxton, chín tháng trước đây đã cầu nguyện cho cha của Mary được cứu thoát, giờ đây lại ban phước cho cuộc hôn nhân của con gái ông ta và người đã cứu sống ông ta. Còn Robert đã quyết định trở thành thủy thủ dũng cảm như Harry Grant và John Mangles và cùng làm việc với họ dưới sự bảo trợ của huân tước Glenarvan.

Sau tất cả những chiến công của mình, nhà bác học dũng cảm không thể không trở nên nổi tiếng được. Những câu chuyện về sự đáng trí của ông đã gây nên những ấn tượng mạnh mẽ trong giới thượng lưu ở Scotland. Nhà địa lý được người ta giành nhau mời đến thuyết trình. Nhưng ông không thể nào đến hết được mọi nơi. Vậy mà có một cô gái ba mươi tuổi dễ thương, người đó không phải là

ai khác mà chính là cô Arabella, người em họ của thiếu tá Mac Nabbs, hiền lành và hấp dẫn đã yêu nhà bác học địa lý và sẵn sàng hiến dâng trái tim cho chàng. Paganel không thể từ chối tình yêu thắm thiết của nàng. Và hai tuần lễ sau, đám cưới của họ đã được tổ chức tưng bừng tại lâu đài Malcolm.

Sự kiện thuyền trưởng Grant trở về Scotland đã trở thành ngày hội dân tộc. Còn chính bản thân ông thì trở thành một người lừng tiếng khắp xứ Scotland. Con trai Robert của ông được đào tạo thành thủy thủ nổi gót cha và thuyền trưởng John Mangles. Với sự hỗ trợ của huân tước Glenarvan, chú không từ bỏ ý định thành lập vùng di dân Scotland trên các hòn đảo Thái Bình Dương.

MỤC LỤC

1. Ba lá thư của thuyền trưởng Grant ... Trg.3	
2. Lâu đài Malcolm	17
3. Hành khách phòng số 6	28
4. Vì tuyến ba mươi bảy.....	48
5. Trên độ cao ba ngàn sáu trăm mét.....	55
6. Những con sói Nam Mỹ.....	67
7. Ở đồn Độc Lập.....	81
8. Trở lại tàu Duncan.....	89
9. Ayrton.....	96
10. Ra đi	111
11. Báo Australian và New Zealand	122
12. Aland Zealand.....	135
13. Bốn ngày cực nhọc	146
14. Trong tay những người Maori	162
15. Những giờ cuối cùng	175
16. Giải thích hải trình của tàu Duncan....	198
17. Bản giao kèo.....	206
18. Tiếng kêu trong đêm	215
19. Thuyền trưởng Grant trở về.....	235
Mục lục.....	238

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04) 9434044;

Fax: 04. 8229078

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Q.3 - Tp.

HCM - ĐT: (08). 9303262

Tủ sách TRONG GIA ĐÌNH

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập : THANH HẰNG

Trình bày : THIÊN THIÊN

Sửa bản in : BÍCH THỦY

Bìa : HUY TIẾN

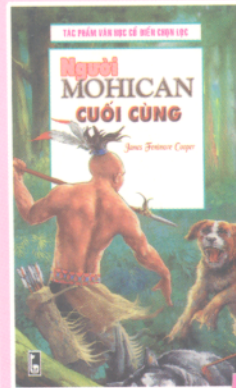
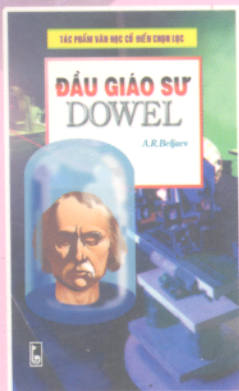
In 700 cuốn, khổ 10.5 cm x 17.5 cm. Tại Xí nghiệp in Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số đăng ký KHXB số 58/832 CXB. Do Cục Xuất Bản cấp ngày 18.06.2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10.2001.

Mời các bạn đón đọc

TÁC PHẨM VĂN HỌC CỔ ĐIỂN CHỌN LỌC

Trọn bộ 25 tác phẩm nổi tiếng ch
lọc của các tác giả lừng danh: Vi
Hugo, Alexandre Dumas, Jules Ver
Jack London, Mark Twain, Dan
Defoe, A.R. Beljaev, H.G. Wells...



Nhà sách **TÂN**
02 CÔNG HÒA, P.4,
Tel: 8441781 - 08

